

Số: ~~1502~~ /QĐ-ĐHTCM

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày ~~15~~ tháng 4 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành mục tiêu, chuẩn đầu ra
của các chương trình đào tạo chuẩn trình độ đại học

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI CHÍNH – MARKETING

Căn cứ Luật Giáo dục đại học số 125/2025/QH15 được Quốc hội thông qua ngày 10 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 91/2026/NĐ-CP ngày 30 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp tổ chức, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục đại học 2025;

Căn cứ Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 1911/QĐ-ĐHTCM ngày 17 tháng 7 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính – Marketing ban hành quy định xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo; rà soát, đánh giá và cải tiến các chương trình đào tạo các trình độ đào tạo tại Trường Đại học Tài chính – Marketing;

Căn cứ Thông báo số 1280/TB-ĐHTCM-QLĐT ngày 10 tháng 4 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính – Marketing kết luận tại phiên họp Hội đồng Khoa học và đào tạo tháng 4/2025;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý đào tạo và Trưởng khoa các Khoa, Viện đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này mục tiêu, chuẩn đầu ra của các chương trình đào tạo chuẩn trình độ đại học tại Trường Đại học Tài chính – Marketing. ✓

Điều 2. Mục tiêu, chuẩn đầu ra quy định tại Điều 1 được áp dụng từ khóa tuyển sinh năm 2026 trở đi.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký. Trường phòng Quản lý đào tạo, Trường phòng Khảo thí và Quản lý chất lượng, Trường các Khoa, Viện đào tạo chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./✓

Nơi nhận:

- PHT phụ trách đào tạo;
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, QLĐT (02b). ✓



HIỆU TRƯỞNG

Phạm Tiến Đạt

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH - MARKETING

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**DANH SÁCH CÁC NGÀNH, CHUYÊN NGÀNH CỦA
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHUẨN TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1502 /QĐ-ĐHTCM ngày 15 tháng 4 năm 2026
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính – Marketing)

STT	NGÀNH ĐÀO TẠO	CHUYÊN NGÀNH ĐÀO TẠO
1	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp
		Quản trị bán hàng
2	Bất động sản	Kinh doanh bất động sản
3	Marketing	Quản trị Marketing
		Truyền thông marketing
		Quản trị thương hiệu
4	Kinh doanh quốc tế	Quản trị kinh doanh quốc tế
		Thương mại quốc tế
		Logistics và Quản trị chuỗi cung ứng toàn cầu
5	Tài chính – Ngân hàng	Tài chính doanh nghiệp
		Ngân hàng
		Thẩm định giá
		Thuế
		Tài chính công
6	Công nghệ tài chính	Hải quan – Xuất nhập khẩu
		Công nghệ tài chính
7	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp
		Kiểm toán
8	Kiểm toán	Kiểm toán
9	Luật kinh tế	Luật đầu tư và kinh doanh
10	Kinh tế	Kinh tế
11	Kinh tế chính trị	Kinh tế chính trị quốc tế
		Kinh tế chính trị tài chính
12	Quản lý kinh tế	Quản lý kinh tế
13	Toán kinh tế	Tài chính định lượng
14	Hệ thống thông tin quản lý	Hệ thống thông tin kế toán
		Tin học quản lý
15	Khoa học dữ liệu	Khoa học dữ liệu
16	Trí tuệ nhân tạo	Trí tuệ nhân tạo trong phân tích

STT	NGÀNH ĐÀO TẠO	CHUYÊN NGÀNH ĐÀO TẠO
		kinh doanh và tài chính
		Trí tuệ nhân tạo trong Marketing số
17	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh kinh doanh
Tổng cộng: 17 ngành, 31 chuyên ngành đào tạo./.		

MỤC TIÊU VÀ CHUẨN ĐẦU RA
CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHUẨN TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
(Ban hành kèm theo Quyết định số 1502 /QĐ-ĐHTCM, ngày 15 tháng 4 năm 2026
của Hiệu trưởng trường Đại học Tài chính – Marketing)

1. Giới thiệu ngành đào tạo:

- Ngành đào tạo (tiếng Việt): Quản trị kinh doanh
- Ngành đào tạo (tiếng Anh): Business Administration
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Mã ngành: 7340101
- Định hướng đào tạo: Ứng dụng

2. Mục tiêu đào tạo:

2.1. Mục tiêu chung:

Chương trình đào tạo chuẩn cử nhân ngành Quản trị kinh doanh theo định hướng ứng dụng nhằm đào tạo nguồn nhân lực có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm xã hội; có nền tảng kiến thức hệ thống về kinh tế, pháp luật và quản trị kinh doanh; có khả năng vận dụng kiến thức, công cụ và phương pháp quản trị để phân tích, đánh giá và giải quyết các vấn đề trong hoạt động của doanh nghiệp, đặc biệt trong các lĩnh vực quản trị, kinh doanh và vận hành trong bối cảnh chuyển đổi số và hội nhập; đồng thời hình thành tư duy đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp; có năng lực tự học, tự nghiên cứu, thực hành nghề nghiệp và thích ứng với sự thay đổi trong môi trường kinh doanh biến động.

2.2. Mục tiêu cụ thể:

❖ Về kiến thức

- PO1: Phát triển năng lực vận dụng kiến thức nền tảng về khoa học tự nhiên, xã hội, kinh tế; kiến thức nền tảng và chuyên sâu về quản trị và kinh doanh nhằm tham gia phân tích thị trường và hỗ trợ hiệu quả hoạt động của tổ chức trong bối cảnh kinh doanh trong nước và hội nhập khu vực.

❖ Về kỹ năng

- PO2: Hình thành và phát triển kỹ năng giải quyết các vấn đề quản trị và kinh doanh, sử dụng hiệu quả công nghệ và các công cụ quản trị trong môi trường nghề nghiệp.

❖ Về mức tự chủ và trách nhiệm

- PO3: Thực hiện tính tự chủ, tuân thủ pháp luật và đạo đức kinh doanh, có trách nhiệm với cá nhân và tổ chức, đồng thời chủ động học tập nhằm thích ứng với môi trường kinh doanh biến động. ✓

3. Nội dung chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

❖ Về kiến thức

- PLO1: Vận dụng kiến thức nền tảng và chuyên sâu trong môi trường kinh doanh.
- + PI1.1: Phân tích các yếu tố kinh tế, tự nhiên và xã hội trong tình huống doanh nghiệp.
- + PI1.2: Giải thích vấn đề phát sinh trong hoạt động của doanh nghiệp dựa trên kiến thức nền tảng và chuyên sâu.

- PLO2: Đánh giá các mô hình, công cụ và hoạt động quản trị trong môi trường kinh doanh.

+ PI2.1: Phân tích mô hình/công cụ/ hoạt động quản trị trong doanh nghiệp.

+ PI2.2: Đánh giá hiệu quả quyết định quản trị dựa trên dữ liệu.

- PLO3: Thiết kế giải pháp quản trị dựa trên dữ liệu và bối cảnh thực tiễn.

+ PI3.1: Xây dựng phương án hoặc chiến lược kinh doanh phù hợp với bối cảnh.

+ PI3.2: Đề xuất giải pháp có luận cứ, dữ liệu và tính khả thi rõ ràng.

❖ Về kỹ năng:

- PLO4: Phân tích dữ liệu phục vụ ra quyết định trong môi trường kinh doanh.

+ PI4.1: Thu thập, tích hợp và phân tích dữ liệu từ nhiều nguồn, khai thác hiệu quả các công cụ phù hợp (bao gồm ngôn ngữ và tài liệu tiếng Anh) nhằm hỗ trợ ra quyết định trong môi trường kinh doanh toàn cầu.

+ PI4.2: Trình bày kết quả phân tích dữ liệu để hỗ trợ ra quyết định quản trị trong bối cảnh cạnh tranh và hội nhập, có khả năng sử dụng tiếng Anh trong giao tiếp chuyên môn.

- PLO5: Ứng dụng công nghệ và công cụ quản trị trong hoạt động doanh nghiệp.

+ PI5.1: Sử dụng công cụ và công nghệ trong hoạt động quản trị doanh nghiệp.

+ PI5.2: Đánh giá hiệu quả ứng dụng công nghệ trong hoạt động quản trị.

- PLO6: Ra quyết định trong bối cảnh làm việc nhóm và môi trường thay đổi.

+ PI6.1: Phối hợp làm việc nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

+ PI6.2: Đưa ra quyết định phù hợp dựa trên lập luận và dữ liệu.

❖ Về mức tự chủ và chịu trách nhiệm

- PLO7: Thực hiện trách nhiệm nghề nghiệp và phát triển năng lực học tập suốt đời.

+ PI7.1: Tuân thủ quy định pháp luật và chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp.

+ PI7.2: Chủ động học tập và thích ứng với sự thay đổi trong môi trường làm việc. ✓

4. Ma trận liên kết giữa các học phần và Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

SSTT	Tên học phần	TC	PLOs													
			PLO1		PLO2		PLO3		PLO4		PLO5		PLO6		PLO7	
			PI1.1	PI1.2	PI2.1	PI2.2	PI3.1	PI3.2	PI4.1	PI4.2	PI5.1	PI5.2	PI6.1	PI6.2	PI7.1	PI7.2
1. Khối kiến thức Giáo dục đại cương																
a. Kiến thức lý luận chính trị																
1	Triết học Mác – Lênin	3	I													I
2	Kinh tế chính trị Mác – Lê nin	2	I													I
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	I													I
4	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	I													I
5	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	I													I
b. Kiến thức pháp luật																
6	Pháp luật đại cương	3	R								R					R
c. Ngoại ngữ																
7	Tiếng Anh trong kinh doanh	3	I								I					I
8	Tiếng Anh trong kinh doanh nâng cao	3	R								R					R
d. Toán – Tin học																
9	Năng lực Số	3	I								I					I
10	Toán kinh tế	3	I								I					I
2. Khối kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp																
a. Kiến thức cơ sở ngành																
11	Kinh tế học vi mô	3	I			I					I					I
12	Kinh tế học vĩ mô	3	I			I					I					I

STT	Tên học phần	TC	PLOs									
			PLO1		PLO2		PLO3		PLO4		PLO5	
			PI1.1	PI1.2	PI2.1	PI2.2	PI3.1	PI3.2	PI4.1	PI4.2	PI5.1	PI5.2
13	Nguyên lý kế toán	3	R	R							R	
14	Nguyên lý marketing	3			R		R					
15	Quản trị học	3			R						I	R/A
16	Tài chính – Tiền tệ	3			R						R	
17	Luật kinh doanh	3			R						R	
18	Thuế	3			R						R	
19	Tài chính doanh nghiệp	3		R					R			
20	Khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo	3			R		M/A	M/A			R/A	
21	Kinh tế lượng	3	R						R		R	
22	Phát triển bền vững	3	R						R		R	
23	Trí tuệ nhân tạo trong kinh doanh	3			R						R	
b. Kiến thức ngành												
24	Quản trị vận hành và công nghệ	3			R			R/A			R/A	R
25	Hành vi khách hàng	3	R				R			R		
26	Đạo đức kinh doanh và trách nhiệm xã hội	3		R/A							R	R/A
27	Quản trị nguồn nhân lực	3			R/A						R/A	R
28	Quản trị mô hình kinh doanh	3						M				M
29	Quản trị chiến lược	3		R/A	R/A		M/A	R				M/A
30	Kinh doanh quốc tế	3	R	R					R	R		R

STT	Tên học phần	TC	PLOs									
			PLO1		PLO2		PLO3		PLO4		PLO5	
			PI1.1	PI1.2	PI2.1	PI2.2	PI3.1	PI3.2	PI4.1	PI4.2	PI5.1	PI5.2
31	Thực hành nghề nghiệp	3	R/A			R/A			R/A	R/A		
32	Quản trị chuỗi cung ứng	3			M			R			M/A	M/A
33	Phân tích dữ liệu kinh doanh	3				R					R	
c. Kiến thức chuyên ngành												
Chuyên ngành 1: Quản trị kinh doanh tổng hợp												
Học phần bắt buộc												
34	Quản trị chất lượng	3			M				M			
35	Quản trị rủi ro	3		R		M/A						
36	Quản trị đổi mới	3					M	M			R	
Tự chọn: 6 TC (sinh viên chọn 1 trong 2 nhóm dưới)												
Nhóm 1: Định hướng Quản trị nhân sự												
37	Quản trị đánh giá và đãi ngộ	3			M				M			
38	Quản trị thay đổi và phát triển tổ chức	3			R						M	M
Nhóm 2: Định hướng Quản trị doanh nghiệp												
39	Lãnh đạo	3			R						M	R
40	Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ	3					M				R	
Chuyên ngành 2: Quản trị bán hàng												
Học phần bắt buộc												
41	Bán hàng chuyên nghiệp	3			M					M		
											M	M

STT	Tên học phần	TC	PLOs														
			PLO1		PLO2		PLO3		PLO4		PLO5		PLO6		PLO7		
			PI1.1	PI1.2	PI2.1	PI2.2	PI3.1	PI3.2	PI4.1	PI4.2	PI5.1	PI5.2	PI6.1	PI6.2	PI7.1	PI7.2	
42	Quản trị quan hệ khách hàng	3				M/A								M			R
43	Quản trị xúc tiến thương mại	3				R								R	M		R
Tự chọn: 6 TC (sinh viên chọn 1 trong 2 nhóm dưới)																	
Nhóm 1: Định hướng Bán hàng cá nhân (B2C Sales Management)																	
44	Quản trị bán lẻ	3				M										R	R
45	Quản trị trung tâm thương mại	3					R							R			R
Nhóm 2: Định hướng Bán hàng tổ chức (B2B Sales Management)																	
46	Bán hàng chuyên nghiệp nâng cao	3				M						R					R
47	Quản trị kênh bán hàng	3				R			R					M		R	R
d. Kiến thức bổ trợ ngành																	
48	Quản trị bán hàng	3				R										R	R
49	Quản trị đa quốc gia	3							M/A							M	M
3. Tốt nghiệp																	
50	Khóa luận tốt nghiệp	6	M/A			M					M/A	M/A					M/A
Hoặc																	
51	Thực tập cuối khóa	3	M/A			M					M/A	M/A					M/A
52	Học phần thay thế: Thực hành Quản trị doanh nghiệp (Chuyên ngành Quản trị kinh doanh tổng hợp)	3							M			M	M			M	M

STT	Tên học phần	TC	PLOs													
			PLO1		PLO2		PLO3		PLO4		PLO5		PLO6		PLO7	
			PI1.1	PI1.2	PI2.1	PI2.2	PI3.1	PI3.2	PI4.1	PI4.2	PI5.1	PI5.2	PI6.1	PI6.2	PI7.1	PI7.2
53	Học phần thay thế: Thực hành Quản trị bán hàng tích hợp (Chuyên ngành Quản trị bán hàng)	3			M					M	M			M	M	M

Ghi chú: Mức độ đóng góp, hỗ trợ của học phần đối với PLOs được xác định cụ thể như sau:

- *I (Introduced)* – Học phần có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức giới thiệu/bắt đầu.
- *R (Reinforced)* – Học phần có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,...
- *M (Mastery)* – Học phần có hỗ trợ cao đạt được PLO và ở mức thuần thục/thông hiểu
- *A (Assessed)* – Học phần quan trọng (hỗ trợ tối đa việc đạt được PLO) cần được thu thập minh chứng để đánh giá chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.



TRƯỜNG KHOA
KHOA QUẢN TRỊ KINH DOANH

Phạm Tiến Đạt

Huỳnh Thế Nguyễn



**MỤC TIÊU VÀ CHUẨN ĐẦU RA
CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHUẨN TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 1502/QĐ-ĐHTCM, ngày 15 tháng 4 năm 2026
của Hiệu trưởng trường Đại học Tài chính – Marketing)

1. Giới thiệu ngành đào tạo:

- Ngành đào tạo (tiếng Việt): Bất động sản
- Ngành đào tạo (tiếng Anh): Real Estate
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Mã ngành: 7340116
- Định hướng đào tạo: Ứng dụng

2. Mục tiêu đào tạo:

2.1. Mục tiêu chung:

Chương trình đào tạo chuẩn ngành Bất động sản theo định hướng ứng dụng nhằm đào tạo cử nhân có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm xã hội; có nền tảng kiến thức vững chắc về kinh tế, pháp luật, quản trị và thị trường bất động sản; có khả năng vận dụng kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp để phân tích, đánh giá và giải quyết các vấn đề trong kinh doanh, đầu tư, thẩm định giá và phát triển dự án bất động sản trong bối cảnh hội nhập và phát triển bền vững; đồng thời hình thành tư duy đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp; có năng lực tự học, tự nghiên cứu, thực hành nghề nghiệp và thích ứng với sự thay đổi trong môi trường kinh doanh biến động.

2.2. Mục tiêu cụ thể:

❖ *Về kiến thức:*

PO1: Vận dụng kiến thức nền tảng và chuyên sâu về kinh tế, pháp luật, quản trị, tài chính và thị trường bất động sản để tham gia phân tích, hoạch định và hỗ trợ các hoạt động kinh doanh, đầu tư và quản lý bất động sản trong bối cảnh hội nhập quốc tế và phát triển bền vững.

❖ *Về kỹ năng:*

PO2: Phát triển kỹ năng giải quyết các vấn đề phát sinh trong hoạt động kinh doanh, đầu tư, thẩm định, môi giới và phát triển dự án bất động sản; đồng thời sử dụng hiệu quả công nghệ, công cụ phân tích và ngoại ngữ trong môi trường nghề nghiệp chuyên nghiệp và hội nhập quốc tế.

❖ *Về mức tự chủ và trách nhiệm:*

PO3: Thể hiện tính tự chủ trong công việc, tuân thủ pháp luật và chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp; có trách nhiệm đối với cá nhân và tổ chức; đồng thời chủ động học tập suốt đời.



đòi và thích ứng với sự thay đổi của thị trường và môi trường nghề nghiệp trong lĩnh vực bất động sản.

3. Nội dung chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo:

❖ Về kiến thức

- PLO1: Vận dụng kiến thức nền tảng về kinh tế, pháp luật, quản trị và thị trường bất động sản trong hoạt động nghề nghiệp.

+ PI1.1: Phân tích các yếu tố kinh tế và pháp lý ảnh hưởng đến một dự án bất động sản cụ thể.

+ PI1.2: Giải thích các hoạt động giao dịch và đầu tư bất động sản trong thực tiễn.

- PLO2: Đánh giá các mô hình, công cụ và hoạt động quản trị, tài chính trong kinh doanh và quản lý bất động sản

+ PI2.1: Phân tích hiệu quả tài chính của một dự án bất động sản dựa trên các chỉ tiêu phù hợp.

+ PI2.2: Đánh giá các phương án quản lý và khai thác bất động sản theo tiêu chí xác định.

- PLO3: Đề xuất giải pháp trong môi giới, thẩm định giá, đầu tư và phát triển dự án bất động sản theo hướng bền vững.

+ PI3.1: Đánh giá dự án đầu tư hoặc tài sản bất động sản theo các tiêu chí bền vững.

+ PI3.2: Đề xuất giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả và tính bền vững của dự án bất động sản.

❖ Về kỹ năng

- PLO4: Phân tích dữ liệu thị trường bất động sản phục vụ ra quyết định

+ PI4.1: Phân tích dữ liệu thị trường bất động sản từ các nguồn khác nhau bằng công cụ phù hợp.

+ PI4.2: Sử dụng công cụ và công nghệ để hỗ trợ ra quyết định trong kinh doanh và đầu tư bất động sản (bao gồm trình bày và trao đổi kết quả bằng tiếng Anh).

- PLO5: Thực hiện nghiệp vụ chuyên môn trong lĩnh vực bất động sản.

+ PI5.1: Thực hiện các nghiệp vụ cơ bản trong môi giới, thẩm định giá và đầu tư bất động sản theo quy trình.

+ PI5.2: Lập và trình bày báo cáo thị trường hoặc dự án bất động sản phục vụ quyết định kinh doanh.

- PLO6: Ra quyết định trong các tình huống kinh doanh bất động sản

+ PI6.1: Phân tích tình huống và xác định vấn đề trong kinh doanh bất động sản.

+ PI6.2: Đưa ra quyết định dựa trên dữ liệu và lập luận phù hợp. ✓

❖ *Về mức tự chủ và chịu trách nhiệm*

- PLO7: Thực hiện trách nhiệm nghề nghiệp và phát triển năng lực tự chủ trong lĩnh vực bất động sản

+ PI7.1: Tuân thủ quy định pháp luật và chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp trong các tình huống thực tế.

+ PI7.2: Chủ động học tập và thích ứng với sự thay đổi của môi trường nghề nghiệp. ✓

4. Ma trận liên kết giữa các học phần và Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

STT	Tên học phần	TC	PLOs													
			PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7							
			PI1.1	PI1.2	PI2.1	PI2.2	PI3.1	PI3.2	PI4.1	PI4.2	PI5.1	PI5.2	PI6.1	PI6.2	PI7.1	PI7.2
1. Khối kiến thức Giáo dục đại cương																
a. Kiến thức lý luận chính trị																
1	Triết học Mác – Lênin	3	I													I
2	Kinh tế chính trị Mác – Lê nin	2	I													I
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	I													I
4	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	I													I
5	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	I													I
b. Kiến thức pháp luật																
6	Pháp luật đại cương	3	R						R							R
c. Ngoại ngữ																
7	Tiếng Anh trong kinh doanh	3	I						I							I
8	Tiếng Anh trong kinh doanh nâng cao	3	R						R							R
d. Toán – Tin học																
9	Năng lực Số	3	I						I							I
10	Toán kinh tế	3	I						I							I
2. Khối kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp																
a. Kiến thức cơ sở ngành																
11	Kinh tế học vi mô	3	I		I				I							I
12	Kinh tế học vĩ mô	3	I		I				I							I
13	Nguyên lý kế toán	3	R	R								R				R
14	Nguyên lý marketing	3			R		R									
15	Quản trị học	3													I	R
16	Tài chính – Tiền tệ	3			R								R			R
17	Luật kinh doanh	3			R						R					R
18	Thuế	3			R						R					R

SST	Tên học phần	TC	PLOs													
			PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7							
			PI1.1	PI1.2	PI2.1	PI2.2	PI3.1	PI3.2	PI4.1	PI4.2	PI5.1	PI5.2	PI6.1	PI6.2	PI7.1	PI7.2
19	Tài chính doanh nghiệp	3	R						R						R	
20	Khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo	3		R		M	M							R		R
21	Kinh tế lượng	3	R						R					R		R
22	Phát triển bền vững	3	R					R						R		
23	Trí tuệ nhân tạo trong kinh doanh	3		R							R				R	
b. Kiến thức ngành																
24	Marketing kỹ thuật số	3		R			R				R				R	
25	Chiến lược kinh doanh bất động sản	3	R	R/A			R/A	R/A						R/A		
26	Hành vi khách hàng	3	R				R			R						
27	Môi giới bất động sản	3	R						R/A		R/A			R/A		R/A
28	Nguyên lý bất động sản	3	R	R							R					R
29	Quy hoạch đô thị	3		R										R		
30	Phân tích dữ liệu kinh doanh	3			R						R				R	
31	Đạo đức kinh doanh và trách nhiệm xã hội	3				R								R		R
32	Kinh doanh bất động sản	3	R/A		R/A								R/A		R	R/A
33	Thẩm định giá bất động sản	3					R/A		R/A			R/A		R		R/A
c. Kiến thức chuyên ngành																
Học phần bắt buộc																
34	Quản trị bất động sản	3				M/A		M/A					M		M/A	M
35	Quản trị truyền thông bất động sản	3					M			M/A				M/A		M
36	Lập và thẩm định dự án đầu tư bất động sản	3			M/A	M/A							M/A			M
Tự chọn: 6 TC (sinh viên chọn 2 trong 5 học phần)																
37	Thị trường bất động sản	3						M						M		
38	Tâm lý đầu tư bất động sản	3	M											M		M
39	Kỹ thuật bất động sản	3		M							M					M

STT	Tên học phần	TC	PLOs													
			PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7							
			PI1.1	PI1.2	PI2.1	PI2.2	PI3.1	PI3.2	PI4.1	PI4.2	PI5.1	PI5.2	PI6.1	PI6.2	PI7.1	PI7.2
40	Đầu tư và tài chính bất động sản	3		M		M				M			M			
41	Quản lý điều hành dự án bất động sản	3					M							M		
d. Kiến thức bổ trợ ngành																
42	Pháp luật kinh doanh bất động sản	3	R/A							R					R/A	R/A
43	Phân tích lợi ích và chi phí	3	M/A	M/A				M/A						M/A	R	
3. Tốt nghiệp																
44	Khóa luận tốt nghiệp	6					M/A		M/A	M/A			M/A			M
Hoặc																
45	Thực tập cuối khóa	3					M/A		M/A	M/A				M/A		M
46	Phân tích và dự báo thị trường bất động sản	3	M				M			M						M

Ghi chú: Mức độ đóng góp, hỗ trợ của học phần đối với PLOs được xác định cụ thể như sau:

- *I (Introduced)* – Học phần có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức giới thiệu/bắt đầu.
- *R (Reinforced)* – Học phần có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,...
- *M (Mastery)* – Học phần có hỗ trợ cao đạt được PLO và ở mức thuần thục/thông hiểu
- *A (Assessed)* – Học phần quan trọng (hỗ trợ tối đa việc đạt được PLO) cần được thu thập minh chứng để đánh giá chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.



TRƯỜNG KHOA
KHOA QUẢN TRỊ KINH DOANH

(Signature)

Phạm Tiến Đạt

Huỳnh Thế Nguyễn

**MỤC TIÊU VÀ CHUẨN ĐẦU RA
CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHUẨN TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 1503/QĐ-ĐHTCM, ngày 15 tháng 6 năm 2026
của Hiệu trưởng trường Đại học Tài chính – Marketing)

1. Giới thiệu chung về ngành đào tạo:

- Ngành đào tạo (tiếng Việt): Marketing
- Ngành đào tạo (tiếng Anh): Marketing
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Mã ngành: 7340115
- Định hướng đào tạo: Ứng dụng

2. Mục tiêu đào tạo:

2.1. Mục tiêu chung:

Chương trình đào tạo cử nhân Marketing (chương trình Chuẩn, định hướng ứng dụng) nhằm đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, có nền tảng kiến thức vững chắc về kinh tế - xã hội, quản trị và chuyên sâu về lĩnh vực marketing hiện đại. Chương trình chú trọng phát triển kỹ năng thực hành nghề nghiệp, năng lực phân tích dữ liệu, ứng dụng công nghệ và ngoại ngữ để người học có thể hoạch định, triển khai và đo lường các chương trình marketing trong doanh nghiệp. Sau khi tốt nghiệp, người học có đủ bản lĩnh chính trị, tuân thủ đạo đức nghề nghiệp, có năng lực làm việc độc lập và làm việc nhóm, có năng lực nghiên cứu, sáng tạo để khởi nghiệp và khả năng học tập suốt đời để thích ứng với môi trường kinh doanh hội nhập.

2.2. Mục tiêu cụ thể:

❖ *Về kiến thức:*

PO1: Người học có năng lực vận dụng linh hoạt hệ thống kiến thức về khoa học tự nhiên - xã hội, pháp luật, kinh tế, quản trị và kiến thức chuyên ngành marketing để phân tích, giải quyết các vấn đề kinh doanh đa dạng.

❖ *Về kỹ năng:*

PO2: Người học có năng lực phản biện, khởi nghiệp, phát triển được khả năng hoạch định, tổ chức thực thi và đo lường các chiến lược marketing; ứng dụng các công cụ chuyên môn và ngoại ngữ để thực hiện và quản lý công việc chuyên môn trong bối cảnh công việc đa dạng.

❖ *Về mức tự chủ và trách nhiệm:*

PO3: Người học có năng lực thể hiện tư duy làm việc độc lập, có trách nhiệm, tuân thủ nghiêm pháp luật và đạo đức nghề nghiệp; phát huy năng lực điều phối nhóm, khả năng thích ứng linh hoạt và tinh thần đổi mới sáng tạo.



3. Nội dung chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo:

❖ Về kiến thức

- PLO1: Vận dụng được kiến thức khoa học xã hội, chính trị, pháp luật và kinh tế để phân tích các vấn đề tác động đến môi trường kinh doanh.

+ PI 1.1: Giải thích được các quy luật, nguyên lý cơ bản của khoa học xã hội, chính trị, pháp luật và kinh tế học liên quan đến hoạt động marketing;

+ PI 1.2: Phân tích được tác động của các yếu tố môi trường vĩ mô đến hoạt động marketing của doanh nghiệp.

- PLO2: Ứng dụng kiến thức công nghệ thông tin và toán kinh tế để thực hiện các nghiệp vụ cơ bản trong quản trị và marketing.

+ PI 2.1: Sử dụng thành thạo các công cụ công nghệ thông tin cơ bản để tối ưu hóa hiệu quả công việc.

+ PI 2.2: Áp dụng các mô hình toán kinh tế để tính toán và xử lý các bài toán cơ bản trong quản trị hoạt động marketing.

- PLO3: Vận dụng được các nguyên lý, mô hình marketing vào bối cảnh thực tiễn của doanh nghiệp.

+ PI 3.1: Đánh giá thực trạng hoạt động marketing của doanh nghiệp dựa trên các nguyên lý và mô hình căn bản.

+ PI 3.2: Đề xuất các định hướng giải pháp chuyên ngành (quản trị marketing, truyền thông, thương hiệu) phù hợp với mục tiêu kinh doanh.

❖ Về kỹ năng

- PLO4: Giao tiếp hiệu quả, sử dụng được ngoại ngữ và vận dụng pháp luật, đạo đức vào việc xử lý các tình huống nghề nghiệp.

+ PI 4.1: Giao tiếp và đọc được báo cáo chuyên môn bằng tiếng Anh trong môi trường kinh doanh.

+ PI 4.2: Phân tích các phương án xử lý tình huống marketing đảm bảo tuân thủ tính pháp lý và chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp.

- PLO5: Sử dụng thành thạo công cụ số và dữ liệu để hỗ trợ ra quyết định marketing và thiết lập ý tưởng khởi nghiệp.

+ PI 5.1: Vận dụng thành thạo các công cụ số, công cụ chuyên dụng để thu thập, xử lý và phân tích dữ liệu thị trường.

+ PI 5.2: Đề xuất được các hàm ý quản trị, lập đề án khởi nghiệp khả thi dựa trên kết quả dữ liệu đã phân tích.

- PLO6: Hoạch định, tổ chức triển khai và đo lường được kết quả các chương trình marketing.

+ PI 6.1: Hoạch định và tổ chức thực hiện được các kế hoạch marketing thực tiễn gắn với mục tiêu và nguồn lực của tổ chức. ✓

+ PI 6.2: Đánh giá được hiệu quả của các chương trình marketing đã triển khai thông qua các chỉ số đo lường.

❖ *Về mức tự chủ và chịu trách nhiệm*

- PLO7: Thể hiện được năng lực làm việc độc lập ở mức độ cao, tham gia quản lý, điều phối và đánh giá được hoạt động chuyên môn; có ý thức tuân thủ đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm xã hội.

+ PI 7.1: Thực hiện được công việc độc lập ở mức độ cao, bảo vệ được các quyết định, kết luận chuyên môn bằng lập luận chặt chẽ và bằng chứng dữ liệu xác đáng.

+ PI 7.2: Quản lý hiệu quả tiến độ và chất lượng công việc cá nhân/ nhóm dựa trên các chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp.

4. Ma trận liên kết giữa các học phần và Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo :

STT	Tên học phần	TC	PLOs													
			PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7							
			PI 1.1	PI 1.2	PI 2.1	PI 2.2	PI 3.1	PI 3.2	PI 4.1	PI 4.2	PI 5.1	PI 5.2	PI 6.1	PI 6.2	PI 7.1	PI 7.2
I	Giáo dục đại cương															
a	Kiến thức lý luận chính trị															
1	Triết học Mác – Lênin	3	I													I
2	Kinh tế chính trị Mác – Lê nin	2	I													I
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	I													I
4	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	I													I
5	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	I													I
b	Kiến thức pháp luật															
6	Pháp luật đại cương	3	R							R						R
c	Ngoại ngữ															
7	Tiếng Anh trong kinh doanh	3	I							I						I
8	Tiếng Anh trong kinh doanh nâng cao	3	R							R						R
d	Toán – Tin học															
9	Năng lực số	3	I							I						I
10	Toán kinh tế	3	I							I						I
II	Giáo dục chuyên nghiệp															
a	Kiến thức cơ sở ngành															
11	Kinh tế học vi mô	3	I		I					I						I
12	Kinh tế học vĩ mô	3	I		I					I						I
13	Nguyên lý kế toán	3	R	R										R		R
14	Nguyên lý Marketing	3			R											
15	Quản trị học	3		R										I	R	I

STT	Tên học phần	TC	PLOs									
			PLO1		PLO2		PLO3		PLO4		PLO5	
			PI 1.1	PI 1.2	PI 2.1	PI 2.2	PI 3.1	PI 3.2	PI 4.1	PI 4.2	PI 5.1	PI 5.2
16	Tài chính - Tiền tệ	3			R						R	
17	Luật kinh doanh	3			R						R	
18	Thuế	3			R						R	
19	Tài chính doanh nghiệp	3	R						R			
20	Khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo	3			R		M	M				R
21	Kinh tế lượng	3	R						R			R
22	Phát triển bền vững	3	R					R				R
23	Trí tuệ nhân tạo trong kinh doanh	3			R							R
b	Kiến thức ngành											
24	Marketing kỹ thuật số	3			R/A			R			R/A	
25	Quản trị Marketing	3	R/A	R/A				R			R/A	
26	Quản trị vận hành và công nghệ	3			R			R			R	
27	Quản trị nguồn nhân lực	3			R						R	R
28	Phân tích dữ liệu kinh doanh	3				R					R	
29	Marketing quốc tế	3		R/A					R/A	R/A	R	
30	Nghiên cứu Marketing	3			R/A	R			R/A		R/A	
31	Đạo đức kinh doanh và trách nhiệm xã hội	3				R						R
32	Hành vi khách hàng	3	R/A				R/A				R	
33	Quản trị thương hiệu	3					R		R/A	R		R/A
c	Kiến thức chuyên ngành											
	Chuyên ngành Quản trị Marketing											
	Học phần bắt buộc	3										

STT	Tên học phần	TC	PLOs									
			PLO1		PLO2		PLO3		PLO4		PLO5	
			PI 1.1	PI 1.2	PI 2.1	PI 2.2	PI 3.1	PI 3.2	PI 4.1	PI 4.2	PI 5.1	PI 5.2
34	Quản trị sản phẩm và giá	3					M	M/A			M	M/A
35	Quản trị kênh phân phối	3					M	M/A			M	M/A
36	Truyền thông Marketing tích hợp	3					M	M/A			M	M/A
<i>Học phần tự chọn (Chọn 1 trong 2 nhóm)</i>												
<i>Nhóm 1</i>												
37	Marketing dịch vụ	3					M	M			M	M
38	Marketing trải nghiệm	3					M	M			M	M
<i>Nhóm 2</i>												
39	Marketing B2B	3					M	M			M	M
40	Marketing môi quan hệ	3					M	M			M	M
<i>Chuyên ngành Truyền thông Marketing</i>												
<i>Học phần bắt buộc</i>												
41	Quan hệ công chúng	3					M	M/A			M	M/A
42	Truyền thông doanh nghiệp	3					M	M/A			M	M/A
43	Quản trị quảng cáo	3					M	M/A			M	M/A
<i>Học phần tự chọn (Chọn 1 trong 2 nhóm)</i>												
<i>Nhóm 1</i>												
44	Marketing tại điểm bán	3					M	M			M	M
45	Quản trị sự kiện Marketing	3					M	M			M	M
<i>Nhóm 2</i>												
46	Truyền thông marketing kỹ thuật số	3					M	M			M	M
47	Marketing nội dung	3					M	M			M	M
<i>Chuyên ngành Quản trị Thương hiệu</i>												
<i>Học phần bắt buộc</i>												
48	Quản trị thương hiệu B2B	3					M	M/A			M	M/A

STT	Tên học phần	TC	PLOs													
			PLO1	PLO2		PLO3		PLO4		PLO5		PLO6		PLO7		
			PI 1.1	PI 1.2	PI 2.1	PI 2.2	PI 3.1	PI 3.2	PI 4.1	PI 4.2	PI 5.1	PI 5.2	PI 6.1	PI 6.2	PI 7.1	PI 7.2
49	Xây dựng thương hiệu trên phương tiện kỹ thuật số	3					M	M/A				M	M/A			M/A
50	Thiết kế nhận dạng thương hiệu	3					M	M/A				M	M/A			M/A
Học phần tự chọn (Chọn 1 trong 2 nhóm)																
Nhóm 1																
51	Nhượng quyền thương hiệu	3					M	M				M	M			M
52	Phát triển sản phẩm mới	3					M	M				M	M			M
Nhóm 2																
53	Quan hệ công chúng	3					M	M				M	M			M
54	Marketing nội dung	3					M	M				M	M			M
Kiến thức bổ trợ ngành:																
55	Phân tích marketing kỹ thuật số	3			M							M/A			M/A	
56	Đo lường trong marketing	3				M/A									M/A	M
57	Tốt nghiệp															
57	Khóa luận tốt nghiệp	6				M/A	M/A		M				M			M/A
Hoặc																
58	Thực tập cuối khóa	3				M/A	M/A		M				M			M/A
Học phần thay thế:																
59	Chuyên ngành Quản trị Marketing: Xây dựng kế hoạch Marketing	3				M/A	M/A		M				M			M/A
60	Chuyên ngành Truyền thông Marketing: Xây dựng kế hoạch truyền thông marketing	3				M/A	M/A		M				M			M/A

STT	Tên học phần	TC	PLOs							
			PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	
			PI 1.1 PI 1.2 PI 1.2	PI 2.1 PI 2.2 PI 2.1	PI 3.1 PI 3.2 PI 3.1	PI 4.1 PI 4.2 PI 4.1	PI 5.1 PI 5.2 PI 5.1	PI 6.1 PI 6.2 PI 6.1	PI 7.1 PI 7.2 PI 7.1	
61	Chuyên ngành Quản trị thương hiệu: Xây dựng kế hoạch truyền thông thương hiệu	3		M/A	M/A	M	M		M/A	

Ghi chú: Mức độ đóng góp, hỗ trợ của học phần đối với PLOs được xác định cụ thể như sau:

- *I (Introduced)* – Học phần có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức giới thiệu/bắt đầu.
- *R (Reinforced)* – Học phần có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế, ...
- *M (Mastery)* – Học phần có hỗ trợ cao đạt được PLO và ở mức thuần thục/thông hiểu
- *A (Assessed)* – Học phần quan trọng (hỗ trợ tối đa việc đạt được PLO) cần được thu thập minh chứng để đánh giá chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

HIỆU TRƯỞNG



Phạm Tiến Đạt

TRƯỞNG KHOA
KHOA MARKETING

[Signature]

Bảo Trung

MỤC TIÊU VÀ CHUẨN ĐẦU RA
CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHUẨN TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
(Ban hành kèm theo Quyết định số 1502/QĐ-ĐHTCM, ngày 15 tháng 4 năm 2026
của Hiệu trưởng trường Đại học Tài chính – Marketing)

1. Giới thiệu chương trình đào tạo

- Ngành đào tạo (tiếng Việt): Kinh doanh quốc tế
- Ngành đào tạo (tiếng Anh): International business
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Mã ngành: 7340120
- Định hướng đào tạo: Ứng dụng – Chương trình Chuẩn

2. Mục tiêu đào tạo:

2.1. Mục tiêu chung:

Chương trình chuẩn Ngành Kinh doanh quốc tế đào tạo nguồn nhân lực trình độ đại học định hướng ứng dụng giúp người học khi tốt nghiệp thể hiện năng lực vận dụng kiến thức cơ bản, toàn diện và tư duy phản biện để phân tích, tổng hợp và giải quyết các vấn đề đa dạng phát sinh trong thực tiễn hoạt động kinh doanh quốc tế; năng lực nghiên cứu, thực hành nghề nghiệp, đổi mới sáng tạo khởi nghiệp, quản lý chuyên môn; năng lực làm việc độc lập ở mức độ cao, đồng thời tự chịu trách nhiệm nghề nghiệp đối với kết quả công việc, tuân thủ đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm xã hội thích ứng với sự thay đổi công nghệ, môi trường kinh doanh toàn cầu và yêu cầu phát triển của xã hội.

2.2. Mục tiêu cụ thể:

❖ *Về kiến thức*

- PO1: Có khả năng vận dụng được các nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin, các quy luật tự nhiên, xã hội và pháp luật trong lĩnh vực kinh tế và kinh doanh quốc tế; các kiến thức về công nghệ thông tin và ngoại ngữ để tiếp thu kiến thức giáo dục nghề nghiệp thuộc ngành kinh doanh quốc tế.

- PO2: Có khả năng vận dụng những kiến thức lý thuyết thuộc ngành kinh doanh quốc tế (chuyên ngành Thương mại quốc tế, Quản trị kinh doanh quốc tế, Logistics và Chuỗi cung ứng toàn cầu) để giải quyết vấn đề thực tiễn và phát triển ý tưởng kinh doanh trong môi trường toàn cầu.

❖ *Về kỹ năng*

- PO3: Có năng lực sử dụng được công nghệ thông tin, ngoại ngữ (tiếng Anh) và vận dụng các kiến thức chung nền tảng vào giải quyết các công việc chuyên môn thuộc lĩnh vực kinh doanh quốc tế (chuyên ngành Thương mại quốc tế, chuyên ngành Quản trị kinh doanh quốc tế, chuyên ngành Logistics và quản trị chuỗi cung ứng toàn cầu); ✓

- PO4: Có năng lực thực hiện các nghiệp vụ, phương pháp, công cụ phân tích, đánh giá và đề xuất giải pháp phù hợp giải quyết các vấn đề phát sinh trong thực tiễn hoạt động kinh doanh quốc tế; có khả năng cập nhật kiến thức mới và năng lực nghiên cứu, đổi mới sáng tạo khởi nghiệp đóng góp vào hoạt động kinh doanh quốc tế của doanh nghiệp, tổ chức.

❖ *Về mức tự chủ và tự chịu trách nhiệm*

- PO5: Có tác phong chuyên nghiệp, đạo đức nghề nghiệp, trách nhiệm xã hội và tuân thủ pháp luật trong hoạt động kinh doanh quốc tế; có khả năng làm việc hiệu quả trong môi trường đa văn hóa và hội nhập quốc tế, đồng thời tự học hỏi, nghiên cứu, đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp trong lĩnh vực kinh doanh quốc tế để đóng góp vào sự phát triển của doanh nghiệp, tổ chức và nền kinh tế.

3. Nội dung chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

❖ *Về kiến thức*

- PLO1: Phân tích được ảnh hưởng của các yếu tố thuộc môi trường kinh doanh đến hoạt động kinh doanh quốc tế trong các bối cảnh kinh tế, chính trị, pháp luật, xã hội và công nghệ khác nhau.

+ PI 1.1: Nhận biết được ảnh hưởng của môi trường kinh doanh quốc tế của một quốc gia hoặc thị trường mục tiêu bằng các phương pháp và công cụ phân tích môi trường kinh doanh.

+ PI 1.2: Phân tích được tác động của các yếu tố môi trường kinh doanh quốc tế đến hoạt động kinh doanh quốc tế của doanh nghiệp trong một tình huống kinh doanh cụ thể.

- PLO2: Phân tích được dữ liệu kinh doanh và thông tin thị trường để hỗ trợ ra quyết định quản trị trong hoạt động kinh doanh quốc tế.

+ PI 2.1: Sử dụng được các công cụ phân tích dữ liệu và trực quan hóa dữ liệu để phân tích dữ liệu kinh doanh và thông tin thị trường trong các bối cảnh kinh doanh quốc tế cụ thể.

+ PI 2.2: Đánh giá kết quả phân tích dữ liệu kinh doanh quốc tế và thông tin thị trường để hỗ trợ ra các quyết định quản trị trong các bối cảnh kinh doanh quốc tế cụ thể.

- PLO3: Thiết lập được phương án kinh doanh quốc tế của doanh nghiệp trong môi trường kinh doanh quốc tế.

+ PI 3.1: Phân tích được các hoạt động kinh doanh quốc tế của doanh nghiệp trong môi trường kinh doanh quốc tế cụ thể.

+ PI 3.2: Đề xuất được phương án kinh doanh quốc tế phù hợp cho một doanh nghiệp hoặc sản phẩm cụ thể dựa trên kết quả phân tích các hoạt động của doanh nghiệp trong môi trường kinh doanh quốc tế.

❖ *Về kỹ năng:*

- PLO4: Ứng dụng được công nghệ, công cụ phân tích và ngoại ngữ (tiếng Anh) để phân tích được các yếu tố của môi trường kinh doanh trong hoạt động kinh doanh quốc tế. ✓

+ PI 4.1: Sử dụng được phần mềm phân tích dữ liệu cơ bản để xử lý thông tin trong hoạt động kinh doanh quốc tế.

+ PI 4.2: Sử dụng được tiếng Anh trong bối cảnh học thuật và giải quyết công việc chuyên môn thuộc chuyên ngành đào tạo.

- PLO5: Thực hành quản trị kế hoạch kinh doanh phát sinh trong hoạt động kinh doanh quốc tế dựa trên kết quả phân tích dữ liệu kinh doanh và thông tin thị trường.

+ PI 5.1: Lập kế hoạch kinh doanh dựa trên kết quả phân tích dữ liệu kinh doanh và thông tin thị trường.

+ PI 5.2: Thực hành tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh phát sinh trong hoạt động kinh doanh quốc tế dựa trên kết quả phân tích dữ liệu kinh doanh và thông tin thị trường.

- PLO6: Thực hiện được các nghiệp vụ chuyên môn trong hoạt động kinh doanh quốc tế theo quy trình và chuẩn mực nghề nghiệp

+ PI 6.1: Hoàn thành được các nghiệp vụ kinh doanh quốc tế trong một bài tập mô phỏng hoặc tình huống thực hành.

+ PI 6.2: Đề xuất được phương án xử lý các tình huống nghiệp vụ phát sinh trong hoạt động kinh doanh quốc tế.

❖ *Về mức tự chủ và chịu trách nhiệm:*

- PLO7: Thể hiện ý thức đạo đức, trách nhiệm, tự định hướng trong công việc; kết luận chuyên môn và bảo vệ quan điểm cá nhân dựa trên cơ sở khoa học; năng lực làm việc độc lập hoặc làm việc nhóm; tự chủ, tự chịu trách nhiệm đối với kết quả công việc cá nhân và kết quả của nhóm, đồng thời hướng dẫn và giám sát người khác trong quá trình thực hiện nhiệm vụ chuyên môn.

+ PI 7.1: Tuân thủ các chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp trong hoạt động kinh doanh quốc tế.

+ PI 7.2: Hoàn thành nhiệm vụ trong dự án nhóm với vai trò dẫn dắt và cá nhân được phân công, đồng thời tự chịu trách nhiệm đối với kết quả công việc cá nhân và nhóm trong môi trường đa văn hóa.✓

4. Ma trận liên kết giữa các học phần và Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

STT	Tên học phần	TC	PLOs													
			PLO1		PLO2		PLO3		PLO4		PLO5		PLO6		PLO7	
			PI1.1	PI1.2	PI2.1	PI2.2	PI3.1	PI3.2	PI4.1	PI4.2	PI5.1	PI5.2	PI6.1	PI6.2	PI7.1	PI7.2
1. Khối kiến thức Giáo dục đại cương																
a. Kiến thức lý luận chính trị																
1	Triết học Mác – Lênin	3	I													I
2	Kinh tế chính trị Mác – Lê nin	2	I													I
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	I													I
4	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	I													I
5	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	I													I
b. Kiến thức pháp luật																
6	Pháp luật đại cương	3	R							R						R
c. Ngoại ngữ																
7	Tiếng Anh trong kinh doanh	3	I							I						I
8	Tiếng Anh trong kinh doanh nâng cao	3	R							R						R
d. Toán – Tin học																
9	Năng lực Số	3	I							I						I
10	Toán kinh tế	3	I							I						I
2. Khối kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp																
a. Kiến thức cơ sở ngành																
11	Kinh tế học vi mô	3	I			I				I						I
12	Kinh tế học vĩ mô	3	I			I				I						I
13	Nguyên lý kế toán	3	R	R										R		R

STT	Tên học phần	TC	PLOs													
			PLO1		PLO2		PLO3		PLO4		PLO5		PLO6		PLO7	
			PI1.1	PI1.2	PI2.1	PI2.2	PI3.1	PI3.2	PI4.1	PI4.2	PI5.1	PI5.2	PI6.1	PI6.2	PI7.1	PI7.2
14	Nguyên lý marketing	3			R		R									
15	Quản trị học	3			R									I	R	I
16	Tài chính – Tiền tệ	3			R						R				R	
17	Luật kinh doanh	3			R					R					R	
18	Thuế	3			R								R		R	
19	Tài chính doanh nghiệp	3		R					R						R	
20	Khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo	3			R		M	M						R		R
21	Kinh tế lượng	3	R							R				R		R
22	Phát triển bền vững	3	R						R					R		
23	Trí tuệ nhân tạo trong kinh doanh	3			R						R				R	
b. Kiến thức ngành																
24	Đạo đức kinh doanh và trách nhiệm xã hội	3							R						R	
25	Quản trị nguồn nhân lực	3				R								R		R
26	Phân tích dữ liệu kinh doanh	3							R							
27	Quản trị chuỗi cung ứng	3				M/A	M/A						M/A	M/A		
28	Hành vi khách hàng	3							R							
29	Quản trị rủi ro trong kinh doanh quốc tế	3				R/A	R/A						R/A	R/A		R
30	Chiến lược kinh doanh quốc tế	3	M/A	M/A								M/A	M/A			R
31	Kinh doanh quốc tế	3	R/A	R/A								R/A	R/A			R/A
32	Marketing quốc tế	3				M/A	M/A							M/A	M/A	R

STT	Tên học phần	TC	PLOs															
			PLO1		PLO2		PLO3		PLO4		PLO5		PLO6		PLO7			
			PI1.1	PI1.2	PI2.1	PI2.2	PI3.1	PI3.2	PI4.1	PI4.2	PI5.1	PI5.2	PI6.1	PI6.2	PI7.1	PI7.2		
33	Thương mại điện tử	3				R								R			R	
c. Kiến thức chuyên ngành																		
Chuyên ngành 1: Thương mại quốc tế																		
Học phần bắt buộc																		
34	Vận tải và bảo hiểm hàng hóa ngoại thương	3														M/A		M/A
35	Thanh toán trong ngoại thương	3														R/A	M/A	M/A
36	Quản lý đơn hàng	3														M/A	R/A	M/A
Tự chọn: 6 TC (sinh viên chọn 1 trong 2 nhóm dưới)																		
Nhóm 1																		
37	Quản trị Logistics	3														M		M
38	Phân loại và xuất xứ hàng hóa xuất nhập khẩu	3				M										M		M
Nhóm 2																		
39	Thuế xuất nhập khẩu và nghiệp vụ hải quan	3														M		M
40	Thực hành tình huống kinh doanh quốc tế	3														M		M
Chuyên ngành 2: Quản trị kinh doanh quốc tế																		
Học phần bắt buộc																		
41	Kinh doanh quốc tế nâng cao	3														M/A		M/A
42	Đầu tư quốc tế	3														M/A	R/A	M/A
43	Đàm phán trong kinh doanh quốc tế	3														R/A		M/A

STT	Tên học phần	TC	PLOs														
			PLO1		PLO2		PLO3		PLO4		PLO5		PLO6		PLO7		
			PI1.1	PI1.2	PI2.1	PI2.2	PI3.1	PI3.2	PI4.1	PI4.2	PI5.1	PI5.2	PI6.1	PI6.2	PI7.1	PI7.2	
Tự chọn: 6 TC (sinh viên chọn 1 trong 2 nhóm dưới)																	
Nhóm 1																	
44	Quản trị Logistics	3													M		M
45	Blockchain trong kinh doanh quốc tế	3													M		M
Nhóm 2																	
46	Thanh toán trong ngoại thương	3													M		M
47	Quản trị đa văn hóa	3													M		M
Chuyên ngành 3: Logistics và Quản trị chuỗi cung ứng toàn cầu																	
Học phần bắt buộc																	
48	Giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu	3													M/A	R/A	M/A
49	Quản trị Logistics	3													M/A		M/A
50	Hệ thống thông tin quản lý Logistics và chuỗi cung ứng	3													R/A		M/A
Tự chọn: 6 TC (sinh viên chọn 1 trong 2 nhóm dưới)																	
Nhóm 1																	
51	Vận tải và bảo hiểm hàng hóa ngoại thương	3													M		M
52	Hàng hóa trong logistics	3													M		M
Nhóm 2																	
53	Quản trị kho hàng	3													M		M
54	Quản trị thu mua	3													M		M
d. Kiến thức bổ trợ ngành																	

STT	Tên học phần	TC	PLOs									
			PLO1		PLO2		PLO3		PLO4		PLO5	
			PI1.1	PI1.2	PI2.1	PI2.2	PI3.1	PI3.2	PI4.1	PI4.2	PI5.1	PI5.2
55	Giao dịch trong thương mại quốc tế	3	M/A	M/A					M/A	M/A		
56	Luật thương mại quốc tế	3			R						R	
3. Tốt nghiệp												
57	Khóa luận tốt nghiệp	6					M/A	M/A			M/A	M/A
Hoặc												
58	Thực tập cuối khóa	3					M/A	M/A			M/A	M/A
59	Thực hành nghề nghiệp	3						M			M	M

Ghi chú: Mức độ đóng góp, hỗ trợ của học phần đối với PLOs được xác định cụ thể như sau:

- *I (Introduced)* – Học phần có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức giới thiệu/bắt đầu.
- *R (Reinforced)* – Học phần có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,...
- *M (Mastery)* – Học phần có hỗ trợ cao đạt được PLO và ở mức thuần thục/thông hiểu
- *A (Assessed)* – Học phần quan trọng (hỗ trợ tối đa việc đạt được PLO) cần được thu thập minh chứng để đánh giá chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.



Phạm Tiến Đạt

TRƯỜNG KHOA
KHOA THƯƠNG MẠI VÀ DU LỊCH

Nguyễn Xuân Hiệp

**MỤC TIÊU VÀ CHUẨN ĐẦU RA
CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHUẨN TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 1502/QĐ-ĐHTCM, ngày 15 tháng 4 năm 2026
của Hiệu trưởng trường Đại học Tài chính - Marketing)

1. Giới thiệu chung về ngành đào tạo

- Ngành đào tạo (tiếng Việt): **TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG**
- Ngành đào tạo (tiếng Anh): **FINANCE - BANKING**
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Mã ngành: 7340201
- Định hướng đào tạo: Ứng dụng

2. Mục tiêu đào tạo:

2.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân ngành Tài chính - Ngân hàng theo định hướng ứng dụng, có kiến thức nền tảng và kiến thức thực tiễn trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng và các lĩnh vực liên quan; có khả năng vận dụng kiến thức để phân tích, đánh giá và giải quyết các vấn đề chuyên môn trong doanh nghiệp, tổ chức tín dụng và cơ quan quản lý nhà nước trong bối cảnh chuyển đổi số và hội nhập quốc tế. Người học có khả năng sử dụng các công cụ số và công nghệ hỗ trợ trong hoạt động nghề nghiệp; có kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm và tổ chức công việc chuyên môn phù hợp với yêu cầu thực tiễn. Đồng thời, người học có ý thức tuân thủ đạo đức nghề nghiệp, trách nhiệm xã hội và khả năng thích ứng với môi trường làm việc thay đổi, đáp ứng nhu cầu nhân lực cho các ngân hàng, doanh nghiệp và cơ quan hành chính sự nghiệp

2.2. Mục tiêu cụ thể:

❖ *Về kiến thức:*

PO1: Vận dụng kiến thức lý thuyết hệ thống, kiến thức thực tiễn và kiến thức liên ngành về kinh tế, pháp luật, công nghệ và dữ liệu để phân tích, đánh giá và giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng; có khả năng phản biện, đề xuất giải pháp và thích ứng với bối cảnh chuyển đổi số và hội nhập quốc tế.

❖ *Về kỹ năng:*

PO2: Thực hiện được kỹ năng phân tích, phản biện, giải quyết các vấn đề chuyên môn phức tạp; sử dụng công cụ số, dữ liệu và công nghệ hiện đại để thực hiện các nghiệp vụ tài chính - ngân hàng trong môi trường toàn cầu hóa và chuyển đổi số.

❖ *Về mức tự chủ và trách nhiệm:*

PO3: Phát triển khả năng làm việc độc lập hoặc làm việc nhóm trong điều kiện thay đổi; chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm trong hoạt động nghề nghiệp; có khả năng quản lý, điều phối và đánh giá hoạt động chuyên môn; tuân thủ đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm xã hội.

3. Nội dung chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

❖ *Về kiến thức*

- PLO1: Vận dụng kiến thức lý thuyết hệ thống, kiến thức thực tiễn và kiến thức liên ngành để phân tích, đánh giá và phản biện các vấn đề trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng.

+ PI 1.1: Vận dụng kiến thức nền tảng, kiến thức hệ thống và kiến thức liên ngành để phân tích và đánh giá các vấn đề trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng.

+ PI 1.2: Vận dụng kiến thức lý thuyết, thực tiễn và liên ngành để phản biện một cách có cơ sở khoa học các vấn đề trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng.

- PLO2: Vận dụng các kiến thức nền tảng của khối ngành kinh tế và các công cụ số, dữ liệu và công nghệ hiện đại nhằm thực hiện các hoạt động chuyên môn trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng trong môi trường hội nhập quốc tế.

+ PI 2.1: Vận dụng kiến thức nền tảng của khối ngành kinh tế để thực hiện các hoạt động chuyên môn trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng trong bối cảnh hội nhập quốc tế.

+ PI 2.2: Vận dụng các công cụ số, dữ liệu và công nghệ hiện đại để xử lý, phân tích và hỗ trợ ra quyết định trong các hoạt động chuyên môn thuộc lĩnh vực tài chính - ngân hàng.

- PLO3: Phân tích, đánh giá và giải quyết các vấn đề chuyên môn; đề xuất giải pháp và sáng kiến phù hợp trong các bối cảnh nghề nghiệp khác nhau.

+ PI 3.1: Phân tích và đánh giá được các vấn đề chuyên môn trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng dựa trên kiến thức ngành và chuyên ngành, trong các bối cảnh nghề nghiệp khác nhau.

+ PI 3.2: Vận dụng kiến thức ngành và chuyên ngành để đề xuất giải pháp và sáng kiến nhằm giải quyết các vấn đề chuyên môn trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng trong các bối cảnh nghề nghiệp khác nhau.

❖ *Về kỹ năng:*

- PLO4: Xử lý được các tình huống liên quan đến hoạt động về khoa học xã hội, khoa học chính trị, pháp luật; sử dụng tiếng Anh chuyên ngành để giải quyết công việc thuộc ngành đào tạo.

+ PI 4.1: Xử lý được các tình huống liên quan đến hoạt động về khoa học xã hội, khoa học chính trị, pháp luật để giải quyết công việc thuộc ngành đào tạo

+ PI 4.2: Sử dụng tiếng Anh để hỗ trợ công việc thuộc ngành đào tạo.

- PLO5: Ứng dụng công nghệ số, dữ liệu và các công cụ chuyên môn để giải quyết các tình huống liên quan; giải quyết các bài toán, nghiệp vụ chuyên ngành, xây dựng và định,

hướng nghề nghiệp trong lĩnh vực tài chính ngân hàng.

+ PI 5.1: Ứng dụng công nghệ số, dữ liệu và các công cụ chuyên môn để xử lý thông tin và giải quyết các bài toán, tình huống trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng.

+ PI 5.2: Giải quyết các nghiệp vụ chuyên môn; đồng thời xây dựng và phát triển định hướng nghề nghiệp trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng.

- PLO6: Vận dụng kiến thức chuyên ngành và kỹ năng nghề nghiệp để tổ chức, triển khai và đánh giá các hoạt động chuyên môn trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng.

+ PI 6.1: Xác định và phân tích các vấn đề chuyên môn trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng làm cơ sở cho việc tổ chức và triển khai các hoạt động nghiệp vụ.

+ PI 6.2: Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật nghiệp vụ và quy trình chuyên môn để đánh giá các hoạt động trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng.

❖ *Về mức tự chủ và chịu trách nhiệm:*

- PLO7: Làm việc độc lập hoặc làm việc nhóm trong điều kiện thay đổi; có khả năng quản lý, điều phối và chịu trách nhiệm đối với hoạt động chuyên môn; tuân thủ đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm xã hội.

+ PI 7.1: Thực hiện làm việc độc lập và làm việc nhóm trong điều kiện thay đổi; có khả năng quản lý, điều phối công việc và chịu trách nhiệm cá nhân cũng như trách nhiệm chung trong hoạt động chuyên môn.

+ PI 7.2: Tự định hướng trong công việc chuyên môn; đưa ra nhận định và kết luận có cơ sở, đồng thời tuân thủ đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm xã hội. ✓

4. Ma trận liên kết giữa các học phần và Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

STT	Tên học phần	TC	PLOs													
			PLO1		PLO2		PLO3		PLO4		PLO5		PLO6		PLO7	
			PI1.1	PI1.2	PI2.1	PI2.2	PI3.1	PI3.2	PI4.1	PI4.2	PI5.1	PI5.2	PI6.1	PI6.2	PI7.1	PI7.2
1. Khối kiến thức Giáo dục đại cương																
a	Kiến thức lý luận chính trị															
1	Triết học Mác – Lênin	3	I												I	
2	Kinh tế chính trị Mác – Lê nin	2	I												I	
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	I												I	
4	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	I												I	
5	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	I												I	
b	Kiến thức pháp luật															
6	Pháp luật đại cương	3	R						R						R	
c	Ngoại ngữ															
7	Tiếng Anh trong kinh doanh	3	I						I						I	
8	Tiếng Anh trong kinh doanh nâng cao	3	R						R						R	
d	Toán – Tin học															
9	Năng lực số	3	I						I							I
10	Toán kinh tế	3	I						I							I
2. Khối kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp																
a	Kiến thức cơ sở ngành															
11	Kinh tế học vi mô	3	I		I				I						I	

STT	Tên học phần	TC	PLOs													
			PLO1		PLO2		PLO3		PLO4		PLO5		PLO6		PLO7	
			PI1.1	PI1.2	PI2.1	PI2.2	PI3.1	PI3.2	PI4.1	PI4.2	PI5.1	PI5.2	PI6.1	PI6.2	PI7.1	PI7.2
12	Kinh tế học vĩ mô	3	I		I				I						I	
13	Nguyên lý kế toán	3	R	R								R			R	
14	Nguyên lý Marketing	3			R		R									
15	Quản trị học	3			R								I	R		I
16	Tài chính – Tiền tệ	3			R							R			R	
17	Luật kinh doanh	3			R						R				R	
18	Thuế	3			R							R			R	
19	Tài chính doanh nghiệp	3		R/A						R/A					R/A	
20	Khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo	3			R		M	M					R			R
21	Kinh tế lượng	3	R							R			R			R
22	Phát triển bền vững	3	R						R				R		R	
23	Trí tuệ nhân tạo trong kinh doanh	3			R						R				R	
<i>b</i>	<i>Kiến thức ngành</i>															
24	Kế toán tài chính	3	R	R							R				R	
25	Nguyên lý bảo hiểm	3					M	M					M		M	
26	Nguyên lý thẩm định giá	3					M	M					M		M	
27	Tài chính công	3	R/A				R		R/A				R		R	
28	Hành vi khách hàng	3	R				R			R	R					R
29	Tài chính cá nhân	3					M	M					M		M	
30	Tài chính quốc tế	3		R/A			R			R/A			R		R/A	
31	Kiểm toán căn bản	3			R	R					R					R

STT	Tên học phần	TC	PLOs													
			PLO1		PLO2		PLO3		PLO4		PLO5		PLO6		PLO7	
			PI1.1	PI1.2	PI2.1	PI2.2	PI3.1	PI3.2	PI4.1	PI4.2	PI5.1	PI5.2	PI6.1	PI6.2	PI7.1	PI7.2
32	Ngân hàng thương mại	3	R/A				R		R/A				R		R	
33	Thị trường chứng khoán	3		R			R		R				R		R	
c	Kiến thức chuyên ngành															
Chuyên ngành 1: Tài chính doanh nghiệp																
	Học phần bắt buộc															
34	Tài chính doanh nghiệp nâng cao	3			M/A		M/A				M/A		M		M	
35	Phân tích tài chính doanh nghiệp	3			M/A		M/A				M/A		M		M	
36	Thực hành nghề nghiệp Tài chính - Ngân hàng	3						M						M		M
Tự chọn: chọn 2 học phần (mỗi nhóm 1 học phần)																
	Nhóm 1															
37	Quản trị rủi ro tài chính	3				M/A		M				M/A	M/A			M
38	Định giá đầu tư	3				M/A		M				M/A	M/A			M
	Nhóm 2															
39	Đầu tư tài chính	3				M/A		M				M/A	M/A			M
40	Tài chính hành vi	3				M/A		M				M/A	M/A			M
Chuyên ngành 2: Ngân hàng																
	Học phần bắt buộc															
41	Thanh toán quốc tế	3			M/A		M/A				M/A		M		M	
42	Thẩm định tín dụng	3			M/A		M/A				M/A		M		M	

STT	Tên học phần	TC	PLOs													
			PLO1		PLO2		PLO3		PLO4		PLO5		PLO6		PLO7	
			PI1.1	PI1.2	PI2.1	PI2.2	PI3.1	PI3.2	PI4.1	PI4.2	PI5.1	PI5.2	PI6.1	PI6.2	PI7.1	PI7.2
43	Thực hành nghề nghiệp Tài chính - Ngân hàng	3						M						M		M
Tự chọn: chọn 2 học phần (mỗi nhóm 1 học phần)																
Nhóm 1																
44	Kinh doanh ngoại hối	3				M/A		M				M/A	M/A			M
45	Phân tích hoạt động kinh doanh ngân hàng	3				M/A		M				M/A	M/A			M
Nhóm 2																
46	Chứng khoán phái sinh	3				M/A		M				M/A	M/A			M
47	Quản trị ngân hàng	3				M/A		M				M/A	M/A			M
Chuyên ngành 3: Hải quan – Xuất nhập khẩu																
Học phần bắt buộc																
48	Phân loại và xuất xứ hàng hóa xuất nhập khẩu	3			M/A		M/A				M/A		M		M	
49	Trị giá hải quan	3			M/A		M/A				M/A		M		M	
50	Kiểm tra, giám sát hải quan	3						M						M		M
Tự chọn: chọn 2 học phần (mỗi nhóm 1 học phần)																
Nhóm 1																
51	Chính sách thuế quan	3				M/A		M				M/A	M/A			M
52	Quản trị xuất nhập khẩu	3				M/A		M				M/A	M/A			M
Nhóm 2																
53	Bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ	3				M/A		M				M/A	M/A			M

STT	Tên học phần	TC	PLOs													
			PLO1		PLO2		PLO3		PLO4		PLO5		PLO6		PLO7	
			PI1.1	PI1.2	PI2.1	PI2.2	PI3.1	PI3.2	PI4.1	PI4.2	PI5.1	PI5.2	PI6.1	PI6.2	PI7.1	PI7.2
54	Chính sách quản lý chuyên ngành hàng hóa xuất nhập khẩu	3				M/A		M				M/A	M/A			M
Chuyên ngành 4: Tài chính công																
	Học phần bắt buộc															
55	Quản lý ngân sách nhà nước	3			M/A		M/A				M/A		M		M	
56	Quản lý tài chính đơn vị công	3			M/A		M/A				M/A		M		M	
57	Kế toán công	3						M						M		M
Tự chọn: chọn 2 học phần (mỗi nhóm 1 học phần)																
	Nhóm 1															
58	Phân tích lợi ích và chi phí	3				M/A		M				M/A	M/A			M
59	Thẩm định và quản lý dự án đầu tư	3				M/A		M				M/A	M/A			M
	Nhóm 2															
60	Quản trị công	3				M/A		M				M/A	M/A			M
61	Chính sách công	3				M/A		M				M/A	M/A			M
Chuyên ngành 5: Thuế																
	Học phần bắt buộc															
62	Thuế tiêu dùng	3			M/A		M/A				M/A		M		M	
63	Thuế thu nhập	3			M/A		M/A				M/A		M		M	
64	Thuế tài sản	3						M						M		M
Tự chọn: chọn 2 học phần (mỗi nhóm 1 học phần)																

STT	Tên học phần	TC	PLOs													
			PLO1		PLO2		PLO3		PLO4		PLO5		PLO6		PLO7	
			PI1.1	PI1.2	PI2.1	PI2.2	PI3.1	PI3.2	PI4.1	PI4.2	PI5.1	PI5.2	PI6.1	PI6.2	PI7.1	PI7.2
77	Công nghệ tài chính	3					M							M	M	
	Cấp 2															
78	Kiểm tra sau thông quan	3					M							M	M	
79	Quản lý hải quan hiện đại	3					M							M	M	
3. Tốt nghiệp																
80	Khóa luận tốt nghiệp	6						M/A				M		M/A		M/A
	Hoặc															
81	Thực tập cuối khóa							M/A				M		M/A		M/A
82	<i>Học phần thay thế dành cho chuyên ngành Ngân hàng và Tài chính doanh nghiệp:</i> Thực hành ngân hàng điện tử và thực hành mô phỏng đầu tư tài chính	3						M/A				M		M/A	M/A	
83	<i>Học phần thay thế dành cho chuyên ngành Hải quan - Xuất nhập khẩu:</i> Thực hành khai báo hải quan	3						M/A				M		M/A	M/A	
84	<i>Học phần thay thế dành cho chuyên ngành Thuế và Tài chính công:</i> Thực hành kê khai thuế	3						M/A				M		M/A	M/A	
85	<i>Học phần thay thế dành cho chuyên ngành Thẩm định</i>	3						M/A				M		M/A	M/A	

STT	Tên học phần	TC	PLOs													
			PLO1		PLO2		PLO3		PLO4		PLO5		PLO6		PLO7	
			PI1.1	PI1.2	PI2.1	PI2.2	PI3.1	PI3.2	PI4.1	PI4.2	PI5.1	PI5.2	PI6.1	PI6.2	PI7.1	PI7.2
	giáo: Thực hành nghiên cứu thị trường tài sản															

Ghi chú: Mức độ đóng góp, hỗ trợ của học phần đối với PLOs được xác định cụ thể như sau:

- *I (Introduced)* – Học phần có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức giới thiệu/bắt đầu.
- *R (Reinforced)* – Học phần có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế, ...
- *M (Mastery)* – Học phần có hỗ trợ cao đạt được PLO và ở mức thuần thục/thông hiểu
- *A (Assessed)* – Học phần quan trọng (hỗ trợ tối đa việc đạt được PLO) cần được thu thập minh chứng để đánh giá chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.



★ Phạm Tiến Đạt

VIỆN TRƯỞNG
VIỆN CÔNG NGHỆ TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG

Nguyễn Thị Mỹ Linh

**MỤC TIÊU VÀ CHUẨN ĐẦU RA
CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHUẨN TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 1502/QĐ-ĐHTCM, ngày 15 tháng 4 năm 2026
của Hiệu trưởng trường Đại học Tài chính – Marketing)

1. Giới thiệu chung về ngành đào tạo:

- Ngành đào tạo (tiếng Việt): **Công nghệ tài chính**
- Ngành đào tạo (tiếng Anh): **Fintech**
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Mã ngành: 7340205
- Định hướng đào tạo: Ứng dụng

2. Mục tiêu đào tạo

2.1. Mục tiêu chung:

Đào tạo cử nhân ngành Công nghệ tài chính theo định hướng ứng dụng, trang bị cho người học các kiến thức nền tảng và chuyên sâu về tài chính, ngân hàng, kết hợp với công nghệ số, khoa học dữ liệu và các ứng dụng công nghệ trong lĩnh vực tài chính. Chương trình đào tạo hướng đến phát triển cho người học năng lực thực hành nghề nghiệp, khả năng vận dụng được các phương pháp phân tích dữ liệu tài chính, thiết kế và vận hành các sản phẩm, dịch vụ tài chính số; ứng dụng các công nghệ số trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng. Đồng thời, chương trình bồi dưỡng năng lực nghiên cứu khoa học, tư duy phản biện, năng lực khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo nhằm giải quyết các vấn đề thực tiễn trong lĩnh vực tài chính số. Người học sau khi tốt nghiệp có ý thức tuân thủ pháp luật, chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp và bảo mật dữ liệu; có khả năng tư duy đổi mới sáng tạo, thích ứng với môi trường chuyển đổi số và hội nhập quốc tế; đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực chất lượng cao cho các ngân hàng số, công ty fintech, tổ chức tài chính, quỹ đầu tư và cơ quan quản lý nhà nước trong lĩnh vực tài chính số.

2.2. Mục tiêu cụ thể:

❖ *Về kiến thức*

PO1: Có kiến thức nền tảng về các nguyên lý cơ bản, các quy luật tự nhiên và xã hội; có kiến thức nền tảng và chuyên sâu về tài chính, ngân hàng, kết hợp với công nghệ số, khoa học dữ liệu và các ứng dụng công nghệ trong lĩnh vực tài chính. Người học có khả năng vận dụng các kiến thức tài chính và công nghệ để giải quyết các vấn đề chuyên môn trong môi trường số, đồng thời có nền tảng để tiếp tục học tập ở trình độ cao hơn.

❖ *Về kỹ năng*

PO2: Hình thành và phát triển các kỹ năng phân tích dữ liệu tài chính, thiết kế và vận hành các sản phẩm, dịch vụ tài chính số; kỹ năng ứng dụng các công nghệ số trong lĩnh vực tài chính; kỹ năng tư duy phản biện, giải quyết vấn đề và ra quyết định trong môi trường tài chính số. ✓

❖ *Về mức tự chủ và trách nhiệm*

PO3: Phát triển khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm; tự định hướng, đưa ra nhận định chuyên môn trong lĩnh vực công nghệ tài chính và bảo vệ được quan điểm cá nhân; thích ứng nhanh với sự thay đổi của kinh tế - xã hội, các yêu cầu của sự đổi mới trong lĩnh vực công nghệ tài chính.

3. Nội dung chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

❖ *Về kiến thức*

- PLO1: Vận dụng được các kiến thức về khoa học xã hội, khoa học chính trị, pháp luật và các kiến thức nền tảng liên quan để phân tích, đánh giá và phản biện các vấn đề trong công việc.

+ PI 1.1: Vận dụng được các kiến thức về khoa học xã hội, khoa học chính trị, pháp luật và các kiến thức nền tảng liên quan để phân tích, đánh giá các vấn đề trong công việc.

+ PI 1.2: Vận dụng được các kiến thức về khoa học xã hội, khoa học chính trị, pháp luật và các kiến thức nền tảng liên quan để phản biện các vấn đề trong công việc.

- PLO2: Vận dụng các kiến thức nền tảng về kinh tế, tài chính, khoa học dữ liệu và công nghệ thông tin để thực hiện các công việc trong lĩnh vực công nghệ tài chính.

+ PI 2.1: Vận dụng các kiến thức nền tảng về kinh tế, tài chính để thực hiện các công việc trong môi trường tài chính số.

+ PI 2.2: Sử dụng các công cụ công nghệ và phân tích dữ liệu để hỗ trợ ra quyết định tài chính.

- PLO3: Phân tích được các vấn đề thực tiễn, lựa chọn được các ứng dụng công nghệ phù hợp trong lĩnh vực tài chính.

+ PI 3.1: Phân tích được các vấn đề thực tiễn trong lĩnh vực công nghệ tài chính.

+ PI 3.2: Lựa chọn được các ứng dụng công nghệ phù hợp trong lĩnh vực tài chính.

❖ *Về kỹ năng:*

- PLO4: Thực hiện được các tình huống thuộc ngành đào tạo, có liên quan đến những hoạt động về khoa học xã hội, khoa học chính trị, pháp luật; sử dụng được tiếng Anh chuyên ngành để giải quyết công việc trong lĩnh vực công nghệ tài chính.

+ PI 4.1: Sử dụng được tiếng Anh chuyên ngành để giải quyết công việc trong lĩnh vực công nghệ tài chính.

+ PI 4.2: Thực hiện được các tình huống thuộc ngành đào tạo, có liên quan đến những hoạt động về khoa học xã hội, khoa học chính trị, pháp luật.

- PLO5: Thực hiện được các phương pháp, công cụ và kỹ thuật phù hợp để giải quyết các công việc chuyên môn trong lĩnh vực công nghệ tài chính; cập nhật được các kiến thức mới, có tinh thần đổi mới sáng tạo, học tập suốt đời nhằm đáp ứng nhu cầu công việc.

+ PI 5.1: Thực hiện được các phương pháp, công cụ và kỹ thuật phù hợp để giải quyết các công việc chuyên môn trong lĩnh vực công nghệ tài chính. ✓

+ PI 5.2: Cập nhật được các kiến thức mới, có tinh thần đổi mới sáng tạo, học tập suốt đời nhằm đáp ứng nhu cầu công việc.

- PLO6: Tiến hành xử lý được các tình huống trong lĩnh vực công nghệ tài chính; thực hiện được các ứng dụng công nghệ trong lĩnh vực tài chính.

+ PI 6.1: Tiến hành xử lý được các tình huống thực tiễn trong lĩnh vực công nghệ tài chính.

+ PI 6.2: Thực hiện được các ứng dụng công nghệ trong lĩnh vực tài chính.

❖ *Về mức tự chủ và chịu trách nhiệm*

- PLO7: Thực hiện làm việc độc lập, làm việc nhóm trong điều kiện thay đổi; thực hiện chịu trách nhiệm cá nhân, chịu trách nhiệm đối với nhóm; xác định được quan điểm cá nhân trong lĩnh vực chuyên môn và bảo vệ được quan điểm cá nhân.

+ PI 7.1: Thực hiện làm việc độc lập, làm việc nhóm trong điều kiện thay đổi; thực hiện chịu trách nhiệm cá nhân, chịu trách nhiệm đối với nhóm.

+ PI 7.2: Xác định được quan điểm cá nhân trong lĩnh vực chuyên môn và bảo vệ được quan điểm cá nhân. ✓

4. Ma trận liên kết giữa các học phần và Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

STT	Tên học phần	TC	PLOs													
			PLO1		PLO2		PLO3		PLO4		PLO5		PLO6		PLO7	
			PI 1.1	PI 1.2	PI 2.1	PI 2.2	PI 3.1	PI 3.2	PI 4.1	PI 4.2	PI 5.1	PI 5.2	PI 6.1	PI 6.2	PI 7.1	PI 7.2
1. Khối kiến thức Giáo dục đại cương																
a	Kiến thức lý luận chính trị															
1	Triết học Mác – Lênin	3	I													I
2	Kinh tế chính trị Mác – Lê nin	2	I													I
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	I													I
4	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	I													I
5	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	I													I
b	Kiến thức pháp luật															
6	Pháp luật đại cương	3	R									R				R
c	Ngoại ngữ															
7	Tiếng Anh trong kinh doanh	3	I									I				I
8	Tiếng Anh trong kinh doanh nâng cao	3	R									R				R
d	Toán – Tin học															
9	Năng lực số	3	I									I				I
10	Toán kinh tế	3	I									I				I
2. Khối kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp																
a	Kiến thức cơ sở ngành															

STT	Tên học phần	TC	PLOs														
			PLO1		PLO2		PLO3		PLO4		PLO5		PLO6		PLO7		
			PI 1.1	PI 1.2	PI 2.1	PI 2.2	PI 3.1	PI 3.2	PI 4.1	PI 4.2	PI 5.1	PI 5.2	PI 6.1	PI 6.2	PI 7.1	PI 7.2	
11	Kinh tế học vi mô	3	I		I					I						I	
12	Kinh tế học vĩ mô	3	I		I					I						I	
13	Nguyên lý kế toán	3	R	R								R				R	
14	Nguyên lý Marketing	3			R		R										
15	Quản trị học	3			R		R							I	R		I
16	Tài chính – Tiền tệ	3			R		R							R		R	
17	Luật kinh doanh	3			R		R				R					R	
18	Thuế	3			R		R						R			R	
19	Tài chính doanh nghiệp	3	R								R					R	
20	Khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo	3			R			M	M					R			R
21	Kinh tế lượng	3	R								R			R			R
22	Phát triển bền vững	3	R							R				R		R	
23	Cơ sở lập trình	3						R		R	R						R
b	Kiến thức ngành																
24	Phát triển hệ thống thương mại điện tử	3							M						M		M
25	Công nghệ bảo hiểm	3						M							M		M
26	Khai phá dữ liệu	3							M		M	M					R
27	Tài chính công	3	R/A					R			R/A				R		R/A
28	Hành vi khách hàng	3	R					R			R						
29	Tài chính cá nhân							M							M		
30	Tài chính quốc tế			R/A				R		R/A					R		R/A
31	Cơ sở dữ liệu							M							M		M

STT	Tên học phần	TC	PLOs									
			PLO1		PLO2		PLO3		PLO4		PLO5	
			PI 1.1	PI 1.2	PI 2.1	PI 2.2	PI 3.1	PI 3.2	PI 4.1	PI 4.2	PI 5.1	PI 5.2
32	Ngân hàng thương mại		R/A				R			R/A		
33	Thị trường chứng khoán			R/A			R		R/A		R	
c Kiến thức chuyên ngành												
Học phần bắt buộc												
34	Tiền số và công nghệ blockchain				M/A			M			M/A	M
35	Học máy						M				M	M
36	Thực hành nghề nghiệp công nghệ tài chính						M				M	M
Học phần tự chọn: chọn mỗi nhóm 1 học phần												
Nhóm 1												
37	Quản lý và ứng dụng cơ sở dữ liệu trong tài chính					M/A	M/A				M/A	M
38	Phân tích dữ liệu lớn trong tài chính					M/A	M/A				M	M
Nhóm 2												
39	Công nghệ Tiền điện tử và hệ thống thanh toán điện tử				M/A		M				M/A	M
40	Trí tuệ nhân tạo trong giao dịch định lượng				M/A		M				M/A	M
d Kiến thức bổ trợ ngành												
41	Phân tích dữ liệu với Python							M				M

STT	Tên học phần	TC	PLOs													
			PLO1		PLO2		PLO3		PLO4		PLO5		PLO6		PLO7	
			PI 1.1	PI 1.2	PI 2.1	PI 2.2	PI 3.1	PI 3.2	PI 4.1	PI 4.2	PI 5.1	PI 5.2	PI 6.1	PI 6.2	PI 7.1	PI 7.2
42	Hợp đồng thông minh				M/A	M/A						M/A		M		
3. Tốt nghiệp																
43	Khóa luận tốt nghiệp														M/A	
Hoặc																
44	Thực tập cuối khóa														M/A	
45	Học phần thay thế: Thực hành ứng dụng công nghệ trong tài chính														M/A	

Ghi chú: Mức độ đóng góp, hỗ trợ của học phần đối với PLOs được xác định cụ thể như sau:

- *I (Introduced)* – Học phần có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức giới thiệu/bắt đầu.
- *R (Reinforced)* – Học phần có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,...
- *M (Mastery)* – Học phần có hỗ trợ cao đạt được PLO và ở mức thuần thục/thông hiểu
- *A (Assessed)* – Học phần quan trọng (hỗ trợ tối đa việc đạt được PLO) cần được thu thập minh chứng để đánh giá chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo./.



VIỆN TRƯỞNG
VIỆN CÔNG NGHỆ TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG

(Signature)

Nguyễn Thị Mỹ Linh

★ Phạm Tiến Đạt



MỤC TIÊU VÀ CHUẨN ĐẦU RA
CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHUẨN TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
(Ban hành kèm theo Quyết định số ~~1502~~ /QĐ-ĐHTCM, ngày ~~15~~ tháng 4 năm 2026
của Hiệu trưởng trường Đại học Tài chính – Marketing)

1. Giới thiệu thông tin chung về ngành đào tạo

- Ngành đào tạo (tiếng Việt): **Kế toán**
- Ngành đào tạo (tiếng Anh): **Accounting**
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Mã ngành: 7340301
- Định hướng đào tạo: Ứng dụng

2. Mục tiêu đào tạo

2.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân Kế toán theo định hướng ứng dụng; trang bị kiến thức thực tế vững chắc và lý thuyết hệ thống, toàn diện về kế toán, kiểm toán; phân tích thông tin ảnh hưởng đến hoạt động kế toán, kiểm toán trong bối cảnh liên ngành và chuyển đổi số.

Chương trình hướng tới hình thành năng lực nghiên cứu, năng lực thực hành nghề nghiệp và năng lực đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp cho người học thông qua việc rèn luyện khả năng đánh giá, phản biện và giải quyết các vấn đề nghiệp vụ chuyên môn; có khả năng sử dụng các công cụ số để cung cấp dữ liệu kinh tế tin cậy.

Sau khi tốt nghiệp, cử nhân có năng lực làm việc độc lập ở mức độ cao, quản lý chuyên môn hiệu quả; đồng thời tuân thủ đạo đức nghề nghiệp, thể hiện trách nhiệm xã hội và tự tin phát triển trong môi trường hội nhập.

2.2. Mục tiêu cụ thể

❖ *Về kiến thức*

PO1: Nắm vững kiến thức lý thuyết và thực tiễn về kế toán, kiểm toán; hiểu bối cảnh liên ngành để giải quyết các vấn đề chuyên môn phức tạp về kế toán tài chính, kế toán quản trị và kiểm toán trên nền tảng ứng dụng công nghệ số.

❖ *Về kỹ năng*

PO2: Đề xuất các giải pháp chuyên môn trên nền tảng tư duy phản biện nhằm đáp ứng yêu cầu thực tiễn trong môi trường làm việc đa dạng.

❖ *Về mức tự chủ và trách nhiệm*

PO3: Làm việc độc lập, quản lý chuyên môn; ra quyết định độc lập; thể hiện năng lực đổi mới sáng tạo gắn liền với ý thức trách nhiệm xã hội hướng tới phát triển nghề nghiệp bền vững.

3. Nội dung chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

❖ *Về kiến thức:*

- PLO1: Tổng hợp kiến thức khoa học xã hội, chính trị và pháp luật đến các vấn đề chuyên môn thuộc lĩnh vực kế toán, kiểm toán.

+ PI 1.1: Giải thích các vấn đề chuyên môn thuộc lĩnh vực kế toán, kiểm toán dựa trên nền tảng kiến thức chính trị, xã hội và pháp luật.

+ PI 1.2: Diễn giải tác động của các yếu tố kinh tế và pháp luật đối với các nghiệp vụ kế toán, kiểm toán.

- PLO2: Vận dụng kiến thức nền tảng về kinh tế, tài chính và công nghệ số vào các hoạt động chuyên môn kế toán, kiểm toán.

+ PI 2.1: Chỉ ra các nguyên lý kinh tế, quản trị và tài chính trong hoạt động chuyên môn kế toán, kiểm toán.

+ PI 2.2: Áp dụng các giải pháp công nghệ số trong quy trình xử lý nghiệp vụ kế toán, kiểm toán.

- PLO3: Giải quyết các vấn đề chuyên môn trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán dựa trên sự kết hợp kiến thức ngành và chuyên ngành trong bối cảnh hội nhập quốc tế.

+ PI 3.1: Thực hiện các vấn đề chuyên môn thuộc lĩnh vực kế toán, kiểm toán dựa trên các quy định hiện hành và hệ thống chuẩn mực kế toán.

+ PI 3.2: Chỉ ra các giải pháp chuyên môn kế toán, kiểm toán đáp ứng yêu cầu thực tiễn trong bối cảnh hội nhập quốc tế.

❖ *Về kỹ năng:*

- PLO4: Sử dụng thành thạo công cụ số và sử dụng được ngoại ngữ (tiếng Anh) trong quá trình thực hiện các hoạt động kế toán, kiểm toán.

+ PI 4.1: Sử dụng thành thạo công cụ số và các phần mềm chuyên dụng trong quá trình thực hiện nghiệp vụ chuyên môn.

+ PI 4.2: Sử dụng được ngoại ngữ (tiếng Anh) trong các hoạt động nghề nghiệp kế toán, kiểm toán.

- PLO5: Tạo lập các giải pháp chuyên môn trong thực tiễn nghề nghiệp kế toán, kiểm toán.

+ PI 5.1: Hình thành các giải pháp chuyên môn tuân thủ quy định của pháp luật và các chuẩn mực kế toán, kiểm toán.

+ PI 5.2: Phát triển các quy trình công việc kế toán, kiểm toán trong bối cảnh thực tiễn nghề nghiệp. ✓

- PLO6: Giải quyết chuyên môn đối với các tình huống nghiệp vụ phức tạp.

+ PI 6.1: Quản lý các vấn đề chuyên môn trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán.

+ PI 6.2: Phối hợp xử lý đối với các vấn đề chuyên môn phức tạp.

❖ *Về mức tự chủ và chịu trách nhiệm:*

- PLO7: Phát triển năng lực tự chủ, trách nhiệm và đạo đức nghề nghiệp trong hoạt động chuyên môn kế toán, kiểm toán.

+ PI 7.1: Quản lý hiệu quả công việc cá nhân và nhóm trong quá trình thực hiện nghiệp vụ chuyên môn.

+ PI 7.2: Tuân thủ các nguyên tắc đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm xã hội trong thực tiễn công việc. ✓



4. Ma trận liên kết giữa các học phần và Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

STT	Tên học phần	TC	PLOs													
			PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7							
			PI1.1	PI1.2	PI2.1	PI2.2	PI3.1	PI3.2	PI4.1	PI4.2	PI5.1	PI5.2	PI6.1	PI6.2	PI7.1	PI7.2
1. Khối kiến thức Giáo dục đại cương																
a	Kiến thức lý luận chính trị															
1	Triết học Mác – Lênin	3	I													I
2	Kinh tế chính trị Mác - Lê nin	2	I													I
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	I													I
4	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	I													I
5	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	I													I
b	Kiến thức pháp luật															
6	Pháp luật đại cương	3	R						R							R
c	Ngoại ngữ															
7	Tiếng Anh chuyên ngành	3	I								I					I
8	Tiếng Anh chuyên ngành nâng cao	3	R							R						R
d	Toán – Tin học															
9	Năng lực số	3	I								I					I
10	Toán kinh tế	3	I								I					I
2. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp																
a	Kiến thức Cơ sở ngành															
11	Kinh tế học vi mô	3	I							I						I

STT	Tên học phần	TC	PLOs														
			PLO1		PLO2		PLO3		PLO4		PLO5		PLO6		PLO7		
			PI1.1	PI1.2	PI2.1	PI2.2	PI3.1	PI3.2	PI4.1	PI4.2	PI5.1	PI5.2	PI6.1	PI6.2	PI7.1	PI7.2	
12	Kinh tế học vĩ mô	3	I		I					I						I	
13	Nguyên lý kế toán	3	R	R												R	
14	Nguyên lý Marketing	3			R		R										
15	Quản trị học	3			R									I	R		I
16	Tài chính – Tiền tệ	3			R											R	
17	Luật kinh doanh	3			R							R				R	
18	Thuế	3			R											R	
19	Tài chính doanh nghiệp	3		R					R							R	
20	Khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo	3			R			M	M					R			R
21	Kinh tế lượng	3	R								R			R			R
22	Phát triển bền vững	3	R							R				R		R	
23	Trí tuệ nhân tạo trong kinh doanh	3			R							R				R	
b	Kiến thức ngành																
24	Kế toán tài chính	3	R/A	R/A									R				R
25	Tài chính công	3	R					R		R				R		R	
26	Hành vi khách hàng	3	R					R		R		R	R				
27	Nguyên lý bảo hiểm	3						M	M					M		M	
28	Kiểm toán căn bản	3			R	R						R					R
29	Ngân hàng thương mại	3	R					R		R				R		R	
30	Kế toán tài chính theo IFRS	3						R/A						R		R	
31	Kế toán công	3			R/A									R		R	

SST	Tên học phần	TC	PLOs															
			PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7									
			PI1.1	PI1.2	PI2.1	PI2.2	PI3.1	PI3.2	PI4.1	PI4.2	PI5.1	PI5.2	PI6.1	PI6.2	PI7.1	PI7.2		
32	Kế toán tài chính nâng cao	3					M/A					M/A	M/A			R		
33	Kế toán quản trị	3	R/A	R/A									R/A				R	
c	Kiến thức chuyên ngành																	
Chuyên ngành 1: Kế toán doanh nghiệp																		
Học phần bắt buộc																		
34	Kế toán quản trị nâng cao	3			M/A	M							M/A			M/A		
35	Kế toán chi phí	3			R/A								R			R		
36	Kế toán thuế	3				M/A			M/A						M/A	R		
Học phần tự chọn																		
37	Ứng dụng công nghệ thông tin trong kế toán	3				M/A				M/A							R	
38	Hệ thống thông tin kế toán	3				M/A				M/A							R	
39	Thực hành kế toán tài chính	3			M								M/A	M/A			R	
40	Khuôn khổ pháp lý kế toán Việt Nam	3			M								M/A	M/A			R	
Chuyên ngành 2: Kiểm toán																		
Học phần bắt buộc																		
41	Kế toán quản trị nâng cao	3			M/A	M							M/A				M/A	
42	Kế toán chi phí	3			R/A								R				R	

STT	Tên học phần	TC	PLOs														
			PLO1		PLO2		PLO3		PLO4		PLO5		PLO6		PLO7		
			PI1.1	PI1.2	PI2.1	PI2.2	PI3.1	PI3.2	PI4.1	PI4.2	PI5.1	PI5.2	PI6.1	PI6.2	PI7.1	PI7.2	
43	Kiểm toán báo cáo tài chính	3						M						M	M/A		M
Học phần tự chọn																	
44	Ứng dụng công nghệ thông tin trong kế toán	3					R/A					R/A					M
45	Phân tích dữ liệu trong kế toán	3					R/A					R/A					M
46	Thực hành kiểm toán báo cáo tài chính	3					M/A					M/A			M/A		M
47	Kiểm toán hoạt động	3					M/A					M/A			M/A		M
d	Kiến thức bổ trợ ngành																
48	Kế toán tài chính theo IFRS nâng cao	3									M/A				M/A		R
49	Lập báo cáo tài chính quốc tế	3									M/A				M/A		M/A
3	Tốt nghiệp																
Chuyên ngành 1: Kế toán doanh nghiệp																	
50	Khóa luận tốt nghiệp	6									M/A				M/A	M/A	M/A
Hoặc																	
51	Thực tập cuối khóa	3									M/A				M/A	M/A	M/A
52	Kế toán doanh nghiệp thương mại, dịch vụ	3									M				M		M
Chuyên ngành 2: Kiểm toán																	
53	Khóa luận tốt nghiệp	6									M/A				M/A	M/A	M/A
Hoặc																	

STT	Tên học phần	TC	PLOs									
			PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7			
54	Thực tập cuối khóa	3	PI1.1 PI1.2	PI2.1 PI2.2	PI3.1 PI3.2	PI4.1 PI4.2	PI5.1 PI5.2	PI6.1 PI6.2	PI7.1 PI7.2			
55	Kiểm toán nội bộ	3			M/A			M/A	M/A	M	M	M

Ghi chú: Mức độ đóng góp, hỗ trợ của học phần đối với PLOs được xác định cụ thể như sau:

- *I (Introduced)* – Học phần có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức giới thiệu/bắt đầu.
- *R (Reinforced)* – Học phần có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế, ...
- *M (Mastery)* – Học phần có hỗ trợ cao đạt được PLO và ở mức thuần thục/thông hiểu
- *A (Assessed)* – Học phần quan trọng (hỗ trợ tối đa việc đạt được PLO) cần được thu thập minh chứng để đánh giá chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.



HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG KHOA
KHOA KẾ TOÁN KIỂM TOÁN

Phạm Tiến Đạt

Trần Hồng Vân

MỤC TIÊU VÀ CHUẨN ĐẦU RA
CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHUẨN TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
(Ban hành kèm theo Quyết định số ~~1502~~ /QĐ-ĐHTCM, ngày ~~15~~ tháng 4 năm 2026
của Hiệu trưởng trường Đại học Tài chính – Marketing)

1. Giới thiệu chung về ngành đào tạo

- Ngành đào tạo (tiếng Việt): **Kiểm toán**
- Ngành đào tạo (tiếng Anh): Auditing
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Mã ngành: 7340302
- Định hướng đào tạo: Ứng dụng

2. Mục tiêu đào tạo:

2.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân Kiểm toán theo định hướng ứng dụng nhằm trang bị kiến thức thực tế vững chắc và lý thuyết hệ thống, toàn diện về kiểm toán, kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro trong bối cảnh liên ngành và chuyển đổi số, đồng thời tích hợp các chuẩn mực nghề nghiệp quốc tế.

Chương trình hướng tới hình thành năng lực nghiên cứu, năng lực thực hành nghề nghiệp và năng lực đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp thông qua việc rèn luyện tư duy phản biện, khả năng phân tích, đánh giá để giải quyết các vấn đề phức tạp trong việc soát xét và xác nhận độ tin cậy của thông tin tài chính và sử dụng thành thạo công cụ số để đề xuất các giải pháp kiểm soát hiệu quả.

Sau khi tốt nghiệp, cử nhân có năng lực làm việc độc lập ở mức độ cao, quản lý chuyên môn hiệu quả, tuân thủ đạo đức nghề nghiệp, trách nhiệm xã hội và tự tin phát triển trong môi trường hội nhập toàn cầu.

2.2. Mục tiêu cụ thể:

❖ *Về kiến thức*

PO1: Nắm vững kiến thức chuyên môn về kiểm toán, kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro; hiểu rõ bối cảnh liên ngành để đánh giá và giải quyết các vấn đề chuyên môn phức tạp dựa trên nền tảng Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam (VSA) và hệ thống chuẩn mực kế toán (VAS, IFRS), nhằm xác nhận tính trung thực – hợp lý của Báo cáo tài chính trên nền tảng ứng dụng công nghệ số.

❖ *Về kỹ năng*

PO2: Đề xuất các quy trình kiểm toán, giải pháp kiểm soát nội bộ dựa trên tư duy phân biện và hoài nghi nghề nghiệp nhằm đáp ứng yêu cầu thực tiễn trong môi trường hội nhập toàn cầu.

❖ *Về mức tự chủ và trách nhiệm*

PO3: Quản lý và điều phối các hoạt động kiểm toán, kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro; thể hiện năng lực đổi mới sáng tạo, gắn liền với việc tuân thủ đức nghề nghiệp hướng tới phát triển bền vững trong môi trường đa văn hoá.

3. Nội dung chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

❖ *Về kiến thức*

- PLO1: Tổng hợp các kiến thức về pháp luật, kinh tế và xã hội vào các vấn đề chuyên môn trong lĩnh vực kiểm toán.

+ PI 1.1: Giải thích các vấn đề chuyên môn trong hoạt động kiểm toán dựa trên nền tảng các kiến thức pháp luật, kinh tế và xã hội.

+ PI 1.2: Diễn giải các tác động của các yếu tố kinh tế và pháp luật đến hoạt động kiểm toán.

- PLO2: Vận dụng các kiến thức nền tảng về kinh tế, tài chính và công nghệ số vào các hoạt động chuyên môn thuộc lĩnh vực kiểm toán.

+ PI 2.1: Vận dụng các nguyên lý kinh tế, quản trị, tài chính, ... vào các công việc thuộc hoạt động kiểm toán.

+ PI 2.2: Áp dụng các giải pháp công nghệ số trong quy trình soát xét, quy trình kiểm toán.

PLO3: Vận dụng kiến thức ngành và chuyên ngành kiểm toán vào các vấn đề chuyên môn phức tạp trong bối cảnh chuyển đổi số và hội nhập quốc tế.

+ PI 3.1: Thực hiện các vấn đề kiểm toán dựa trên các chuẩn mực VSA/IFRS và dữ liệu thực tế trong các bối cảnh hội nhập quốc tế

+ PI 3.2: Chỉ ra giải pháp kiểm toán và kiểm soát nội bộ trong bối cảnh số hoá.

❖ *Về kỹ năng:*

- PLO4: Sử dụng thành thạo công nghệ số và ngoại ngữ (Tiếng Anh) trong hoạt động kiểm toán.

+ PI 4.1: Sử dụng thành thạo công cụ số để giải quyết công việc chuyên môn trong hoạt động kiểm toán.

+ PI 4.2: Sử dụng được tiếng Anh trong hoạt động kiểm toán.

- PLO5: Đề xuất các giải pháp chuyên môn trong hoạt động kiểm toán.

+ PI 5.1: Hình thành các giải pháp kiểm soát rủi ro dựa trên việc khai thác thông tin kế toán quản trị. ✓

+ PI 5.2: Triển khai các thủ tục kiểm toán chuyên sâu trên nền tảng ứng dụng công nghệ và phân tích dữ liệu.

- PLO6: Giải quyết chuyên môn trong các tình huống kiểm toán thực tế tại doanh nghiệp.

+ PI 6.1: Phối hợp thủ tục kiểm toán chuyên môn nhằm phát hiện rủi ro tài chính và gian lận thông qua kỹ thuật phân tích dữ liệu.

+ PI 6.2: Đề xuất chương trình kiểm toán tổng thể tích hợp với các giải pháp hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ.

❖ *Về mức tự chủ và chịu trách nhiệm:*

- PLO7: Hình thành năng lực tự chủ, trách nhiệm nghề nghiệp và khả năng thích ứng nhanh trước những đổi mới của lĩnh vực kiểm toán.

+ PI 7.1: Thể hiện trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm tập thể khi thực hiện các hoạt động kiểm toán chuyên sâu.

+ PI 7.2: Bảo vệ quyết định chuyên môn trên nền tảng tuân thủ đạo đức nghề nghiệp và năng lực tự định hướng✓

4. Ma trận liên kết giữa các học phần và Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

STT	Tên học phần	TC	PLOs													
			PLO1		PLO2		PLO3		PLO4		PLO5		PLO6		PLO7	
			PI1.1	PI1.2	PI2.1	PI2.2	PI3.1	PI3.2	PI4.1	PI4.2	PI5.1	PI5.2	PI6.1	PI6.2	PI7.1	PI7.2
I. Khối kiến thức Giáo dục đại cương																
a	Kiến thức lý luận chính trị															
1	Triết học Mác – Lênin	3	I													I
2	Kinh tế chính trị Mác - Lê nin	2	I													I
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	I													I
4	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	I													I
5	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	I													I
b	Kiến thức pháp luật															
6	Pháp luật đại cương	3	R							R						R
c	Ngoại ngữ															
7	Tiếng Anh chuyên ngành	3	I							I						I
8	Tiếng Anh chuyên ngành nâng cao	3	R							R						R
d	Toán – Tin học															
9	Năng lực số	3	I							I						I
10	Toán kinh tế	3	I							I						I
II. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp																
a	Kiến thức Cơ sở ngành															
11	Kinh tế học vi mô	3	I		I					I						I

STT	Tên học phần	TC	PLOs													
			PLO1		PLO2		PLO3		PLO4		PLO5		PLO6		PLO7	
			PI1.1	PI1.2	PI2.1	PI2.2	PI3.1	PI3.2	PI4.1	PI4.2	PI5.1	PI5.2	PI6.1	PI6.2	PI7.1	PI7.2
12	Kinh tế học vĩ mô	3	I		I				I						I	
13	Nguyên lý kế toán	3	R	R								R			R	
14	Nguyên lý Marketing	3			R		R									
15	Quản trị học	3			R								I	R		I
16	Tài chính – Tiền tệ	3			R							R			R	
17	Luật kinh doanh	3			R						R				R	
18	Thuế	3			R							R			R	
19	Tài chính doanh nghiệp	3		R						R					R	
20	Khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo	3			R		M	M					R			R
21	Kinh tế lượng	3	R										R			R
22	Phát triển bền vững	3	R						R				R			
23	Tri tuệ nhân tạo trong kinh doanh	3			R						R				R	
<i>b</i>	<i>Kiến thức ngành</i>															
24	Kế toán tài chính	3	R/A	R/A							R				R	
25	Tài chính công	3	R				R		R				R		R	
26	Hành vi khách hàng	3	R				R			R						
27	Kiểm toán nâng cao	3					M		M/A			M/A				M
28	Kiểm toán căn bản	3			R/A	R/A					R					R
29	Phân tích dữ liệu cho kế toán	3					R/A		R/A						M	
30	Kế toán tài chính theo IFRS	3					M						M		R	

STT	Tên học phần	TC	PLOs													
			PLO1		PLO2		PLO3		PLO4		PLO5		PLO6		PLO7	
			PI1.1	PI1.2	PI2.1	PI2.2	PI3.1	PI3.2	PI4.1	PI4.2	PI5.1	PI5.2	PI6.1	PI6.2	PI7.1	PI7.2
31	Kế toán công	3			R									R		R
32	Kế toán tài chính nâng cao	3					M				M	M			R	
33	Kế toán quản trị	3	R/A	R/A							R/A					R
c	Kiểm thực chuyên ngành															
Học phần bắt buộc																
34	Kế toán quản trị nâng cao	3			M/A	M/A					M/A				M	
35	Lập Báo cáo tài chính quốc tế	3						M					M	M		M
36	Kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro	3						M/A			M/A				M/A	M/A
Học phần tự chọn																
Chọn 1 trong 2 học phần																
37	Kiểm toán nội bộ	3						M/A					M/A		M/A	M
38	Kiểm toán báo cáo tài chính	3						M/A					M/A		M/A	M
Chọn 1 trong 2 học phần																
39	Kế toán điều tra	3						M/A						M/A		M
40	Phân tích tài chính doanh nghiệp	3						M/A						M/A		M
Học phần bổ trợ																
41	Kế toán tài chính theo IFRS nâng cao	3							M		M/A					R

STT	Tên học phần	TC	PLOs													
			PLO1		PLO2		PLO3		PLO4		PLO5		PLO6		PLO7	
			PI1.1	PI1.2	PI2.1	PI2.2	PI3.1	PI3.2	PI4.1	PI4.2	PI5.1	PI5.2	PI6.1	PI6.2	PI7.1	PI7.2
42	Lập Báo cáo tài chính quốc tế nâng cao	3						M			M/A			M		M
III. Tốt nghiệp																
43	Khóa luận tốt nghiệp	6						M/A						M/A	M/A	M/A
Hoặc																
44	Thực tập cuối khóa	3						M/A						M/A	M/A	M/A
45	Kiểm toán hoạt động	3			M				M	M				M	M	

Ghi chú: Mức độ đóng góp, hỗ trợ của học phần đối với PLOs được xác định cụ thể như sau:

- *I (Introduced)* – Học phần có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức giới thiệu/bắt đầu.
- *R (Reinforced)* – Học phần có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế, ...
- *M (Mastery)* – Học phần có hỗ trợ cao đạt được PLO và ở mức thuần thục/thông hiểu
- *A (Assessed)* – Học phần quan trọng (hỗ trợ tối đa việc đạt được PLO) cần được thu thập minh chứng để đánh giá chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG KHOA
KHOA KẾ TOÁN KIỂM TOÁN



Phạm Tiến Đạt

Trần Hồng Vân

MỤC TIÊU VÀ CHUẨN ĐẦU RA
CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHUẨN TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
(Ban hành kèm theo Quyết định số 1502/QĐ-ĐHTCM, ngày 15 tháng 4 năm 2026
của Hiệu trưởng trường Đại học Tài chính – Marketing)

1. Giới thiệu ngành đào tạo

- Ngành đào tạo (tiếng Việt): Luật Kinh tế
- Ngành đào tạo (tiếng Anh): Business Law
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Mã ngành: 7380107
- Định hướng đào tạo: Định hướng ứng dụng

2. Mục tiêu đào tạo:

2.1. Mục tiêu chung:

Mục tiêu chung của Chương trình đào tạo đại học ứng dụng ngành Luật Kinh tế là trang bị cho người tốt nghiệp kiến thức toàn diện và chuyên sâu về pháp luật kinh tế; kỹ năng nghề nghiệp, ý thức tuân thủ đạo đức nghề nghiệp, giúp người tốt nghiệp sẵn sàng trở thành người hành nghề luật chuyên nghiệp (pháp chế doanh nghiệp, luật sư, người làm công tác pháp luật trong các cơ quan nhà nước và đơn vị dịch vụ pháp lý) trong tương lai; có khả năng tự tạo việc làm, khởi nghiệp kinh doanh và tiếp tục tự học tập, nghiên cứu ứng dụng đổi mới sáng tạo trong bối cảnh chuyển đổi số.

2.2. Mục tiêu cụ thể:

❖ *Về kiến thức:*

PO1: người học có kiến thức nền tảng về các nguyên lý cơ bản, các quy luật tự nhiên và xã hội, công nghệ thông tin; có phương pháp nghiên cứu và kiến thức toàn diện và chuyên sâu về pháp luật kinh tế trong bối cảnh chuyển đổi số, có thể phát triển kiến thức mới và có thể tiếp tục học tập ở trình độ cao.

❖ *Về kỹ năng:*

PO2: Người học có kỹ năng thực hành nghề nghiệp, kỹ năng giao tiếp ứng xử, làm việc nhóm và hội nhập; ứng dụng các kiến thức chuyên môn và liên ngành để giải quyết các tình huống pháp lý phát sinh trong một môi trường kinh doanh cạnh tranh và hội nhập.

❖ *Về mức tự chủ và trách nhiệm:*

PO3: Người học có quan điểm, lập trường chính trị vững vàng, có đạo đức nghề nghiệp đúng đắn, tự định hướng, tự tin khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo, đưa ra kết luận chuyên

môn trong lĩnh vực luật kinh tế, có hệ bảo vệ được quan điểm cá nhân; có khả năng làm việc độc lập hoặc làm việc nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm; thích ứng nhanh với sự thay đổi của kinh tế - xã hội, các yêu cầu của sự đổi mới của ngành Luật Kinh tế.

3. Nội dung chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

❖ Về kiến thức

- PLO1: Vận dụng được các kiến thức cơ bản về kinh tế, xã hội, khoa học chính trị, lịch sử, văn hóa, truyền thống dân tộc, nền tảng khoa học pháp lý để hỗ trợ cho việc nghiên cứu chuyên sâu trong lĩnh vực pháp luật kinh tế; sử dụng được kiến thức ngoại ngữ, công nghệ thông tin một cách hiệu quả để thực hiện công việc thuộc ngành Luật kinh tế.

+ PI 1.1: Vận dụng được các kiến thức nền tảng về kinh tế, xã hội, khoa học chính trị, lịch sử, văn hóa, truyền thống dân tộc, học thuyết pháp lý nhằm hỗ trợ cho việc nghiên cứu chuyên sâu lĩnh vực pháp luật kinh tế

+ PI 1.2: Giao tiếp được tiếng Anh chuyên biệt để giải quyết các tình huống pháp lý; phân tích được kiến thức tổng quan về xây dựng văn bản pháp luật trong nghiên cứu và xây dựng văn bản pháp luật thuộc lĩnh vực luật kinh tế.

- PLO2: Đánh giá được các quy định pháp luật nền tảng của quốc gia và quốc tế, các học thuyết có liên quan, kiến thức về quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh trong để giải quyết các vấn đề thực tế của ngành luật kinh tế ở các bối cảnh khác nhau

+ PI 2.1: Phân tích được các kiến thức cơ bản về quản lý, điều hành kinh doanh, kiến thức chuyên sâu về nhà nước và pháp luật, hiến pháp của Việt Nam nhằm hiểu đúng về quan điểm, chính sách pháp luật kinh tế của Việt Nam trong từng thời kỳ.

+ PI 2.2: Đánh giá được quy định pháp luật mang tính cơ sở, tiền đề trong lĩnh vực kinh tế.

- PLO3: Đánh giá được các kiến thức chuyên sâu của pháp luật trong hoạt động đầu tư, kinh doanh, và các lĩnh vực khác để giải quyết các vấn đề thực tiễn phức tạp thuộc ngành luật kinh tế.

+ PI 3.1: Đánh giá được các quy định pháp luật chuyên sâu liên quan trực tiếp đến lĩnh vực kinh tế.

+ PI 3.2: Đánh giá được các quy định pháp luật đặc thù trong hoạt động kinh doanh: hợp đồng, tín dụng, chứng khoán, bất động sản, ...

❖ Về kỹ năng:

- PLO4: Thực hiện được các bài tập tình huống giả định liên quan đến hoạt động về khoa học xã hội, khoa học chính trị, trường phái khoa học pháp lý; tìm kiếm thông tin, tra cứu văn bản pháp luật trên môi trường Internet và đáp ứng yêu cầu về năng lực số theo quy định hiện hành.

+ PI 4.1: Thực hiện được các bài tập, tình huống giả định liên quan đến trường phái khoa học pháp lý.

+ PI 4.2: Thực hiện được bài tập thực hành liên quan công tác xây dựng pháp luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam và sử dụng được Tiếng Anh pháp lý hỗ trợ cho công tác nghiên cứu pháp luật.

- PLO5: Thực hiện được các kỹ năng nghiên cứu, phân biện, tranh biện về các vấn đề pháp lý mang tính nền tảng cho lĩnh vực kinh doanh; giải quyết được các tình huống pháp lý thông qua việc diễn đạt, trình bày bằng lời nói hoặc văn bản các tri thức chuyên môn, các lập luận, quan điểm, giải pháp pháp lý.

+ PI 5.1: Giải quyết được các tình huống pháp lý mang tính nền tảng của pháp luật về kinh tế như: lý luận về nhà nước và pháp luật, hiến pháp

+ PI 5.2: Giải quyết được các tình huống pháp lý mang tính tiền đề trực tiếp cho nghiên cứu pháp luật kinh tế: quan hệ dân sự, chủ thể kinh doanh

- PLO6: Giải quyết được các tình huống pháp lý chuyên sâu thuộc lĩnh vực pháp luật kinh tế và các lĩnh vực khác có liên quan; thực hiện được các kỹ năng hành nghề luật, phát hiện vấn đề, nghiên cứu vấn đề pháp lý chuyên sâu để giải quyết các vấn đề pháp lý trong hoạt động kinh doanh trong nước; có khả năng sử dụng ngoại ngữ trong việc nghiên cứu chuyên sâu các quy định pháp luật nước ngoài hoặc quốc tế.

+ PI 6.1: Giải quyết được các tình huống pháp lý chuyên sâu liên quan trực tiếp đến lĩnh vực luật kinh tế.

+ PI 6.2: Giải quyết được các tình huống pháp lý đặc thù trong hoạt động kinh doanh: hợp đồng, tín dụng, chứng khoán, bất động sản, ...

❖ Về mức tự chủ và chịu trách nhiệm:

- PLO7: Có lập trường, tư tưởng chính trị vững vàng, tinh thần thượng tôn pháp luật, thể hiện ý thức phục vụ cộng đồng, bảo vệ lợi ích quốc gia, dân tộc và tuân thủ đạo đức nghề luật; có khả năng làm việc cá nhân hoặc làm việc nhóm một cách hiệu quả trong lĩnh vực pháp luật; tự tin khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo trong công tác chuyên môn về pháp luật.

+ PI 7.1: Có lập trường tư tưởng chính trị vững vàng, thượng tôn pháp luật và có đạo đức nghề luật đúng đắn, đổi mới sáng tạo và tự tin khởi nghiệp công tác chuyên môn.

+ PI 7.2: Có khả năng làm việc cá nhân hoặc làm việc nhóm hiệu quả trong quá trình học tập, đặc biệt trong lĩnh vực pháp luật kinh tế. ✓

STT	Tên học phần	TC	PLOs													
			PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7							
			PI1.1	PI1.2	PI2.1	PI2.2	PI3.1	PI3.2	PI4.1	PI4.2	PI5.1	PI5.2	PI6.1	PI6.2	PI7.1	PI7.2
I. Khối kiến thức Giáo dục đại cương																
a	Kiến thức lý luận chính trị															
1	Triết học Mác – Lênin	3	I													I
2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	I													I
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	I													I
4	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	I													I
5	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	I													I
b	Xã hội – Công nghệ thông tin - Ngoại ngữ															
❖ Kiến thức bắt buộc																
6	Năng lực số	3	I									I				I
7	Tiếng Anh trong kinh doanh	3	I									I				I
8	Tiếng Anh trong kinh doanh nâng cao	3	R									R				R
❖ Kiến thức tự chọn: chọn 1 trong 3 học phần																
9	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	R									R				R
10	Logic học	2	R									R				R
11	Xã hội học	2	R									R				R
II. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp																
a	Kiến thức cơ sở ngành															

STT	Tên học phần	TC	PLOs													
			PLO1		PLO2		PLO3		PLO4		PLO5		PLO6		PLO7	
			PI1.1	PI1.2	PI2.1	PI2.2	PI3.1	PI3.2	PI4.1	PI4.2	PI5.1	PI5.2	PI6.1	PI6.2	PI7.1	PI7.2
❖ Kiến thức bắt buộc																
12	Kinh tế học	3			I									R		R
13	Lý luận chung về Nhà nước và pháp luật	3			R/A							R/A			R	
14	Các học thuyết chính trị - pháp lý	2	R/A								R/A				R	
15	Đạo đức nghề luật và phương pháp học luật	2	R								R				M/A	
16	Lịch sử nhà nước và pháp luật	2	M/A									R			R	
17	Kỹ năng viết trong nghề luật	2			R							R			M	
18	Luật Hiến pháp	3			R/A							R/A			M	
19	Lập luận và tranh luận pháp lý	3			R							R			M	
❖ Kiến thức tự chọn:																
Nhóm 1: Chọn 2 trong 6 học phần																
20	Nguyên lý kế toán	3	R	R										R		R
21	Trí tuệ nhân tạo trong kinh doanh	3			R							R			R	
22	Tài chính - tiền tệ	3			R								R		R	
23	Quản trị học	3			R									I	R	I
24	Khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo	3			R			M	M					R		R
25	Phát triển bền vững	3	R							R				R		R

STT	Tên học phần	TC	PLOs													
			PLO1		PLO2		PLO3		PLO4		PLO5		PLO6		PLO7	
			PI1.1	PI1.2	PI2.1	PI2.2	PI3.1	PI3.2	PI4.1	PI4.2	PI5.1	PI5.2	PI6.1	PI6.2	PI7.1	PI7.2
Nhóm 2: Chọn 2 trong 3 học phần																
26	Luật Môi trường	2				R								R		R
27	Luật học so sánh	2				R								R		R
28	Nghiên cứu và phân tích án lệ	2				R								R		R
B	Kiến thức cốt lõi ngành															
❖ Kiến thức bắt buộc																
29	Luật hình sự	3							R						R	
30	Luật Tố tụng hình sự	2							R						R	
31	Luật hành chính và tố tụng hành chính	3							R						R	
32	Luật hôn nhân và gia đình	2							R						R	
33	Luật dân sự 1	3				M/A							M/A			R
34	Luật dân sự 2	2						M/A						M/A		R
35	Luật Sở hữu trí tuệ	2							R					M		R
36	Luật Lao động	3							R					R		R
37	Luật Tố tụng dân sự	2							M					M		R
38	Luật Đầu tư	3							M/A					M/A		R
39	Luật Thương mại 1	2				M/A							M/A			R
40	Luật Thương mại 2	3													M/A	R/A
41	Luật Đất đai	3							R						R	R
42	Luật Tài chính	3							R						R	R
43	Luật thương mại quốc tế	3													R	R
44	Tư pháp quốc tế	2							R						R	R

STT	Tên học phần	TC	PLOs									
			PLO1		PLO2		PLO3		PLO4		PLO5	
			PI1.1	PI1.2	PI2.1	PI2.2	PI3.1	PI3.2	PI4.1	PI4.2	PI5.1	PI5.2
45	Xây dựng văn bản pháp luật	2		M/A					R/A			
46	Công pháp quốc tế và pháp luật Asean	3					R				R	
❖ Kiến thức tự chọn												
<i>Nhóm 1: chọn 1 trong 5 học phần</i>												
47	Luật Ngân hàng	2						R				R
48	Pháp luật về hải quan	2						R				R
49	Luật kinh doanh bất động sản	2						R				R
50	Luật chứng khoán	2						R				R
51	Pháp luật về các dịch vụ pháp lý	2						R				R
<i>Nhóm 2: chọn 2 trong 3 học phần</i>												
52	Kỹ năng tư vấn pháp luật cho doanh nghiệp	3						R				M
53	Kỹ năng soạn thảo hợp đồng	3						R				M
54	Kỹ năng giải quyết vụ việc dân sự của luật sư	3						R				R
C Kiến thức bổ trợ ngành												
55	Luật cạnh tranh	2						R				R
56	Tiếng Anh chuyên ngành luật	3		R/A					R/A			R
III. Thực tập trải nghiệm												

STT	Tên học phần	TC	PLOs														
			PLO1		PLO2		PLO3		PLO4		PLO5		PLO6		PLO7		
			PI1.1	PI1.2	PI2.1	PI2.2	PI3.1	PI3.2	PI4.1	PI4.2	PI5.1	PI5.2	PI6.1	PI6.2	PI7.1	PI7.2	
57	Thực hành nghề nghiệp	3							M						R		M
IV. Tốt nghiệp																	
58	Khoá luận tốt nghiệp	6														M/A	M/A
Hoặc																	
59	Thực tập cuối khóa	3														M/A	M/A
60	Học phần thay thế: Kỹ năng mềm trong nghề luật	3							M						M		M

Ghi chú: Mức độ đóng góp, hỗ trợ của học phần đối với PLOs được xác định cụ thể như sau:

- *I (Introduced)* – Học phần có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức giới thiệu/bắt đầu.
- *R (Reinforced)* – Học phần có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,...
- *M (Mastery)* – Học phần có hỗ trợ cao đạt được PLO và ở mức thuần thục/thông hiểu
- *A (Assessed)* – Học phần quan trọng (hỗ trợ tối đa việc đạt được PLO) cần được thu thập minh chứng để đánh giá chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.



**KT. TRƯỞNG KHOA LUẬT
PHÓ TRƯỞNG KHOA**

[Signature]

Phạm Tiến Đạt

Phạm Thị Hồng Nhung

**MỤC TIÊU VÀ CHUẨN ĐẦU RA
CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHUẨN TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 1502/QĐ-ĐHTCM, ngày 15 tháng 6 năm 2026
của Hiệu trưởng trường Đại học Tài chính – Marketing)

1. Giới thiệu chung về chương trình đào tạo:

- Ngành đào tạo (tiếng Việt): Kinh tế
- Ngành đào tạo (tiếng Anh): Economics
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Mã ngành: 7310101
- Định hướng đào tạo: Ứng dụng

2. Mục tiêu đào tạo:

2.1. Mục tiêu chung:

Chương trình đào tạo cử nhân ngành Kinh tế theo định hướng ứng dụng nhằm trang bị cho người học nền tảng kiến thức toàn diện và chuyên sâu về kinh tế học, quản lý kinh tế và kinh doanh trong bối cảnh toàn cầu hóa, chuyển đổi số và chuyển đổi xanh; hình thành năng lực phân tích, đánh giá và hoạch định chính sách kinh tế, cũng như năng lực vận dụng các mô hình lý thuyết và công cụ định lượng để giải quyết các vấn đề kinh tế – kinh doanh trong thực tiễn. Chương trình hướng đến phát triển năng lực tư duy phân tích, phản biện và nghiên cứu khoa học độc lập; năng lực thực hành nghề nghiệp và phát triển nghề nghiệp bền vững, ứng dụng công nghệ số, dữ liệu và ngoại ngữ trong môi trường làm việc hiện đại; đồng thời hình thành phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm xã hội. Người học sau khi tốt nghiệp có khả năng thích ứng, khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo và học tập suốt đời, đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động và các bên liên quan trong bối cảnh kinh tế biến động và hội nhập quốc tế sâu rộng.

2.2. Mục tiêu cụ thể

❖ Về kiến thức:

- PO1: Vận dụng kiến thức nền tảng về khoa học xã hội, pháp luật, công nghệ thông tin và kinh tế học để phân tích các vấn đề kinh tế – kinh doanh.
- PO2: Phân tích và đánh giá các hiện tượng, quá trình và chính sách kinh tế trong bối cảnh thực tiễn.
- PO3: Đánh giá, dự báo và đề xuất các giải pháp, kiến nghị chính sách kinh tế dựa trên cơ sở lý thuyết và bằng chứng dữ liệu.

❖ Về kỹ năng:

- PO4: Sử dụng hiệu quả ngoại ngữ, công nghệ số và kỹ năng giao tiếp để trình bày,

trao đổi và giải quyết các vấn đề chuyên môn.

- PO5: Vận dụng các phương pháp, mô hình và công cụ phân tích (định lượng, kinh tế lượng, dữ liệu) để giải quyết các vấn đề kinh tế – kinh doanh.

- PO6: Thể hiện năng lực tự học, tư duy phản biện và thích ứng với sự thay đổi trong môi trường kinh tế – kinh doanh.

❖ **Về mức tự chủ và trách nhiệm:**

- PO7: Thể hiện đạo đức nghề nghiệp, trách nhiệm xã hội; làm việc độc lập và làm việc nhóm hiệu quả; chịu trách nhiệm đối với các quyết định chuyên môn.

3. Nội dung chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo:

❖ **Về kiến thức**

- PLO1: Vận dụng được kiến thức về khoa học xã hội, khoa học chính trị, pháp luật, công nghệ thông tin và toán kinh tế để phân tích, đánh giá các vấn đề kinh tế – kinh doanh trong thực tiễn.

- + PI1.1: Giải thích và phân tích được các nguyên lý, quy luật kinh tế và các yếu tố thể chế trong các bối cảnh cụ thể.

- + PI1.2: Vận dụng công nghệ thông tin và công cụ toán kinh tế để xử lý dữ liệu và hỗ trợ phân tích vấn đề kinh tế.

- PLO2: Vận dụng được kiến thức kinh tế học, quản lý và các công cụ phân tích để giải thích và phân tích các hiện tượng, quá trình kinh tế trong bối cảnh thực tiễn.

- + PI2.1: Phân tích được các mô hình kinh tế để đánh giá hành vi của doanh nghiệp, thị trường và nền kinh tế.

- + PI2.2: Áp dụng được các phương pháp định lượng và công cụ phân tích dữ liệu kinh tế để phân tích và giải thích các xu hướng kinh tế trong thực tiễn.

- PLO3: Đánh giá và dự báo tác động của chính sách và các yếu tố kinh tế đến hoạt động của doanh nghiệp, ngành và nền kinh tế trên cơ sở dữ liệu và bằng chứng thực tiễn.

- + PI3.1: Đánh giá được tác động của chính sách kinh tế và các yếu tố kinh tế đến doanh nghiệp, ngành hoặc nền kinh tế dựa trên dữ liệu và bằng chứng thực tiễn.

- + PI3.2: Thực hiện được báo cáo phân tích và dự báo kinh tế phục vụ hoạt động quản lý và ra quyết định.

❖ **Về kỹ năng:**

- PLO4: Sử dụng hiệu quả ngoại ngữ, công nghệ số và kỹ năng giao tiếp để thực hiện công việc trong môi trường học thuật và nghề nghiệp.

- + PI4.1: Trình bày và trao đổi nội dung chuyên môn bằng tiếng Việt hoặc tiếng Anh trong bối cảnh học thuật và nghề nghiệp.

- + PI4.2: Sử dụng thành thạo các công cụ số (Excel, phần mềm phân tích chuyên ngành, AI...) để thực hiện nhiệm vụ chuyên môn.

- PLO5: Vận dụng các phương pháp, mô hình và công cụ phân tích để đề xuất giải pháp và kiến nghị phù hợp đối với các vấn đề kinh tế – kinh doanh trong thực tiễn.

- + PI5.1: Vận dụng được các phương pháp và công cụ phân tích để xây dựng phương án giải quyết các vấn đề kinh tế – kinh doanh trong thực tiễn.✓

+ PI5.2: Đề xuất được giải pháp hoặc kiến nghị chính sách phù hợp với bối cảnh kinh tế cụ thể.

- PLO6: Thực hiện tư duy phân tích, phản biện độc lập; làm việc nhóm hiệu quả và tổ chức công việc khoa học trong môi trường chuyên môn.

+ PI6.1: Phân tích thành thạo và phản biện được các quan điểm kinh tế trên cơ sở lập luận khoa học và bằng chứng dữ liệu.

+ PI6.2: Phối hợp hiệu quả trong nhóm để hoàn thành nhiệm vụ đúng tiến độ và đạt chất lượng.

❖ *Về mức tự chủ và chịu trách nhiệm:*

- PLO7: Thể hiện năng lực tự chủ, đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm xã hội; có khả năng làm việc độc lập hoặc theo nhóm trong môi trường thay đổi.

+ PI7.1: Tuân thủ đạo đức nghề nghiệp, có trách nhiệm trong công việc và quyết định chuyên môn.

+ PI7.2: Chủ động học tập, thích ứng và phát triển nghề nghiệp trong bối cảnh kinh tế biến động.

4. Ma trận liên kết giữa các học phần và Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

STT	Tên học phần	TC	PLOs													
			PLO1		PLO2		PLO3		PLO4		PLO5		PLO6		PLO7	
			PI1.1	PI1.2	PI2.1	PI2.2	PI3.1	PI3.2	PI4.1	PI4.2	PI5.1	PI5.2	PI6.1	PI6.2	PI7.1	PI7.2
1. Khối kiến thức Giáo dục đại cương																
a	Kiến thức lý luận chính trị															
1	Triết học Mác – Lênin	3	I												I	
2	Kinh tế chính trị Mác - Lê nin	2	I												I	
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	I												I	
4	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	I												I	
5	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	I												I	
b	Kiến thức pháp luật															
6	Pháp luật đại cương	3	I												R	
c	Ngoại ngữ															
7	Tiếng Anh chuyên ngành	3	I						I						I	
8	Tiếng Anh chuyên ngành nâng cao	3	R						R						R	
d	Toán – Tin học															
9	Năng lực số	3	I						I							I
10	Toán kinh tế	3	I						I							I
2. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp																
a	Kiến thức Cơ sở ngành															
11	Kinh tế học vi mô	3	I/A		I/A				I						I	
12	Kinh tế học vĩ mô	3	I/A		I/A				I						I	

STT	Tên học phần	TC	PLOs													
			PLO1		PLO2		PLO3		PLO4		PLO5		PLO6		PLO7	
			PI1.1	PI1.2	PI2.1	PI2.2	PI3.1	PI3.2	PI4.1	PI4.2	PI5.1	PI5.2	PI6.1	PI6.2	PI7.1	PI7.2
13	Nguyên lý kế toán	3	R	R								R			R	
14	Nguyên lý Marketing	3			R		R									
15	Quản trị học	3			R								I	R		I
16	Tài chính – Tiền tệ	3			R						R				R	
17	Luật kinh doanh	3			R						R				R	
18	Thuế	3			R							R			R	
19	Tài chính doanh nghiệp	3		R						R					R	
20	Khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo	3			R		M	M					R			R
21	Kinh tế lượng	3	R							R			R			R
22	Phát triển bền vững	3	R						R				R		R	
23	Trí tuệ nhân tạo trong kinh doanh	3			R						R				R	
b	Kiến thức ngành															
24	Marketing kỹ thuật số	3			R			R			R				R	
25	Đạo đức kinh doanh và trách nhiệm xã hội	3				R							R		R	
26	Chính sách kinh tế	3		R/A	R		R/A			R/A		R/A				
27	Đầu tư công	3			M		R									
28	Kinh tế quốc tế	3			R	R		M/A	R/A	R				M/A	R	
29	Kinh tế phát triển	3	R	R/A		R		M/A	R/A	R/A						
30	Phân tích dữ liệu kinh doanh	3				R					R				R	
31	Hành vi khách hàng	3				R					R				R	

STT	Tên học phần	TC	PLOs													
			PLO1		PLO2		PLO3		PLO4		PLO5		PLO6		PLO7	
			PI1.1	PI1.2	PI2.1	PI2.2	PI3.1	PI3.2	PI4.1	PI4.2	PI5.1	PI5.2	PI6.1	PI6.2	PI7.1	PI7.2
32	Tài chính công	3					R						R		R	
33	Quy hoạch đô thị	3			R							R	R			
c Kiến thức chuyên ngành																
Học phần bắt buộc																
34	Phân tích và dự báo kinh tế	3			R	R/A	R/A				R/A		R/A			
35	Phân tích lợi ích và chi phí	3				M		M				M				
36	Thẩm định và quản lý dự án đầu tư	3				M	M				M				R	
Học phần tự chọn																
Nhóm 1: chọn 1 trong 2 học phần																
37	Quản lý nhà nước về kinh tế	3				M/A	M/A	M				M/A	R/A			
38	Kinh tế đầu tư	3				M/A	M/A	M				M/A	R/A			
Nhóm 2: chọn 1 trong 2 học phần																
39	Kinh tế số	3				M/A	M/A	M				M/A	R/A			
40	Mô hình tăng trưởng kinh tế	3				M/A	M/A	M				M/A	R/A			
d Kiến thức bổ trợ ngành																
41	Quản trị nguồn nhân lực	3			R								R	R		R
42	Kinh doanh quốc tế	3	R	R					R	R					R	R
3 Tốt nghiệp																
43	Khóa luận tốt nghiệp	6			R			R/A	R		M/A		M/A		M	M/A

STT	Tên học phần	TC	PLOs													
			PLO1		PLO2		PLO3		PLO4		PLO5		PLO6		PLO7	
			PI1.1	PI1.2	PI2.1	PI2.2	PI3.1	PI3.2	PI4.1	PI4.2	PI5.1	PI5.2	PI6.1	PI6.2	PI7.1	PI7.2
44	Thực tập cuối khóa	3			R			R/A	R		M/A		M/A		M	M/A
45	Học phần thay thế: Quản lý phát triển địa phương	3			R			R	R			M		M		M/A

Ghi chú: Mức độ đóng góp, hỗ trợ của học phần đối với PLOs được xác định cụ thể như sau:

- *I (Introduced)* – Học phần có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức giới thiệu/bắt đầu.
- *R (Reinforced)* – Học phần có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,...
- *M (Mastery)* – Học phần có hỗ trợ cao đạt được PLO và ở mức thuần thục/thông hiểu
- *A (Assessed)* – Học phần quan trọng (hỗ trợ tối đa việc đạt được PLO) cần được thu thập minh chứng để đánh giá chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

HIỆU TRƯỞNG



Phạm Tiến Đạt

VIỆN TRƯỞNG
VIỆN KINH TẾ CHÍNH TRỊ QUỐC TẾ

Lại Văn Nam

MỤC TIÊU VÀ CHUẨN ĐẦU RA
CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHUẨN TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
(Ban hành kèm theo Quyết định số ~~1504~~ /QĐ-ĐHTCM, ngày ~~15~~ tháng 4 năm 2026
của Hiệu trưởng trường Đại học Tài chính – Marketing)

1. Giới thiệu chung về ngành đào tạo

- Ngành đào tạo (tiếng Việt): Kinh tế chính trị
- Ngành đào tạo (tiếng Anh): Political Economy
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Mã ngành: 7310102
- Định hướng đào tạo: Ứng dụng

2. Mục tiêu đào tạo:

2.1. Mục tiêu chung:

Chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế chính trị định hướng ứng dụng nhằm trang bị cho người học nền tảng lý luận vững chắc về kinh tế chính trị Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối của Đảng, cùng hệ thống kiến thức về kinh tế học, thể chế, chính sách công, quan hệ kinh tế quốc tế và kinh tế chính trị chuyên sâu theo định hướng chuyên sâu của kinh tế chính trị.

Chương trình được thiết kế theo định hướng phát triển toàn diện năng lực người học, chú trọng hình thành năng lực nghiên cứu, năng lực thực hành nghề nghiệp, năng lực đổi mới sáng tạo và năng lực khởi nghiệp. Người học có khả năng vận dụng các phương pháp phân tích, nghiên cứu và đánh giá các vấn đề kinh tế – xã hội, kinh tế quốc tế và tài chính trong bối cảnh toàn cầu hóa; đồng thời biết ứng dụng kiến thức vào thực tiễn nghề nghiệp, tham gia giải quyết các vấn đề thực tiễn tại tổ chức, doanh nghiệp và cơ quan hoạch định chính sách.

Chương trình hướng đến phát triển tư duy độc lập, sáng tạo, khả năng thích ứng với môi trường làm việc biến động và đa văn hóa; khuyến khích tinh thần khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo trong hoạt động nghề nghiệp. Sau khi tốt nghiệp, người học có phẩm chất chính trị, ý thức tuân thủ pháp luật, chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm xã hội; có khả năng giao tiếp học thuật, làm việc nhóm và học tập suốt đời; đáp ứng yêu cầu nguồn nhân lực chất lượng cao cho các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị – xã hội, viện nghiên cứu, doanh nghiệp và các tổ chức trong nước, quốc tế.

2.2. Mục tiêu cụ thể

❖ Về kiến thức

PO1: Có kiến thức nền tảng về khoa học xã hội, khoa học chính trị, pháp luật và các công cụ hỗ trợ phân tích; có kiến thức nền tảng và chuyên sâu về kinh tế học, thể chế, chính sách công, quan hệ kinh tế quốc tế và kinh tế chính trị theo định hướng chuyên ngành.



❖ **Về kỹ năng:**

PO2: Hình thành và phát triển các kỹ năng nghiên cứu, phân tích, phản biện và đề xuất chính sách; kỹ năng xử lý dữ liệu, giao tiếp học thuật, thuyết trình, làm việc nhóm và tổ chức công việc; kỹ năng sử dụng tiếng Anh chuyên ngành để giải quyết công việc trong môi trường nghề nghiệp đa văn hóa.

❖ **Về mức tự chủ và trách nhiệm:**

PO3: Phát triển khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm trong điều kiện thay đổi; chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm; đưa ra và bảo vệ nhận định chuyên môn có căn cứ khoa học; tuân thủ pháp luật, đạo đức nghề nghiệp, trách nhiệm xã hội; chủ động học tập suốt đời và thích ứng với biến động của môi trường kinh tế - chính trị toàn cầu.

3. Nội dung chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

❖ **Về kiến thức**

- PLO1: Vận dụng được các kiến thức về khoa học xã hội, khoa học chính trị, pháp luật và các kiến thức nền tảng liên quan để phân tích, đánh giá và phản biện các vấn đề trong công việc.

+ PI 1.1: Vận dụng được các kiến thức về khoa học xã hội, khoa học chính trị, pháp luật và các kiến thức nền tảng liên quan để phân tích, đánh giá các vấn đề trong công việc.

+ PI 1.2: Sử dụng được các công cụ toán học, thống kê và công nghệ thông tin cơ bản để thu thập, xử lý và trình bày dữ liệu phục vụ phân tích các vấn đề thuộc lĩnh vực kinh tế chính trị.

- PLO2: Vận dụng được các kiến thức nền tảng về kinh tế học, thể chế, chính sách công và quan hệ kinh tế quốc tế để thực hiện các công việc chuyên môn trong lĩnh vực kinh tế chính trị.

+ PI 2.1: Phân tích được cơ chế vận hành của nền kinh tế thị trường và vai trò của thể chế kinh tế; đối chiếu được các cách tiếp cận lý thuyết để nhận diện điều kiện, giới hạn và tác động của từng mô hình trong bối cảnh cụ thể.

+ PI 2.2: Phân tích và đánh giá được tác động của một chính sách kinh tế vĩ mô hoặc một hiệp định thương mại quốc tế đến tăng trưởng, phúc lợi xã hội, phân phối thu nhập và phát triển ngành/lĩnh vực trong bối cảnh cụ thể.

- PLO3: Phân tích được các vấn đề thực tiễn trong lĩnh vực kinh tế chính trị; lựa chọn được và vận dụng khung phân tích hoặc giải pháp chính sách phù hợp để đánh giá của tác động của các vấn đề kinh tế - xã hội, chính sách công, quan hệ kinh tế quốc tế và tài chính trong bối cảnh cụ thể.

+ PI 3.1: Phân tích được các vấn đề kinh tế xã hội, chính sách công và quan hệ kinh tế quốc tế bằng khung phân tích của kinh tế chính trị; đánh giá được tác động của các vấn đề đó đến tổ chức, ngành, quốc gia và nhóm chủ thể có liên quan.

+ PI 3.2: Lựa chọn và đề xuất được giải pháp, hàm ý chính sách hoặc khuyến nghị phù hợp nhằm giải quyết các vấn đề thực tiễn trong lĩnh vực kinh tế chính trị trên cơ sở lập luận khoa học, bằng chứng thực tiễn và bối cảnh kinh tế xã hội chủ nghĩa.

❖ **Về kỹ năng:**

- PLO4: Thực hiện được các tình huống thuộc ngành đào tạo có liên quan đến những

hoạt động về khoa học xã hội, khoa học chính trị, pháp luật; sử dụng được tiếng Anh chuyên ngành để giải quyết công việc trong lĩnh vực kinh tế chính trị.

+ PI 4.1: Thực hiện được việc phân tích yêu cầu pháp lý, xã hội và rủi ro tuân thủ trong các tình huống nghề nghiệp thuộc lĩnh vực kinh tế chính trị; đánh giá được phương án xử lý trên cơ sở chuẩn mực đạo đức và quy định hiện hành.

+ PI 4.2: Sử dụng được tiếng Việt và tiếng Anh chuyên ngành để soạn thảo, trình bày báo cáo và thuyết trình; thực hiện phản biện có cơ sở đối với các vấn đề kinh tế - xã hội và chính sách công.

- PLO5: Thực hiện được các phương pháp, công cụ và kỹ thuật nghiên cứu phù hợp để giải quyết các công việc chuyên môn trong thực tiễn; cập nhật được kiến thức mới, có tinh thần đổi mới sáng tạo, học tập suốt đời nhằm đáp ứng nhu cầu công việc.

+ PI 5.1: Thực hiện được một nghiên cứu hoặc đề án theo quy trình: xác định vấn đề - mục tiêu/câu hỏi nghiên cứu - tổng quan tài liệu - lựa chọn và triển khai phương pháp - thu thập/xử lý dữ liệu - phân tích - trình bày kết quả theo chuẩn mực học thuật được thừa nhận.

+ PI 5.2: Cập nhật, lựa chọn và tích hợp được tri thức mới; diễn giải được kết quả phân tích thành các hàm ý chính sách, khuyến nghị hoặc giải pháp có tính khả thi, phù hợp với bối cảnh trong nước và quốc tế.

- PLO6: Phối hợp hiệu quả các kỹ năng giao tiếp, thuyết trình, làm việc nhóm và tổ chức công việc để hoàn thành mục tiêu chuyên môn; đồng thời thích ứng với môi trường đa văn hóa, cạnh tranh quốc tế và thay đổi liên tục.

+ PI 6.1: Giao tiếp và thuyết trình rõ ràng, thuyết phục các nội dung chuyên môn; phối hợp nhóm với phân công vai trò rõ ràng, chủ động chia sẻ thông tin và quản trị bất đồng ở mức phù hợp với vị trí trong nhóm.

+PI 6.2: Lập kế hoạch và tổ chức công việc cá nhân/nhóm theo mục tiêu; theo dõi tiến độ, điều chỉnh khi cần, chịu trách nhiệm về kết quả và hỗ trợ đồng nghiệp hoàn thành nhiệm vụ chuyên môn.

❖ Về mức tự chủ và chịu trách nhiệm:

- PLO7: Chủ động phát triển nghề nghiệp; đưa ra và bảo vệ nhận định chuyên môn dựa trên bằng chứng; tuân thủ pháp luật, đạo đức nghề nghiệp, trách nhiệm xã hội; duy trì tinh thần học tập suốt đời để thích ứng với biến động của môi trường kinh tế - chính trị toàn cầu.

+ PI 7.1: Nhận diện và tuân thủ chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp, quy định pháp luật và nội quy tổ chức trong thực hiện công việc chuyên môn; trình bày quan điểm bằng lập luận logic, nhất quán và có cơ sở khoa học; đồng thời xác định mục tiêu học tập hoặc phát triển nghề nghiệp.

+ PI 7.2: Xác định được quan điểm cá nhân trong lĩnh vực chuyên môn và bảo vệ được quan điểm cá nhân trên cơ sở bằng chứng và lập luận khoa học; làm việc độc lập hoặc phối hợp nhóm hiệu quả trong bối cảnh thay đổi và chịu trách nhiệm về kết quả công việc. ✓

4. Ma trận liên kết giữa các học phần và Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

STT	Tên học phần	TC	PLOs													
			PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7							
			PI 1.1	PI 1.2	PI 2.1	PI 2.2	PI 3.1	PI 3.2	PI 4.1	PI 4.2	PI 5.1	PI 5.2	PI 6.1	PI 6.2	PI 7.1	PI 7.2
1. Khối kiến thức giáo dục đại cương																
a. Kiến thức lý luận chính trị																
1	Triết học Mác – Lênin	3	I													I
2	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	2	I													I
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	I													I
4	Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam	2	I													I
5	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	I													I
b. Kiến thức pháp luật (mức I, R)																
6	Pháp luật đại cương	3	R						R							R
c. Ngoại ngữ (mức I, R)																
7	Tiếng Anh trong kinh doanh	3	I						I							I
8	Tiếng Anh trong kinh doanh nâng cao	3	R						R							R
d. Toán – Tin học (mức I, R)																
9	Năng lực số	3	I						I							I
10	Toán kinh tế	3	I						I							I
2. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp																
a. Kiến thức cơ sở ngành																
11	Kinh tế học vi mô	3	I						I							I
12	Kinh tế học vĩ mô	3	I						I							I
13	Nguyên lý kế toán	3	R	R									R			R
14	Nguyên lý marketing	3					R									
15	Quản trị học	3														
16	Tài chính – Tiền tệ	3												R	R	R

STT	Tên học phần	TC	PLOs									
			PLO1		PLO2		PLO3		PLO4		PLO5	
			PI 1.1	PI 1.2	PI 2.1	PI 2.2	PI 3.1	PI 3.2	PI 4.1	PI 4.2	PI 5.1	PI 5.2
17	Luật kinh doanh	3			R						R	
18	Thuế	3			R						R	
19	Tài chính doanh nghiệp	3		R						R		
20	Khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo	3			R		M	M			R	
21	Kinh tế lượng	3	R						R			
22	Phát triển bền vững	3	R						R			
23	Trí tuệ nhân tạo trong kinh doanh	3			R						R	
b. Kiến thức ngành												
24	Lịch sử các học thuyết kinh tế	3	R		R/A							
25	Chính trị học đại cương	3	R						R			
26	Kinh tế công cộng	3						M		R		M
27	Kinh tế thể chế	3			R/A							
28	Chính sách kinh tế	3		R	R/A		R/A			R/A		R
29	Kinh tế số	3		M/A							M/A	
30	Chính phủ và chính sách công	3	R/A						R			
31	Kinh tế chính trị Việt Nam	3	R/A									R/A
32	Địa kinh tế – Chính trị	3			R	R/A						
33	Kinh tế phát triển	3	R/A	R		R/A		M	R/A	R		
c. Kiến thức chuyên ngành												
Chuyên ngành 1: Kinh tế chính trị quốc tế												
Học phần bắt buộc												
34	Lý thuyết quan hệ quốc tế	3				R/A	R		R			
35	Kinh tế chính trị quốc tế	3					M/A		R			

STT	Tên học phần	TC	PLOs									
			PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7			
			PI 1.1 PI 1.2 PI 2.1 PI 2.2 PI 3.1 PI 3.2 PI 4.1 PI 4.2 PI 5.1 PI 5.2 PI 6.1 PI 6.2 PI 7.1 PI 7.2									
36	Kinh tế quốc tế	3		R	R	M	R/A	R/A			R/A	
Tự chọn: 1 trong 2 nhóm												
Nhóm 1												
37	Quản lý toàn cầu	3				M					M	
38	Kinh tế chính trị quốc tế nâng cao	3				M		R				
Nhóm 2												
39	Lý thuyết và chính sách thương mại quốc tế	3				R						
40	Đầu tư quốc tế	3					M				M	R
<i>Chuyên ngành 2: Kinh tế chính trị tài chính</i>												
Học phần bắt buộc												
41	Kinh tế chính trị tài chính	3						M/A		R		
42	Thế chế tài chính	3				R						
43	Chính sách tài chính công	3						M/A			M/A	
Tự chọn: 1 trong 2 nhóm												
Nhóm 1												
44	Tài chính doanh nghiệp nâng cao	3				M				M		M
45	Đầu tư tài chính	3					R					
Nhóm 2												
46	Tài chính quốc tế	3				R				R		R
47	Thanh toán quốc tế	3				M				M		M
d. Kiến thức bổ trợ ngành												
48	Pháp luật kinh tế quốc tế	3	R							R		
49	Kinh tế học về các vấn đề xã	3				R	R					R

STT	Tên học phần	TC	PLOs													
			PLO1		PLO2		PLO3		PLO4		PLO5		PLO6		PLO7	
			PI 1.1	PI 1.2	PI 2.1	PI 2.2	PI 3.1	PI 3.2	PI 4.1	PI 4.2	PI 5.1	PI 5.2	PI 6.1	PI 6.2	PI 7.1	PI 7.2
	hội															
3. Tốt nghiệp																
50	Khóa luận tốt nghiệp	3											M/A			M/A
51	Thực tập cuối khóa	3											M/A	M/A		M/A
52	Dự án nghiên cứu ứng dụng (Kinh tế chính trị quốc tế)	3		M/A								M/A	M/A		M/A	M/A
53	Phân tích và dự báo kinh tế (Kinh tế chính trị tài chính)	3		M/A								M/A	M/A		M/A	M/A

Ghi chú: Mức độ đóng góp, hỗ trợ của học phần đối với PLOs được xác định cụ thể như sau:

- *I (Introduced)* – Học phần có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức giới thiệu/bắt đầu.
- *R (Reinforced)* – Học phần có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,...
- *M (Mastery)* – Học phần có hỗ trợ cao đạt được PLO và ở mức thuần thục/thông hiểu
- *A (Assessed)* – Học phần quan trọng (hỗ trợ tối đa việc đạt được PLO) cần được thu thập minh chứng để đánh giá chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

HIỆU TRƯỞNG



Phạm Tiến Đạt

VIỆN TRƯỞNG
VIỆN KINH TẾ CHÍNH TRỊ QUỐC TẾ

Lại Văn Nam



**MỤC TIÊU VÀ CHUẨN ĐẦU RA
CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHUẨN TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 1502/QĐ-ĐHTCM, ngày 15 tháng 4 năm 2026
của Hiệu trưởng trường Đại học Tài chính – Marketing)

1. Giới thiệu chung về ngành đào tạo

- Ngành đào tạo (tiếng Việt): Quản lý kinh tế
- Ngành đào tạo (tiếng Anh): Economics Management
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Mã ngành: 7310110
- Định hướng đào tạo: Ứng dụng

2. Mục tiêu đào tạo:

2.1. Mục tiêu chung:

Chương trình đào tạo cử nhân ngành Quản lý Kinh tế (định hướng ứng dụng) nhằm trang bị cho người học nền tảng kiến thức về kinh tế – xã hội và quản lý kinh tế, cùng với kiến thức chuyên sâu về phân tích và quản lý kinh tế; có khả năng vận dụng các mô hình và công cụ hiện đại để phân tích, đánh giá chính sách và ra quyết định trong quản lý kinh tế.

Chương trình chú trọng phát triển năng lực nghiên cứu, năng lực thực hành nghề nghiệp, năng lực đổi mới sáng tạo và năng lực khởi nghiệp; giúp người học có khả năng đề xuất và triển khai các giải pháp trong cơ quan nhà nước, tổ chức và doanh nghiệp.

Người học sau khi tốt nghiệp có phẩm chất đạo đức, ý thức tuân thủ pháp luật, trách nhiệm xã hội; có kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, sử dụng công nghệ thông tin, ngoại ngữ và học tập suốt đời, đáp ứng yêu cầu nguồn nhân lực trong bối cảnh hội nhập.

2.2. Mục tiêu cụ thể:

❖ Về kiến thức

- PO1: Vận dụng được những kiến thức công nghệ thông tin, khoa học xã hội, khoa học chính trị, pháp luật, và các kiến thức cơ sở ngành vào lĩnh vực kinh tế, kinh doanh và quản lý kinh tế.
- PO2: Vận dụng kiến thức về kinh tế và quản lý để phân tích đánh giá các chính sách, các quyết định kinh tế và quản lý kinh tế trong thực tiễn.
- PO3: Phân tích, luận bàn góp ý, hoàn thiện chính sách kinh tế, kinh doanh và quản lý kinh tế; đánh giá, phân tích và dự báo được những vấn đề thực tiễn chuyên môn có liên quan đến lĩnh vực kinh tế và quản lý kinh tế. ✓



❖ *Về kỹ năng:*

- PO4: Có kỹ năng sử dụng ngoại ngữ và các kỹ năng lập luận, vận dụng các kiến thức chung nền tảng vào giải quyết các công việc chuyên môn thuộc lĩnh vực kinh tế, kinh doanh và quản lý kinh tế.
- PO5: Có khả năng sử dụng các phương pháp, công cụ, nghiệp vụ phù hợp của ngành Quản lý kinh tế để có thể giải quyết các công việc chuyên môn trong thực tiễn.
- PO6: Có khả năng cập nhật kiến thức mới, tinh thần học tập suốt đời nhằm đáp ứng nhu cầu công việc kinh tế, kinh doanh và quản lý kinh tế.

❖ *Về mức tự chủ và trách nhiệm:*

- PO7: Có ý thức về đạo đức, trách nhiệm, có đủ năng lực làm việc trong môi trường chuyên nghiệp chuyên sâu và chịu trách nhiệm đối với các quyết định của cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.

3. Nội dung chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

❖ *Về kiến thức*

- PLO1: Vận dụng được các kiến thức về khoa học xã hội, khoa học chính trị, pháp luật và các kiến thức chuyên môn chung của ngành trong việc đánh giá, phản biện các vấn đề trong công việc.

+ PI1.1: Giải thích và vận dụng các nguyên lý chính trị – pháp luật trong phân tích các vấn đề kinh tế.

+ PI1.2: Phân tích các hiện tượng kinh tế – xã hội dựa trên các lý thuyết kinh tế cơ bản.

- PLO2: Vận dụng được các kiến thức về công nghệ thông tin, toán kinh tế, phân tích dữ liệu, khởi nghiệp để thực hiện công việc thuộc ngành được đào tạo.

+ PI2.1: Sử dụng phần mềm và công cụ phân tích dữ liệu để xử lý thông tin kinh tế.

+ PI2.2: Ứng dụng mô hình định lượng và toán kinh tế trong phân tích và dự báo kinh tế.

- PLO3: Vận dụng kiến thức chuyên sâu về kinh tế, kinh doanh và quản lý vào việc phân tích, đánh giá tác động của các chính sách đối với hoạt động kinh tế, kinh doanh của doanh nghiệp và của nền kinh tế.

+ PI3.1: Phân tích tác động của chính sách kinh tế đến doanh nghiệp và nền kinh tế.

+ PI3.2: Đánh giá hiệu quả các quyết định kinh tế và phương án quản lý kinh tế trong bối cảnh thực tiễn.

❖ *Về kỹ năng:*

- PLO4: Thể hiện kỹ năng lập luận, tư duy phân tích và sử dụng ngoại ngữ trong học tập và công việc chuyên môn.

+ PI4.1: Sử dụng được tiếng Anh trong giao tiếp và xử lý được công việc chuyên môn.

+ PI4.2: Trình bày và bảo vệ quan điểm bằng lập luận logic và dẫn chứng phù hợp.

- PLO5: Vận dụng phương pháp, công cụ và kỹ năng nghề nghiệp để giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực kinh tế và quản lý kinh tế. ✓

- + PI5.1: Áp dụng công cụ phân tích kinh tế để xử lý các tình huống thực tiễn.
- + PI5.2: Xây dựng và triển khai giải pháp hoặc kế hoạch kinh tế khả thi.
- PLO6: Thể hiện kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm và tổ chức công việc hiệu quả trong môi trường chuyên nghiệp.
 - + PI6.1: Phối hợp làm việc nhóm hiệu quả nhằm hoàn thành nhiệm vụ chung.
 - + PI6.2: Tổ chức và quản lý công việc khoa học để đạt mục tiêu đề ra.
- ❖ *Về mức tự chủ và chịu trách nhiệm:*
 - PLO7: Thể hiện năng lực tự chủ, đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm xã hội trong hoạt động chuyên môn.
 - + PI7.1: Chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm nhóm và thích nghi với môi trường làm việc thay đổi.
 - + PI7.2: Tự định hướng học tập, phát triển nghề nghiệp; tuân thủ đạo đức nghề nghiệp và chuẩn mực xã hội. ✓

4. Ma trận liên kết giữa các học phần và Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

STT	Tên học phần	TC	PLOs													
			PLO1		PLO2		PLO3		PLO4		PLO5		PLO6		PLO7	
			PI1.1	PI1.2	PI2.1	PI2.2	PI3.1	PI3.2	PI4.1	PI4.2	PI5.1	PI5.2	PI6.1	PI6.2	PI7.1	PI7.2
1. Khối kiến thức Giáo dục đại cương																
a	Kiến thức lý luận chính trị															
1	Triết học Mác – Lênin	3	I												I	
2	Kinh tế chính trị Mác – Lê nin	2	I												I	
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	I												I	
4	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	I												I	
5	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	I												I	
b	Kiến thức pháp luật															
6	Pháp luật đại cương	3	R						R						R	
c	Ngoại ngữ															
7	Tiếng Anh trong kinh doanh	3	I						I						I	
8	Tiếng Anh trong kinh doanh nâng cao	3	R						R						R	
d	Toán – Tin học															
9	Năng lực số	3	I						I							I
10	Toán kinh tế	3	I						I							I
2. Khối kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp																
a	Kiến thức cơ sở ngành															
11	Kinh tế học vi mô	3	I		I				I						I	
12	Kinh tế học vĩ mô	3	I		I				I						I	

STT	Tên học phần	TC	PLOs													
			PLO1		PLO2		PLO3		PLO4		PLO5		PLO6		PLO7	
			PI1.1	PI1.2	PI2.1	PI2.2	PI3.1	PI3.2	PI4.1	PI4.2	PI5.1	PI5.2	PI6.1	PI6.2	PI7.1	PI7.2
13	Nguyên lý kế toán	3	R	R								R			R	
14	Nguyên lý Marketing	3			R		R									
15	Quản trị học	3			R								R	R		I
16	Tài chính – Tiền tệ	3			R						R				R	
17	Luật kinh doanh	3			R						R				R	
18	Thuế	3			R							R			R	
19	Tài chính doanh nghiệp	3		R						R					R	
20	Khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo	3			R		M	M					R			R
21	Kinh tế lượng	3	R							R			R			R
22	Phát triển bền vững	3	R						R				R		R	
23	Trí tuệ nhân tạo trong kinh doanh	3			R						R				R	
b	Kiến thức ngành															
24	Kinh tế học vi mô nâng cao	3	R/A	R/A		R	R				R/A					
25	Kinh tế học vĩ mô nâng cao	3	R/A	R/A			R				R/A					
26	Thống kê kinh tế	3			R	R		M								
27	Kinh tế công cộng	3						M		R				M		
28	Kinh tế quốc tế	3			R	R		M	R/A	R/A			R/A			
29	Kinh tế phát triển	3	R/A	R		R/A		M	R/A	R						
30	Kinh tế lao động	3				M	R									
31	Phân tích và dự báo kinh tế	3			R/A	R/A	R/A				R		R			
32	Chính sách kinh tế	3		R	R/A		R/A			R/A		R				

STT	Tên học phần	TC	PLOs													
			PLO1		PLO2		PLO3		PLO4		PLO5		PLO6		PLO7	
			PI1.1	PI1.2	PI2.1	PI2.2	PI3.1	PI3.2	PI4.1	PI4.2	PI5.1	PI5.2	PI6.1	PI6.2	PI7.1	PI7.2
33	Quy hoạch đô thị	3			R								R		R	
c	Kiến thức chuyên ngành															
Học phần bắt buộc																
34	Quản lý nhà nước về kinh tế	3					M/A	M/A				R/A			R/A	
35	Thẩm định dự án đầu tư	3				R		M				R	R			R
36	Quản lý danh mục đầu tư	3				R		M				R		R	R	
Tự chọn: chọn 1 trong 2 nhóm																
	Nhóm 1															
37	Quản lý dự án	3	R					M						R	R	
38	Quản lý rủi ro dự án đầu tư	3				R		R				R			R	
	Nhóm 2															
39	Quản lý hành chính công	3	R					M						R	R	
40	Quản lý tài chính công	3				R		R				R			R	
d	Kiến thức bổ trợ ngành:															
41	Marketing địa phương	3					R				R		R			
42	Quản lý tài nguyên và môi trường	3				R		R/A				R/A		R/A	R	
3. Tốt nghiệp																
43	Khóa luận tốt nghiệp	6											M/A	M/A	M/A	M/A
	Hoặc															
44	Thực tập cuối khóa	3											M/A	M/A	M/A	M/A
45	Học phần thay thế: Mô hình ra quyết định quản lý	3				M		M				M				M

Ghi chú: Mức độ đóng góp, hỗ trợ của học phần đối với PLOs được xác định cụ thể như sau:

- *I (Introduced)* – Học phần có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức giới thiệu/bắt đầu.
- *R (Reinforced)* – Học phần có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,...
- *M (Mastery)* – Học phần có hỗ trợ cao đạt được PLO và ở mức thuần thục/thông hiểu
- *A (Assessed)* – Học phần quan trọng (hỗ trợ tối đa việc đạt được PLO) cần được thu thập minh chứng để đánh giá chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

HIỆU TRƯỞNG



Phạm Tiến Đạt

VIỆN TRƯỞNG
VIỆN KINH TẾ CHÍNH TRỊ QUỐC TẾ

Lại Văn Nam

MỤC TIÊU VÀ CHUẨN ĐẦU RA
CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHUẨN TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
(Ban hành kèm theo Quyết định số ~~1502~~ ¹⁵⁰²/QĐ-ĐHTCM, ngày ~~15~~ ¹⁵ tháng 4 năm 2026
của Hiệu trưởng trường Đại học Tài chính – Marketing)

1. Giới thiệu chung về ngành đào tạo

- Ngành đào tạo (tiếng Việt): Toán kinh tế
- Ngành đào tạo (tiếng Anh): Mathematical Economics
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Mã ngành: 7310108
- Định hướng đào tạo: Ứng dụng

2. Mục tiêu đào tạo:

2.1. Mục tiêu chung:

Chương trình đào tạo ngành Toán kinh tế định hướng ứng dụng trình độ đại học nhằm đào tạo người học có nền tảng kiến thức về toán học, kinh tế học và tài chính để phân tích và giải thích các hiện tượng kinh tế, tài chính; có khả năng áp dụng các phương pháp định lượng và xây dựng, hiệu chỉnh các mô hình toán kinh tế nhằm dự báo và hỗ trợ ra quyết định trong kinh doanh và tài chính.

Chương trình hướng tới hình thành năng lực nghiên cứu, năng lực thực hành nghề nghiệp và năng lực đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp thông qua tư duy phân tích – mô hình hóa – ứng dụng gắn với thực tiễn tổ chức và chính sách, hướng đến khả năng khai thác và phân tích dữ liệu bằng các công cụ tính toán và công nghệ số để giải quyết các bài toán thực tiễn trong môi trường kinh tế số; khả năng đánh giá và lựa chọn các mô hình, phương pháp phân tích phù hợp với bối cảnh của tổ chức và chính sách; khả năng thiết kế và thực hiện các nghiên cứu ứng dụng trong lĩnh vực toán kinh tế và tài chính định lượng.

Đồng thời, chương trình bồi dưỡng năng lực ứng dụng công nghệ, kỹ năng nghề nghiệp, đạo đức nghề nghiệp, trách nhiệm xã hội; phát triển khả năng thích ứng với môi trường chuyển đổi số và học tập suốt đời trong bối cảnh hội nhập quốc tế.

2.2. Mục tiêu cụ thể:

❖ **Về kiến thức:**

- PO1: Có kiến thức nền tảng về toán học, kinh tế học, tài chính và khoa học xã hội liên quan; trang bị kiến thức chuyên sâu về phân tích, đánh giá và giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực kinh tế, tài chính; Người học có khả năng vận dụng các mô hình toán kinh tế, công cụ định lượng và phần mềm chuyên dụng để phân tích, dự báo và hỗ trợ ra quyết định trong lĩnh vực kinh tế, tài chính; có khả năng đánh giá mức độ phù hợp và giới hạn của các mô hình, phương pháp phân tích trong các bối cảnh kinh tế, tài chính cụ thể. ✓

❖ **Về kỹ năng:**

- PO2: Hình thành và phát triển kỹ năng và năng lực sử dụng công nghệ thông tin, công cụ phân tích dữ liệu và phần mềm chuyên dụng để xử lý, phân tích và trực quan hóa dữ liệu kinh tế, tài chính; Áp dụng tư duy phân tích và tư duy mô hình hóa để xây dựng và triển khai các giải pháp định lượng trong kinh tế, tài chính và kinh doanh; Tích hợp kiến thức liên ngành và dữ liệu thực tiễn để giải quyết các vấn đề trong môi trường kinh doanh và khởi nghiệp; Sử dụng ngoại ngữ chuyên ngành việc trình bày kết quả phân tích; Hợp tác hiệu quả trong nhóm đa ngành để thực hiện các dự án phân tích và ra quyết định dựa trên dữ liệu.

❖ **Về mức tự chủ và trách nhiệm:**

- PO3: Phát triển năng lực làm việc độc lập và tự chịu trách nhiệm trong việc lập kế hoạch, thực hiện và đánh giá các nhiệm vụ chuyên môn; Phối hợp và điều phối công việc trong nhóm, thích ứng với môi trường làm việc đa ngành, đa văn hóa; Tuân thủ chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp, quy định pháp luật và thực hiện trách nhiệm xã hội trong các hoạt động chuyên môn; Tự đánh giá năng lực cá nhân, cập nhật kiến thức mới và duy trì năng lực học tập suốt đời; Thích ứng và điều chỉnh hành vi nghề nghiệp trước các thay đổi của môi trường kinh tế – công nghệ.

3. Nội dung chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo:

❖ **Về kiến thức:**

- PLO1: Vận dụng được các phương pháp toán học, thống kê và khoa học dữ liệu để mô hình hóa, phân tích và giải thích các bài toán trong bối cảnh kinh tế, tài chính và tổ chức.

+ PI 1.1: Phân tích và xây dựng mô hình toán học hoặc mô hình thống kê phù hợp để biểu diễn các bài toán kinh tế hoặc nghiệp vụ tổ chức.

+ PI 1.2: Lựa chọn và vận dụng được các phương pháp khoa học dữ liệu phù hợp dựa trên đặc trưng dữ liệu và mục tiêu phân tích của bài toán.

- PLO2: Vận dụng thành thạo và tích hợp các mô hình toán kinh tế, công cụ định lượng và phương pháp phân tích dữ liệu để phân tích, mô phỏng, dự báo và đánh giá các vấn đề trong lĩnh vực kinh tế, tài chính.

+ PI 2.1: Vận dụng thành thạo và hiệu chỉnh các mô hình toán kinh tế, mô hình toán tài chính và mô hình ngẫu nhiên để giải quyết các bài toán tối ưu, cân bằng, định giá và quản lý rủi ro.

+ PI 2.2: Áp dụng và đánh giá các phương pháp thống kê, kinh tế lượng và kỹ thuật phân tích dữ liệu chuyên sâu để dự báo và giải quyết các vấn đề phức tạp trong kinh tế – tài chính.

- PLO3: Vận dụng được công nghệ thông tin, ngôn ngữ lập trình và phần mềm chuyên dụng để thu thập, xử lý, phân tích dữ liệu và trình bày kết quả phục vụ hoạt động chuyên môn trong kinh tế, tài chính.

+ PI 3.1: Sử dụng và triển khai các công cụ và ngôn ngữ lập trình (R, Python, Stata, MATLAB, Excel) để xử lý, phân tích và trực quan hóa dữ liệu kinh tế, tài chính. ✓

+ PI 3.2: Thu thập, tích hợp và phân tích dữ liệu từ nhiều nguồn; xây dựng và trình bày báo cáo phân tích định lượng, đồng thời đề xuất kiến nghị phù hợp với bối cảnh doanh nghiệp hoặc tổ chức.

❖ *Về kỹ năng:*

- PLO4: Phân tích yêu cầu và triển khai các mô hình hoặc hệ thống phân tích dữ liệu nhằm đáp ứng yêu cầu kỹ thuật và nghiệp vụ trong lĩnh vực kinh tế, tài chính.

+ PI 4.1: Phân tích yêu cầu và thiết kế mô hình hoặc hệ thống phân tích dữ liệu phù hợp với bối cảnh nghiệp vụ kinh tế, tài chính; đồng thời sử dụng được tiếng Anh để tiếp cận tài liệu, trình bày và trao đổi trong công việc chuyên môn.

+ PI 4.2: Triển khai, kiểm thử và hiệu chỉnh các mô hình định lượng trên hệ thống dữ liệu thực, đảm bảo đáp ứng các kịch bản nghiệp vụ và tiêu chí kỹ thuật.

- PLO5: Vận dụng được công nghệ và các phương pháp định lượng để phân tích, giải quyết các bài toán kinh tế, tài chính và thiết kế, triển khai các kế hoạch kinh doanh hoặc dự án khởi nghiệp.

+ PI 5.1: Lựa chọn và sử dụng các phần mềm chuyên dụng, công cụ phân tích dữ liệu và kỹ thuật định lượng để phân tích và giải quyết các bài toán kinh tế, tài chính cụ thể.

+ PI 5.2: Thiết kế, đánh giá và triển khai kế hoạch kinh doanh hoặc dự án khởi nghiệp dựa trên phân tích dữ liệu và mô hình định lượng, đồng thời đánh giá hiệu quả và rủi ro của phương án đề xuất.

- PLO6: Tự chủ trong hoạt động chuyên môn, đưa ra kết luận dựa trên phân tích định lượng và làm việc hiệu quả trong môi trường độc lập và nhóm, thích ứng với điều kiện thay đổi.

+ PI 6.1: Đề xuất, lập luận và bảo vệ các kết luận chuyên môn dựa trên phân tích dữ liệu và minh chứng định lượng; đồng thời chịu trách nhiệm đối với quyết định và kết quả công việc.

+ PI 6.2: Tổ chức, phối hợp và điều phối công việc trong nhóm; làm việc độc lập và hỗ trợ các thành viên khác nhằm hoàn thành mục tiêu chung trong môi trường đa ngành, đa văn hóa.

❖ *Về mức tự chủ và chịu trách nhiệm:*

- PLO7: Tự chủ trong học tập và phát triển nghề nghiệp, thích ứng với môi trường làm việc biến đổi, tuân thủ chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm xã hội.

+ PI 7.1: Lập kế hoạch và thực hiện hoạt động tự học, tự nghiên cứu nhằm cập nhật kiến thức, kỹ năng mới phục vụ phát triển nghề nghiệp dài hạn.

+ PI 7.2: Đánh giá và điều chỉnh hành vi nghề nghiệp để thích ứng với môi trường làm việc thay đổi; đồng thời tuân thủ đạo đức nghề nghiệp, quy định pháp luật và thực hiện trách nhiệm xã hội trong công việc. ✓

TRƯỜNG
ĐẠI
VI CH
ARK

4. Ma trận liên kết giữa các học phần và Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

STT	Tên học phần	TC	PLOs													
			PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7							
			PI1.1	PI1.2	PI2.1	PI2.2	PI3.1	PI3.2	PI4.1	PI4.2	PI5.1	PI5.2	PI6.1	PI6.2	PI7.1	PI7.2
1. Khối kiến thức Giáo dục đại cương																
a. Kiến thức lý luận chính trị																
1	Triết học Mác – Lênin	3	I													I
2	Kinh tế chính trị Mác - Lê nin	2	I													I
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	I													I
4	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	I													I
5	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	I													I
b. Kiến thức pháp luật																
6	Pháp luật đại cương	3	R						R							R
c. Ngoại ngữ																
7	Tiếng Anh chuyên ngành	3	I						I							I
8	Tiếng Anh chuyên ngành nâng cao	3	R						R							R
d. Toán – Tin học																
9	Năng lực số	3	I						I							I
10	Toán kinh tế	3	I						I							I
2. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp																
a. Kiến thức cơ sở ngành																
11	Kinh tế học vi mô	3	I		I				I							I

STT	Tên học phần	TC	PLOs													
			PLO1		PLO2		PLO3		PLO4		PLO5		PLO6		PLO7	
			PI1.1	PI1.2	PI2.1	PI2.2	PI3.1	PI3.2	PI4.1	PI4.2	PI5.1	PI5.2	PI6.1	PI6.2	PI7.1	PI7.2
12	Kinh tế học vĩ mô	3	I		I				I						I	
13	Nguyên lý kế toán	3	R	R							R				R	
14	Nguyên lý Marketing	3			R		R									
15	Quản trị học	3			R								I	R		I
16	Tài chính – Tiền tệ	3			R						R				R	
17	Luật kinh doanh	3			R						R				R	
18	Thuế	3			R										R	
19	Tài chính doanh nghiệp	3		R					R						R	
20	Khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo	3			R		M	M					R			R
21	Kinh tế lượng	3	R						R				R			R
22	Phát triển bền vững	3	R						R				R		R	
23	Lý thuyết xác suất và thống kê ứng dụng nâng cao	3	R							R				R		R
b. Kiến thức ngành																
24	Cơ sở toán tài chính	3				R			R/A						R/A	
25	Ngôn ngữ lập trình trong phân tích dữ liệu	3					M/A		M/A							M
26	Học máy	3				M/A	M/A				M/A				M	
27	Các mô hình ngẫu nhiên	3					R/A			R/A						R
28	Quản trị rủi ro tài chính	3				M		M				M	M			M
29	Mô hình định giá tài sản tài chính	3				R					R				R	

STT	Tên học phần	TC	PLOs														
			PLO1		PLO2		PLO3		PLO4		PLO5		PLO6		PLO7		
			PI1.1	PI1.2	PI2.1	PI2.2	PI3.1	PI3.2	PI4.1	PI4.2	PI5.1	PI5.2	PI6.1	PI6.2	PI7.1	PI7.2	
41	Phân tích dữ liệu định tính	3	M/A											M/A		M	
42	Phân tích dữ liệu bảng	3				M/A								M/A		M	
Tốt nghiệp																	
43	Khóa luận tốt nghiệp	6							M						M/A		M/A
Hoặc																	
44	Thực tập cuối khóa	3							M						M/A		M/A
45	Học phần thay thế: Các mô hình định lượng trong phân tích tài chính	3							M						M/A		M/A

Ghi chú: Mức độ đóng góp, hỗ trợ của học phần đối với PLOs được xác định cụ thể như sau:

- *I (Introduced)* – Học phần có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức giới thiệu/bắt đầu.
- *R (Reinforced)* – Học phần có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,...
- *M (Mastery)* – Học phần có hỗ trợ cao đạt được PLO và ở mức thuần thục/thông hiểu
- *A (Assessed)* – Học phần quan trọng (hỗ trợ tối đa việc đạt được PLO) cần được thu thập minh chứng để đánh giá chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

TRƯỜNG



TRƯỜNG KHOA
KHOA HỌC DỮ LIỆU

ongat

★ Phạm Tiến Đạt

Trương Thành Công



**MỤC TIÊU VÀ CHUẨN ĐẦU RA
CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHUẨN TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC**
(Ban hành kèm theo Quyết định số **1502**/QĐ-ĐHTCM, ngày **15** tháng 4 năm 2026
của Hiệu trưởng trường Đại học Tài chính – Marketing)

1. Giới thiệu chung về ngành đào tạo:

- Ngành đào tạo (tiếng Việt): **Hệ thống thông tin quản lý**
- Ngành đào tạo (tiếng Anh): **Management Information Systems**
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Mã ngành: 7340405
- Định hướng đào tạo: Ứng dụng

2. Mục tiêu đào tạo:

2.1. Mục tiêu chung:

Chương trình đào tạo ngành Hệ thống thông tin quản lý định hướng ứng dụng nhằm phát triển người học có nền tảng kiến thức và năng lực nghề nghiệp vững chắc trong lĩnh vực hệ thống thông tin, có khả năng tích hợp công nghệ, dữ liệu và quản trị để xây dựng, vận hành và cải tiến các hệ thống hỗ trợ ra quyết định trong tổ chức.

Chương trình chú trọng hình thành năng lực nghiên cứu, năng lực thực hành nghề nghiệp, năng lực đổi mới sáng tạo và năng lực khởi nghiệp thông qua tư duy phân tích – thiết kế – triển khai các giải pháp số gắn với thực tiễn doanh nghiệp; đồng thời có khả năng đánh giá, tối ưu và phát triển các hệ thống thông tin trong bối cảnh chuyển đổi số.

Đồng thời, chương trình bồi dưỡng đạo đức nghề nghiệp, trách nhiệm xã hội, ý thức tuân thủ pháp luật; phát triển năng lực thích ứng với môi trường công nghệ biến đổi nhanh, khả năng làm việc trong môi trường đa văn hóa và học tập suốt đời, đáp ứng yêu cầu phát triển nguồn nhân lực trong bối cảnh chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ trí tuệ nhân tạo.

2.2. Mục tiêu cụ thể:

❖ *Về kiến thức:*

PO1: Có kiến thức nền tảng về kinh tế, quản trị và công nghệ thông tin; trang bị kiến thức chuyên sâu về phân tích, thiết kế, triển khai và quản trị hệ thống thông tin. Người học có khả năng vận hành các hệ thống thông tin thông minh tích hợp trí tuệ nhân tạo, quản trị cơ sở dữ liệu và hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp nhằm giải quyết các bài toán tối ưu hóa nguồn lực và hỗ trợ ra quyết định trong tổ chức.

❖ *Về kỹ năng:*

PO2: Hình thành và phát triển kỹ năng sử dụng các phương pháp mô hình hóa, lập trình, quản lý dự án và phân tích dữ liệu để giải quyết các vấn đề thực tiễn trong kỷ nguyên số. Người học thành thạo việc vận dụng các công cụ công nghệ số và ngoại ngữ để tự động hóa quy trình nghiệp vụ; có năng lực triển khai các giải pháp hệ thống thông tin dựa trên dữ liệu và từng bước đảm nhiệm vai trò chuyên gia hoặc quản lý dự án công nghệ trong môi trường đa ngành. ✓

❖ *Về mức tự chủ và trách nhiệm:*

PO3: Phát triển khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm; tự định hướng, đưa ra nhận định chuyên môn và bảo vệ được quan điểm cá nhân; thích ứng nhanh với sự thay đổi của kinh tế - xã hội và công nghệ; tuân thủ đạo đức nghề nghiệp, trách nhiệm bảo mật và an toàn dữ liệu; đồng thời nuôi dưỡng tinh thần đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp và ý thức học tập suốt đời để phát triển nghề nghiệp bền vững.

3. Nội dung chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

❖ *Về kiến thức:*

- PLO1: Vận dụng được kiến thức nền tảng về kinh tế, quản trị, pháp luật và công nghệ thông tin để phân tích các vấn đề trong hệ thống thông tin quản lý.

+ PI 1.1: Phân tích các yếu tố kinh tế, pháp lý và công nghệ ảnh hưởng đến hoạt động của tổ chức.

+ PI 1.2: Giải thích vai trò của hệ thống thông tin trong quản lý và chuyển đổi số doanh nghiệp.

- PLO2: Phân tích yêu cầu nghiệp vụ, xác định dữ liệu và xây dựng mô hình hệ thống thông tin dựa trên nguyên lý quản trị, cơ sở dữ liệu và phân tích nghiệp vụ.

+ PI 2.1: Xác định yêu cầu chức năng và dữ liệu cho một hệ thống thông tin cụ thể.

+ PI 2.2: Xây dựng mô hình dữ liệu hoặc mô hình xử lý đáp ứng yêu cầu quản lý.

- PLO3: Áp dụng kiến thức chuyên sâu về khai phá dữ liệu, hỗ trợ ra quyết định và công nghệ số để lựa chọn và đề xuất giải pháp hỗ trợ quản lý ở mức độ phù hợp bậc cử nhân.

+ PI 3.1: Áp dụng phương pháp phân tích, quản trị dữ liệu và các giải pháp hệ thống tích hợp để giải quyết bài toán quản lý cụ thể.

+ PI 3.2: Lựa chọn giải pháp hệ thống thông tin hoặc mô hình hỗ trợ ra quyết định, có xem xét khả năng ứng dụng công cụ phân tích thông minh.

❖ *Về kỹ năng:*

- PLO4: Thiết kế và triển khai giải pháp hệ thống thông tin quản lý đáp ứng yêu cầu kỹ thuật và nghiệp vụ trong môi trường tổ chức.

+ PI 4.1: Thiết kế kiến trúc hệ thống phù hợp yêu cầu quản lý.

+ PI 4.2: Triển khai giải pháp bằng công cụ hoặc phần mềm phù hợp với bối cảnh ứng dụng.

- PLO5: Đánh giá hiệu quả hệ thống hoặc mô hình phân tích, sử dụng các chỉ số phù hợp và đề xuất cải tiến dựa trên dữ liệu thực nghiệm.

+ PI 5.1: Sử dụng chỉ số đánh giá để đo lường hiệu quả hệ thống hoặc giải pháp phân tích.

+ PI 5.2: Phân tích nguyên nhân hạn chế và đề xuất phương án cải tiến nhằm nâng cao hiệu quả và độ tin cậy của giải pháp. ✓

- PLO6: Có khả năng giao tiếp chuyên môn, làm việc nhóm hiệu quả và sử dụng ngoại ngữ cùng công cụ số để khai thác dữ liệu, trình bày và trao đổi giải pháp hệ thống thông tin trong môi trường đa ngành.

+ PI 6.1: Trình bày giải pháp hệ thống thông tin bằng tiếng Việt hoặc tiếng Anh trong trình bày giải pháp.

+ PI 6.2: Phối hợp trong nhóm dự án và sử dụng nền tảng số để quản lý công việc.

❖ *Về mức tự chủ và chịu trách nhiệm:*

- PLO7: Thực hiện tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp trong phân tích, triển khai và vận hành hệ thống thông tin; tuân thủ quy định pháp luật về dữ liệu và công nghệ; đồng thời duy trì năng lực tự học và thích ứng với đổi mới công nghệ trong bối cảnh chuyển đổi số.

+ PI 7.1: Thực hiện tuân thủ pháp luật, chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp và nguyên tắc bảo mật, an toàn dữ liệu trong quá trình triển khai hệ thống thông tin.

+ PI 7.2: Chủ động học tập, cập nhật công nghệ mới và chịu trách nhiệm về kết quả công việc cá nhân và nhóm.✓

STT	Tên học phần	TC	PLOs													
			PLO1		PLO2		PLO3		PLO4		PLO5		PLO6		PLO7	
			PI1.1	PI1.2	PI2.1	PI2.2	PI3.1	PI3.2	PI4.1	PI4.2	PI5.1	PI5.2	PI6.1	PI6.2	PI7.1	PI7.2
1. Khối kiến thức Giáo dục đại cương																
a	Kiến thức lý luận chính trị															
1	Triết học Mác – Lênin	3	I													I
2	Kinh tế chính trị Mác – Lê nin	2	I													I
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	I													I
4	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	I													I
5	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	I													I
b	Kiến thức pháp luật															
6	Pháp luật đại cương	3	R									R				R
c	Ngoại ngữ															
7	Tiếng Anh trong kinh doanh	3	I									I				I
8	Tiếng Anh trong kinh doanh nâng cao	3	R									R				R
d	Toán – Tin học															
9	Năng lực số	3	I									I				I
10	Toán kinh tế	3	I									I				I
2. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp																
a	Kiến thức cơ sở ngành															

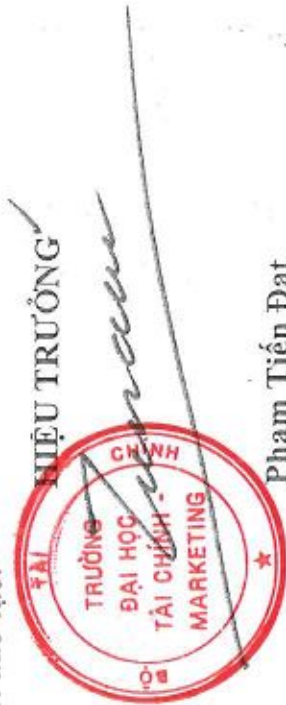
STT	Tên học phần	TC	PLOs														
			PLO1		PLO2		PLO3		PLO4		PLO5		PLO6		PLO7		
			PI1.1	PI1.2	PI2.1	PI2.2	PI3.1	PI3.2	PI4.1	PI4.2	PI5.1	PI5.2	PI6.1	PI6.2	PI7.1	PI7.2	
11	Kinh tế học vi mô	3	I		I				I							I	
12	Kinh tế học vĩ mô	3	I		I				I							I	
13	Nguyên lý kế toán	3	R	R								R				R	
14	Nguyên lý Marketing	3			R		R										
15	Quản trị học	3			R									I	R		I
16	Tài chính – Tiền tệ	3			R							R				R	
17	Luật kinh doanh	3			R						R					R	
18	Thuế	3			R							R				R	
19	Tài chính doanh nghiệp	3		R						R						R	
20	Khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo	3			R			M	M					R			R
21	Kinh tế lượng	3	R											R			R
22	Phát triển bền vững	3	R							R				R		R	
23	Trí tuệ nhân tạo trong kinh doanh	3			R							R				R	
b	Kiến thức ngành																
24	Toán rời rạc	3				R		I		R							R
25	Công cụ phát triển hệ thống thông tin	3							R	M/A							R
26	Thương mại điện tử	3				R		R						R			R
27	Mạng máy tính và truyền thông	3						R	R							M/A	

STT	Tên học phần	TC	PLOs														
			PLO1		PLO2		PLO3		PLO4		PLO5		PLO6		PLO7		
			PI1.1	PI1.2	PI2.1	PI2.2	PI3.1	PI3.2	PI4.1	PI4.2	PI5.1	PI5.2	PI6.1	PI6.2	PI7.1	PI7.2	
39	Khai phá dữ liệu	3								M			M/A	M/A			R
40	Kế chuyên kinh doanh bảng dữ liệu	3								R		M		M/A			R
Chuyên ngành 2: Hệ thống thông tin kế toán																	
Học phần bắt buộc																	
41	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu SQL Server	3					M/A	M					M/A	M/A			R
42	Kế toán tài chính	3	R					R		R							R
43	Lập trình kế toán	3							M	M	M/A		M/A				R
Học phần tự chọn																	
Nhóm 1																	
44	Phát triển Hệ thống thông tin kế toán	3						M/A	M/A					M/A			R
45	Kiểm thử phần mềm	3							R			M			M/A		R
Nhóm 2																	
46	Phát triển Hệ thống thông tin kế toán	3						M/A	M/A					M/A			R
47	Quản trị dự án công nghệ thông tin	3								M		M			M/A		R
d	Kiến thức bổ trợ ngành																
Nhóm 1: định hướng chuyên ngành Tin học quản lý																	
48	Quản trị dự án công nghệ thông tin	3							M/A			M			M/A		R

STT	Tên học phần	TC	PLOs									
			PLO1		PLO2		PLO3		PLO4		PLO5	
			PI1.1	PI1.2	PI2.1	PI2.2	PI3.1	PI3.2	PI4.1	PI4.2	PI5.1	PI5.2
49	Kiểm thử phần mềm	3						R	M			M
Nhóm 2: định hướng chuyên ngành Hệ thống thông tin kế toán												
50	Kế toán máy	3					M		M		M/A	M/A
51	Hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp	3					M/A	M/A	R			
3	Tốt nghiệp											
52	Khóa luận tốt nghiệp	6						M	M		M/A	M/A
Hoặc												
53	Thực tập cuối khóa	3						M				
54	Học phần thay thế: Chuyển đổi số	3						M	R		M/A	M/A

Ghi chú: Mức độ đóng góp, hỗ trợ của học phần đối với PLOs được xác định cụ thể như sau:

- I (Introduced) – Học phần có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức giới thiệu/bắt đầu.
- R (Reinforced) – Học phần có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,...
- M (Mastery) – Học phần có hỗ trợ cao đạt được PLO và ở mức thuần thục/thông hiểu
- A (Assessed) – Học phần quan trọng (hỗ trợ tối đa việc đạt được PLO) cần được thu thập minh chứng để đánh giá chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.



HIỆU TRƯỞNG

TRƯỞNG KHOA
KHOA HỌC DỮ LIỆU

Conat

Phạm Tiến Đạt

Trương Thành Công

MỤC TIÊU VÀ CHUẨN ĐẦU RA
CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHUẨN TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
(Ban hành kèm theo Quyết định số 1502/QĐ-ĐHTCM, ngày 15 tháng 4 năm 2026
của Hiệu trưởng trường Đại học Tài chính – Marketing)

1. Giới thiệu ngành đào tạo

- Ngành đào tạo (tiếng Việt): Khoa học dữ liệu
- Ngành đào tạo (tiếng Anh): Data Science
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Mã ngành: 7460108
- Định hướng đào tạo: Ứng dụng

2. Mục tiêu đào tạo

2.1. Mục tiêu chung:

Chương trình đào tạo ngành Khoa học dữ liệu định hướng ứng dụng nhằm phát triển người học có nền tảng kiến thức và năng lực nghề nghiệp vững chắc trong lĩnh vực khoa học dữ liệu, có khả năng vận dụng các phương pháp phân tích, mô hình hóa và công nghệ dữ liệu trong các bối cảnh kinh tế, tài chính và quản trị tổ chức.

Chương trình chú trọng hình thành năng lực nghiên cứu, năng lực thực hành nghề nghiệp, năng lực đổi mới sáng tạo và năng lực khởi nghiệp thông qua tư duy phân tích – thiết kế – triển khai các giải pháp dữ liệu gắn với thực tiễn tổ chức; đồng thời có khả năng đánh giá, tối ưu và khai thác hiệu quả các hệ thống dữ liệu phục vụ ra quyết định.

Đồng thời, chương trình bồi dưỡng đạo đức nghề nghiệp, trách nhiệm xã hội, ý thức tuân thủ pháp luật; phát triển năng lực thích ứng với môi trường công nghệ và dữ liệu biến đổi nhanh, khả năng làm việc trong môi trường đa văn hóa và học tập suốt đời trong bối cảnh chuyển đổi số và hội nhập quốc tế.

2.2. Mục tiêu cụ thể:

❖ *Về kiến thức:*

Có kiến thức nền tảng về toán học, kinh tế – tài chính và công nghệ và hiểu biết bối cảnh kinh tế – xã hội nhằm thiết kế, triển khai và cải tiến giải pháp dữ liệu phục vụ phân tích, quản lý và ra quyết định trong tổ chức

❖ *Về kỹ năng:*

Hình thành và phát triển các kỹ năng và năng lực ứng dụng công nghệ, tư duy phân tích, khai thác và mô hình hóa dữ liệu, đáp ứng yêu cầu thực tiễn của các tổ chức và doanh nghiệp trong bối cảnh kinh tế số.

❖ *Về mức tự chủ và trách nhiệm:*

Phát triển năng lực làm việc độc lập và làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp và sử dụng ngoại ngữ trong môi trường đa ngành, đa văn hóa. Bồi dưỡng đạo đức nghề nghiệp, ý thức tuân thủ pháp luật và trách nhiệm xã hội trong lĩnh vực khoa học dữ liệu. Hình thành năng lực tự chủ, tự học, cập nhật kiến thức mới và thích ứng với sự thay đổi của môi trường nghề nghiệp.

3. Nội dung chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

❖ *Về kiến thức:*

- PLO1: Người học khi tốt nghiệp có khả năng mô hình hóa bài toán dữ liệu bằng toán học, thống kê và các phương pháp khoa học dữ liệu phù hợp với bối cảnh kinh tế và tổ chức.

+ PI 1.1: Người học phân tích bài toán kinh tế hoặc nghiệp vụ tổ chức bằng mô hình toán học và thống kê phù hợp.

+ PI 1.2: Người học lựa chọn phương pháp khoa học dữ liệu dựa trên đặc trưng dữ liệu và tiêu chí chất lượng và phạm vi thu thập.

- PLO2: Người học khi tốt nghiệp có khả năng xác định yêu cầu dữ liệu và thiết kế quy trình phân tích phù hợp với bài toán kinh tế hoặc nghiệp vụ tổ chức, có lập luận dựa trên nguyên lý khoa học dữ liệu. Tập trung vào kỹ năng kỹ thuật từ khâu xác định đầu vào đến xây dựng pipeline dữ liệu.

+ PI 2.1: Người học xác định yêu cầu dữ liệu đầu vào, tiêu chí chất lượng và phạm vi thu thập cho một bài toán phân tích cụ thể.

+ PI 2.2: Người học thiết kế quy trình xử lý dữ liệu và lựa chọn mô hình phân tích, có lập luận dựa trên đặc trưng tập dữ liệu và yêu cầu nghiệp vụ.

- PLO3: Người học khi tốt nghiệp có khả năng lập trình và triển khai pipeline khoa học dữ liệu hoàn chỉnh sử dụng ngôn ngữ lập trình và thư viện chuyên dụng, đáp ứng tiêu chí chất lượng kỹ thuật đã xác định.

+ PI 3.1: Người học sử dụng ngôn ngữ lập trình và thư viện chuyên dụng để viết code, lập trình pipeline dữ liệu có cấu trúc và tái sử dụng.

+ PI 3.2: Người học thực thi kịch bản kiểm thử để xác nhận chất lượng và tính đúng đắn của pipeline dữ liệu.

❖ *Về kỹ năng:*

- PLO4: Người học khi tốt nghiệp có khả năng thiết kế và triển khai mô hình hoặc hệ thống phân tích dữ liệu đáp ứng yêu cầu kỹ thuật và nghiệp vụ của tổ chức, có khả năng tập trung vào khai thác tài liệu kỹ thuật quốc tế và sử dụng thuật ngữ chuyên môn trong quá trình xây dựng hệ thống

+ PI 4.1: Người học phân tích yêu cầu và thiết kế kiến trúc mô hình hoặc hệ thống phân tích dữ liệu phù hợp với bối cảnh ứng dụng, có khả năng đọc hiểu các đặc tả kỹ thuật (Technical Specifications) và tiêu chuẩn quốc tế bằng tiếng Anh để áp dụng vào bản thiết kế. ✓

+ PI 4.2: Người học triển khai và xác nhận vận hành của mô hình hoặc hệ thống theo kịch bản nghiệp vụ và tiêu chí kỹ thuật đã xác định, Sử dụng chính xác các thuật ngữ chuyên ngành tiếng Anh trong mã nguồn, chú thích kỹ thuật và giao diện người dùng.

- PLO5: Người học khi tốt nghiệp có khả năng đánh giá hiệu năng và đề xuất tối ưu hóa mô hình phân tích dữ liệu dựa trên phân tích dữ liệu thực nghiệm.

+ PI 5.1: Người học tính toán các chỉ số hiệu năng để đánh giá mô hình bằng dữ liệu thực nghiệm.

+ PI 5.2: Người học đề xuất phương án tối ưu hóa mô hình dựa trên kết quả phân tích sai số và hạn chế.

- PLO6: Người học khi tốt nghiệp có khả năng trình bày và trao đổi giải pháp dữ liệu bằng tiếng Việt và tiếng Anh, sử dụng công cụ số để hợp tác và quản lý dự án trong môi trường đa ngành.

+ PI 6.1: Người học trình bày giải pháp dữ liệu bằng tiếng Việt và tiếng Anh theo cấu trúc kỹ thuật, đáp ứng tiêu chí rõ ràng, đúng trọng tâm và phù hợp đối tượng.

+ PI 6.2: Người học quản lý và điều phối dự án dữ liệu nhóm bằng công cụ số: lập kế hoạch, phân công nhiệm vụ và theo dõi tiến độ theo mục tiêu đã xác định.

❖ Về mức tự chủ và chịu trách nhiệm

- PLO7: Người học khi tốt nghiệp có khả năng nhận diện và xử lý các ràng buộc đạo đức, pháp lý liên quan đến dữ liệu; đồng thời chủ động lập kế hoạch phát triển nghề nghiệp và đề xuất ý tưởng đổi mới trong bối cảnh kinh tế số.

+ PI 7.1: Người học đánh giá rủi ro pháp lý và đạo đức trong dự án khoa học dữ liệu, đề xuất biện pháp xử lý và áp dụng quy định bảo mật dữ liệu phù hợp.

+ PI 7.2: Người học lập kế hoạch tự học hoặc đề xuất ý tưởng ứng dụng khoa học dữ liệu giải quyết vấn đề thực tiễn, kèm đánh giá sơ bộ tính khả thi. ✓

4. Ma trận liên kết giữa các học phần và Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

STT	Tên học phần	TC	PLOs													
			PLO1		PLO2		PLO3		PLO4		PLO5		PLO6		PLO7	
			PI1.1	PI1.2	PI2.1	PI2.2	PI3.1	PI3.2	PI4.1	PI4.2	PI5.1	PI5.2	PI6.1	PI6.2	PI7.1	PI7.2
1. Khối kiến thức Giáo dục đại cương																
a	Kiến thức lý luận chính trị															
1	Triết học Mác – Lênin	3	I													I
2	Kinh tế chính trị Mác - Lê nin	2	I													I
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	I													I
4	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	I													I
5	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	I													I
b	Kiến thức pháp luật															
6	Pháp luật đại cương	3	R							R						R
c	Ngoại ngữ															
7	Tiếng Anh chuyên ngành	3	I							I						I
8	Tiếng Anh chuyên ngành nâng cao	3	R							R						R
d	Toán – Tin học															
9	Năng lực số	3	I							I						I
10	Toán kinh tế	3	I							I						I
2. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp																
a	Kiến thức Cơ sở ngành															
11	Kinh tế học vi mô	3	I			I				I						I
12	Kinh tế học vĩ mô	3	I		I					I						I

STT	Tên học phần	TC	PLOs													
			PLO1		PLO2		PLO3		PLO4		PLO5		PLO6		PLO7	
			PI1.1	PI1.2	PI2.1	PI2.2	PI3.1	PI3.2	PI4.1	PI4.2	PI5.1	PI5.2	PI6.1	PI6.2	PI7.1	PI7.2
13	Nguyên lý kế toán	3	R	R								R			R	
14	Nguyên lý Marketing	3			R		R									
15	Quản trị học	3			R								I	R		I
16	Tài chính – Tiền tệ	3			R							R			R	
17	Luật kinh doanh	3			R						R				R	
18	Thuế	3			R							R			R	
19	Tài chính doanh nghiệp	3		R					R						R	
20	Khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo	3			R		M	M					R			R
21	Kinh tế lượng	3	R							R			R			R
22	Phát triển bền vững	3	R						R				R		R	
23	Lý thuyết xác suất và thống kê ứng dụng nâng cao	3	R							R						R
b Kiến thức ngành																
24	Toán cho khoa học dữ liệu	3	R	R					R			R				R
25	Lập trình Python cho khoa học dữ liệu	3		M/A	M/A	M/A		M/A								
26	Cơ sở dữ liệu	3		M/A	M/A	M/A		M								R
27	Ứng dụng Python vào phân tích dữ liệu	3		M/A				M/A								
28	Khai phá dữ liệu	3						M		M/A	M/A	M/A				R
29	Thống kê Bayes	3	I								R	R				
30	Trực quan hóa dữ liệu	3			M/A				M/A	M/A						

STT	Tên học phần	TC	PLOs									
			PLO1		PLO2		PLO3		PLO4		PLO5	
			PI1.1	PI1.2	PI2.1	PI2.2	PI3.1	PI3.2	PI4.1	PI4.2	PI5.1	PI5.2
43	Khóa luận tốt nghiệp	6										
<i>Hoặc</i>												
44	Thực tập cuối khóa	3										
45	Học phần thay thế: Ứng dụng các mô hình học máy trong tài chính	3										

Ghi chú: Mức độ đóng góp, hỗ trợ của học phần đối với PLOs được xác định cụ thể như sau:

- *I (Introduced)* – Học phần có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức giới thiệu/bắt đầu.
- *R (Reinforced)* – Học phần có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế, ...
- *M (Mastery)* – Học phần có hỗ trợ cao đạt được PLO và ở mức thuần thục/thông hiểu
- *A (Assessed)* – Học phần quan trọng (hỗ trợ tối đa việc đạt được PLO) cần được thu thập minh chứng để đánh giá chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.



TRƯỜNG KHOA
KHOA HỌC HỌC DỮ LIỆU

ong

Phạm Tiến Đạt

Trương Thành Công



MỤC TIÊU VÀ CHUẨN ĐẦU RA
CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHUẨN TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
(Ban hành kèm theo Quyết định số 1502/QĐ-DHTCM, ngày 15 tháng 4 năm 2026
của Hiệu trưởng trường Đại học Tài chính – Marketing)

1. Giới thiệu ngành đào tạo

- Ngành đào tạo (tiếng Việt): Trí tuệ nhân tạo
- Ngành đào tạo (tiếng Anh): Artificial intelligence
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Mã ngành: 7480107
- Định hướng đào tạo: Ứng dụng

2. Mục tiêu đào tạo:

2.1. Mục tiêu chung:

Chương trình đào tạo ngành Trí tuệ nhân tạo (AI) định hướng ứng dụng nhằm phát triển người học có nền tảng kiến thức và năng lực nghề nghiệp vững chắc trong lĩnh vực trí tuệ nhân tạo, có khả năng vận dụng công nghệ AI và dữ liệu trong các bối cảnh tài chính, kinh doanh và marketing số.

Chương trình chú trọng hình thành năng lực nghiên cứu, năng lực thực hành nghề nghiệp, năng lực đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp thông qua tư duy phân tích – thiết kế – triển khai các giải pháp công nghệ gắn với thực tiễn tổ chức; đồng thời có khả năng đánh giá, tối ưu và ứng dụng các hệ thống AI trong môi trường thực tiễn.

Đồng thời, chương trình bồi dưỡng đạo đức nghề nghiệp, trách nhiệm xã hội, ý thức tuân thủ pháp luật; phát triển năng lực thích ứng với môi trường công nghệ biến đổi nhanh, khả năng làm việc trong môi trường đa văn hóa và học tập suốt đời trong bối cảnh đổi mới sáng tạo và hội nhập quốc tế.

2.2. Mục tiêu cụ thể:

❖ Về kiến thức:

PO1: Có nền tảng kiến thức vững chắc về toán học, thống kê, khoa học máy tính và các mô hình trí tuệ nhân tạo hiện đại. Người học am hiểu bối cảnh nghiệp vụ kinh doanh, tài chính và marketing số để phân tích, mô hình hóa và đánh giá cơ hội ứng dụng công nghệ AI hiệu quả.

❖ Về kỹ năng:

PO2: Có năng lực phát triển, vận hành và cải tiến các giải pháp AI/Dữ liệu nhằm tự động hóa và tối ưu hóa quy trình trong tổ chức. Thành thạo kỹ năng giao tiếp chuyên nghiệp, phối hợp nhóm đa ngành và quản lý dự án công nghệ.

❖ Về mức tự chủ và trách nhiệm:

PO3: Thể hiện đạo đức nghề nghiệp, tuân thủ các quy định pháp luật về an toàn dữ liệu và trách nhiệm xã hội trong kỷ nguyên số. Duy trì tinh thần đổi mới sáng tạo, năng lực tự học và thích ứng linh hoạt với sự thay đổi không ngừng của công nghệ và kinh tế toàn cầu. ✓



3. Nội dung chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

❖ Về kiến thức

- PLO1: Phân tích và mô hình hóa được các bài toán kinh tế - xã hội bằng công cụ toán học và phương pháp trí tuệ nhân tạo phù hợp.

+ PI 1.1: Phân tích được mục tiêu, biến số và ràng buộc của bài toán để xác định phương pháp AI phù hợp trong lĩnh vực tài chính hoặc marketing số.

+ PI 1.2: Mô hình hóa được bài toán dưới dạng đầu vào, đầu ra và tiêu chí đánh giá phù hợp với phương pháp AI đã xác định.

- PLO2: Thiết kế được kiến trúc giải pháp AI phù hợp với mục tiêu và đặc trưng bài toán.

+ PI 2.1: Lựa chọn được thuật toán AI phù hợp dựa trên đặc trưng tập dữ liệu và yêu cầu nghiệp vụ.

+ PI 2.2: Thiết kế được quy trình xử lý dữ liệu và cấu trúc mô hình theo kiến trúc giải pháp đã xác định.

- PLO3: Đánh giá được cơ hội và tính khả thi của việc ứng dụng AI trong bối cảnh nghiệp vụ kinh doanh, tài chính và marketing số.

+ PI 3.1: PHÂN tích được quy trình và dữ liệu hiện có của tổ chức để xác định điểm có thể ứng dụng AI phù hợp.

+ PI 3.2: Đánh giá được tính khả thi của giải pháp AI dựa trên đặc thù nghiệp vụ và nguồn lực tổ chức.

❖ Về kỹ năng:

- PLO4: Phát triển được giải pháp AI theo kiến trúc đã thiết kế, bảo đảm tiêu chí chất lượng kỹ thuật.

+ PI 4.1: Xây dựng được pipeline AI có cấu trúc sử dụng ngôn ngữ lập trình và thư viện phù hợp với kiến trúc giải pháp; Sử dụng được Tiếng Anh để thực hiện hoặc giải quyết các công việc chuyên môn.

+ PI 4.2: Kiểm thử được chất lượng mã nguồn và hành vi hệ thống AI theo tiêu chí kỹ thuật đã xác định.

- PLO5: Triển khai và cải tiến được giải pháp AI trong môi trường ứng dụng thực tiễn dựa trên kết quả theo dõi hiệu năng.

+ PI 5.1: Triển khai được giải pháp AI trong môi trường ứng dụng theo tiêu chí kỹ thuật và nghiệp vụ đã xác định.

+ PI 5.2: Đề xuất được phương án cải tiến mô hình dựa trên phân tích chỉ số hiệu năng trong điều kiện thực tế.

- PLO6: Giao tiếp và phối hợp được hiệu quả trong dự án AI đa ngành.

+ PI 6.1: Trình bày được giải pháp AI theo cấu trúc phù hợp với đối tượng nghe.

+ PI 6.2: Phối hợp được tiến độ và nhiệm vụ trong nhóm dự án AI bằng công cụ quản lý dự án số. ✓

❖ *Về mức tự chủ và chịu trách nhiệm:*

- PLO7: Đề xuất được biện pháp ứng xử có trách nhiệm trong tình huống AI có rủi ro đạo đức, pháp lý; đồng thời lập được kế hoạch phát triển năng lực phù hợp với xu hướng công nghệ AI.

+ PI 7.1: Đề xuất được biện pháp kiểm soát rủi ro pháp lý và đạo đức dựa trên phân tích tình huống dự án AI.

+ PI 7.2: Xây dựng được kế hoạch tự học phù hợp với xu hướng công nghệ AI và yêu cầu nghề nghiệp hiện tại. ✓

4. Ma trận liên kết giữa các học phần và Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

STT	Tên học phần	TC	PLOs													
			PLO1		PLO2		PLO3		PLO4		PLO5		PLO6		PLO7	
			PI1.1	PI1.2	PI2.1	PI2.2	PI3.1	PI3.2	PI4.1	PI4.2	PI5.1	PI5.2	PI6.1	PI6.2	PI7.1	PI7.2
1. Khối kiến thức Giáo dục đại cương																
<i>a Kiến thức lý luận chính trị</i>																
1	Triết học Mác – Lênin	3	I													I
2	Kinh tế chính trị Mác – Lê nin	2	I													I
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	I													I
4	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	I													I
5	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	I													I
<i>b Kiến thức pháp luật</i>																
6	Pháp luật đại cương	3	I													R
<i>c Ngoại ngữ</i>																
7	Tiếng Anh trong kinh doanh	3	I							I						I
8	Tiếng Anh trong kinh doanh nâng cao	3	R							R						R
<i>d Toán – Tin học</i>																
9	Năng lực số	3	I							I						I
10	Toán kinh tế	3	I							I						I
2. Khối kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp																
<i>a Kiến thức cơ sở ngành</i>																
11	Kinh tế học vi mô	3	I		I					I						I
12	Kinh tế học vĩ mô	3	I		I					I						I
13	Nguyên lý kế toán	3	R	R									R			R
14	Nguyên lý Marketing	3			R			R								
15	Toán rời rạc	3		I		I				I						I

STT	Tên học phần	TC	PLOs												
			PLO1		PLO2		PLO3		PLO4		PLO5		PLO6		PLO7
			PI1.1	PI1.2	PI2.1	PI2.2	PI3.1	PI3.2	PI4.1	PI4.2	PI5.1	PI5.2	PI6.1	PI6.2	
16	Nền tảng lập trình Python	3		I					I						R/A
17	Phân tích dữ liệu với Python	3			I						I				I
18	Tài chính – Tiền tệ	3			R						R				R
19	Giải tích	3		I									I		I
20	Đại số tuyến tính	3		I	I										
21	Lý thuyết xác suất & thống kê ứng dụng nâng cao	3	R						R						R
22	Quản lý dữ liệu và truy vấn cho phân tích	3					R			R					R
23	Khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo	3			R		M	M					R		R
b Kiến thức ngành															
25	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	3		R					R						I
26	Nền tảng trí tuệ nhân tạo	3	R/A						R						R/A
27	Mạng máy tính và truyền thông	3						I		I					
28	Lập trình Hướng đối tượng với Python	3				R/A			R/A						I
29	Học máy và ứng dụng	3			R/A					R					I
30	Học sâu	3						M/A		M/A					I
31	Mô hình Ngôn ngữ và Ứng dụng	3					R/A		R						I
32	Thị giác máy tính	3						R	R/A						I
33	An toàn thông tin	3					R		R						M/A

STT	Tên học phần	TC	PLOs														
			PLO1		PLO2		PLO3		PLO4		PLO5		PLO6		PLO7		
			PI1.1	PI1.2	PI2.1	PI2.2	PI3.1	PI3.2	PI4.1	PI4.2	PI5.1	PI5.2	PI6.1	PI6.2	PI7.1	PI7.2	
			3. Tốt nghiệp														
45	Khóa luận tốt nghiệp	6															M/A
	Hoặc																
46	Thực tập cuối khóa	3															M/A
47	Học phần thay thế: Chuyển đổi số	3															R

Ghi chú: Mức độ đóng góp, hỗ trợ của học phần đối với PLOs được xác định cụ thể như sau:

- *I (Introduced)* – Học phần có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức giới thiệu/bắt đầu.
- *R (Reinforced)* – Học phần có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế, ...
- *M (Mastery)* – Học phần có hỗ trợ cao đạt được PLO và ở mức thuần thực/thông hiểu
- *A (Assessed)* – Học phần quan trọng (hỗ trợ tối đa việc đạt được PLO) cần được thu thập minh chứng để đánh giá chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.



**TRƯỜNG KHOA
KHOA HỌC HỌC DỮ LIỆU**

Chap

Trưởng Thành Công

★ Phạm Tiến Đạt

MỤC TIÊU VÀ CHUẨN ĐẦU RA
CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHUẨN TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
(Ban hành kèm theo Quyết định số 1502/QĐ-ĐHTCM, ngày 15 tháng 4 năm 2026
của Hiệu trưởng trường Đại học Tài chính – Marketing)

1. Giới thiệu chung về ngành đào tạo:

- Ngành đào tạo (tiếng Việt): **Ngôn ngữ Anh**
- Ngành đào tạo (tiếng Anh): **English Studies**
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Mã ngành: 7220201
- Định hướng đào tạo: Ứng dụng

2. Mục tiêu đào tạo:

2.1. Mục tiêu chung:

Chương trình đào tạo cử nhân ngành Ngôn ngữ Anh theo định hướng ứng dụng trang bị cho người học nền tảng tri thức vững chắc gắn với kỹ năng chuyên môn và năng lực thực hành nghề nghiệp, đồng thời từng bước hình thành khả năng tham gia nghiên cứu khoa học, tư duy đổi mới sáng tạo và định hướng khởi nghiệp. Trên cơ sở đó, chương trình tập trung phát triển phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp và năng lực chuyên môn toàn diện, giúp sinh viên sử dụng tiếng Anh thành thạo đạt trình độ tương đương bậc 5/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam, đáp ứng yêu cầu giao tiếp và làm việc hiệu quả trong môi trường kinh doanh và hội nhập quốc tế. Bên cạnh việc cung cấp kiến thức nền tảng về khoa học xã hội, ngôn ngữ học và kiến thức chuyên sâu về tiếng Anh thương mại, chương trình còn phát triển các kỹ năng nghề nghiệp thiết yếu như giao tiếp, đàm phán, biên - phiên dịch, thuyết trình, làm việc nhóm, ứng dụng công nghệ số và giải quyết vấn đề trong bối cảnh đa văn hóa; qua đó nâng cao năng lực tự chủ, khả năng nghiên cứu và sáng tạo, thích ứng với thị trường lao động, sẵn sàng khởi nghiệp, học tập suốt đời và phát triển nghề nghiệp bền vững.

2.2. Mục tiêu cụ thể:

❖ *Về kiến thức*

Vận dụng được kiến thức nền tảng về khoa học chính trị, khoa học xã hội, văn hóa và kinh tế - công nghệ nhằm hình thành tư duy hệ thống, làm cơ sở tiếp thu kiến thức chuyên ngành và tiếp tục học tập ở trình độ cao hơn.

Phân tích và vận dụng được các kiến thức nền tảng của ngôn ngữ học và kỹ năng tiếng Anh (ngữ pháp, ngữ âm, từ vựng, kỹ năng nghe - nói - đọc - viết) làm cơ sở phát triển năng lực giao tiếp học thuật và nghề nghiệp. ✓

Vận dụng thành thạo kiến thức tiếng Anh chuyên ngành kinh doanh và các lĩnh vực liên quan (marketing, quản trị, tài chính, thương mại quốc tế, văn hóa doanh nghiệp...) để giải quyết các vấn đề trong môi trường kinh doanh toàn cầu.

❖ *Về kỹ năng*

Sử dụng hiệu quả công nghệ số, công cụ tìm kiếm và xử lý dữ liệu; giao tiếp được bằng ngoại ngữ 2 trong các tình huống thông thường phục vụ học tập và công việc.

Thực hành thành thạo các kỹ năng giao tiếp tiếng Anh tích hợp (nghe – nói – đọc – viết) đạt trình độ tương đương bậc 5/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam, đáp ứng yêu cầu học thuật và nghề nghiệp.

Thực hiện hiệu quả các kỹ năng nghề nghiệp trong môi trường kinh doanh quốc tế như thuyết trình, đàm phán, soạn thảo văn bản thương mại, biên - phiên dịch, làm việc nhóm và giải quyết vấn đề trong bối cảnh đa văn hóa.

❖ *Về mức tự chủ và trách nhiệm:*

Thể hiện năng lực tự học, tự định hướng nghề nghiệp; chủ động lập kế hoạch và quản lý công việc; tuân thủ đạo đức nghề nghiệp; chịu trách nhiệm cá nhân và nhóm trong quá trình thực hiện nhiệm vụ chuyên môn.

3. Nội dung chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

❖ *Về kiến thức*

- PLO1: Vận dụng được kiến thức nền tảng về lý luận chính trị, khoa học xã hội, văn hóa và ngôn ngữ, kinh tế và công nghệ số, ngoại ngữ (tiếng Trung) để phân tích các vấn đề học thuật và nghề nghiệp cơ bản.

+ PI 1.1: Phân tích và giải thích được các vấn đề xã hội, kinh tế hoặc văn hóa dựa trên cơ sở lý luận chính trị và kiến thức khoa học xã hội đã học.

+ PI 1.2: Vận dụng được kiến thức marketing, quản trị và công nghệ số để xử lý và trình bày một tình huống học thuật hoặc nghề nghiệp cơ bản dưới dạng bài viết, báo cáo hoặc thuyết trình.

- PLO2: Phân tích và vận dụng kiến thức ngôn ngữ học, hệ thống tiếng Anh và các kỹ năng ngôn ngữ, kết hợp với hiểu biết về văn hóa Anh - Mỹ, nhằm phát triển năng lực giao tiếp học thuật và nghề nghiệp.

+ PI 2.1: Phân tích và giải thích được các hiện tượng ngôn ngữ của tiếng Anh (ngữ âm, ngữ pháp, ngữ nghĩa) và các yếu tố văn hóa - giao tiếp trong văn bản, diễn ngôn hoặc tình huống giao tiếp bằng tiếng Anh.

+ PI 2.2: Vận dụng kiến thức và kỹ năng ngôn ngữ học để sử dụng tiếng Anh có tính chính xác và phù hợp ngữ cảnh trong giao tiếp học thuật và nghề nghiệp.

- PLO3: Vận dụng tiếng Anh chuyên ngành kinh doanh để phân tích, xử lý và chuyển tải nội dung chuyên môn trong môi trường quốc tế, kết hợp với hiểu biết về văn hóa doanh nghiệp, thương lượng, tổ chức sự kiện và khả năng hỗ trợ chuyển ngữ. ✓

+ PI 3.1: Phân tích và giải thích được các khái niệm, thuật ngữ và quy trình chuyên môn trong các lĩnh vực marketing, quản trị, tài chính, thương mại quốc tế và các hoạt động kinh doanh bằng tiếng Anh.

+ PI 3.2: Vận dụng kiến thức về biên - phiên dịch và giao tiếp kinh doanh liên văn hóa để xử lý nội dung chuyên môn và tình huống giao tiếp trong môi trường kinh doanh quốc tế.

❖ *Về kỹ năng:*

- PLO4: Vận dụng tư duy lý luận, kỹ năng giao tiếp, ngoại ngữ 2 và công nghệ số để phân tích, xử lý các vấn đề kinh tế - xã hội cơ bản trong học tập và môi trường làm việc.

+ PI 4.1: Vận dụng tư duy lý luận và kỹ năng giao tiếp để phân tích, trình bày và thảo luận các vấn đề kinh tế - xã hội cơ bản trong bối cảnh học tập.

+ PI 4.2: Ứng dụng công nghệ số phù hợp để thu thập, xử lý thông tin và đề xuất giải pháp cho các vấn đề kinh tế - xã hội trong môi trường học tập và làm việc.

- PLO5: Sử dụng thành thạo các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tiếng Anh đạt trình độ tương đương bậc 5/6 (C1) theo Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam trong môi trường học thuật và nghề nghiệp trên nền tảng kiến thức ngôn ngữ học và hiểu biết về văn hóa Anh - Mỹ.

+ PI 5.1: Thực hiện các nhiệm vụ giao tiếp học thuật và nghề nghiệp bằng tiếng Anh với độ chính xác, trôi chảy và mạch lạc cao, thể hiện khả năng hiểu và xử lý thông tin phức tạp.

+ PI 5.2: Lựa chọn và vận dụng linh hoạt các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết để thích ứng với các mục đích giao tiếp, đối tượng và bối cảnh khác nhau trong môi trường học thuật và nghề nghiệp.

- PLO6: Thực hiện hiệu quả các kỹ năng nghề nghiệp bằng tiếng Anh trong môi trường kinh doanh quốc tế, bao gồm giao tiếp thương mại, đàm phán, soạn thảo văn bản chuyên môn, biên - phiên dịch và xử lý tình huống trong bối cảnh đa văn hóa.

+ PI 6.1: Thực hiện được hoạt động giao tiếp thương mại bằng tiếng Anh (thuyết trình, đàm phán, trao đổi công việc, viết email và báo cáo chuyên môn).

+ PI 6.2: Thực hiện được nhiệm vụ biên dịch, phiên dịch hoặc xử lý tình huống phát sinh trong môi trường kinh doanh đa văn hóa bằng tiếng Anh.

❖ *Về mức tự chủ và chịu trách nhiệm*

- PLO7: Thể hiện năng lực tự học, tự định hướng nghề nghiệp, tổ chức công việc và chịu trách nhiệm cá nhân, nhóm trong môi trường chuyên môn.

+ PI 7.1: Xây dựng và thực hiện được kế hoạch học tập hoặc kế hoạch phát triển nghề nghiệp cá nhân; chủ động tìm kiếm cơ hội thực tập, bồi dưỡng chuyên môn.

+ PI 7.2: Thực hiện nhiệm vụ được giao đúng tiến độ; phối hợp hiệu quả trong làm việc nhóm; chịu trách nhiệm về kết quả cá nhân và tập thể. ✓



4. Ma trận liên kết giữa các học phần và Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

STT	Tên học phần	TC	PLOs													
			PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7							
			PI1.1	PI1.2	PI2.1	PI2.2	PI3.1	PI3.2	PI4.1	PI4.2	PI5.1	PI5.2	PI6.1	PI6.2	PI7.1	PI7.2
1. Khối kiến thức Giáo dục đại cương																
a	Kiến thức lý luận chính trị															
1	Triết học Mác – Lênin	3	I													I
2	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	2	I													I
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	I													I
4	Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam	2	I													I
5	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	I													I
b	Kiến thức khoa học xã hội															
6	Dẫn luận ngôn ngữ học	3	I						I							I
7	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	I						I							I
8	Tiếng Việt thực hành	3	I						I							I
c	Ngoại ngữ															
9	Tiếng Trung 1	3	I						I							I
10	Tiếng Trung 2	3	R						R							I
11	Tiếng Trung 3	3	R						R							I
d	Kinh tế - Công nghệ															
12	Nguyên lý Marketing	3		R			R									
13	Quản trị học	3		R										I	R	I
14	Năng lực số	3	I						I							I
2. Khối kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp																
a	Kiến thức Cơ sở ngành															
15	Ngữ pháp nâng cao	3		R								R				I

STT	Tên học phần	TC	PLOs													
			PLO1		PLO2		PLO3		PLO4		PLO5		PLO6		PLO7	
			PI1.1	PI1.2	PI2.1	PI2.2	PI3.1	PI3.2	PI4.1	PI4.2	PI5.1	PI5.2	PI6.1	PI6.2	PI7.1	PI7.2
16	Nghe – Nói 1	3				I								I		I
17	Nghe – Nói 2	3				R								R		R
18	Nghe – Nói 3	3				M/A					M/A			M/A		R
19	Đọc hiểu 1	3				I					I				I	
20	Đọc hiểu 2	3			R						R/A					R
21	Viết 1	3				I					I				I	
22	Viết 2	3				R					R				R	
23	Viết 3	3				M/A						M/A			R	
b	Kiến thức ngành															
24	Ngữ âm học – Âm vị học	3			I						I					I
25	Hình thái học – Cú pháp học	3			R						R					I
26	Ngữ nghĩa học	3	R/A		R/A										R	R
27	Văn hóa Anh – Mỹ	3			I						I				I	I
c	Kiến thức chuyên ngành															
Học phần bắt buộc																
28	Kỹ năng giao tiếp tiếng Anh kinh doanh	3						R						R		R
29	Biên dịch	3							R						R	R
30	Phiên dịch	3							R					R		R
31	Tiếng Anh Marketing	3		R/A					R/A					R/A		R/A
32	Tiếng Anh Quản trị	3		R/A					R/A					R		R
33	Tiếng Anh kinh doanh quốc tế	3								R				R		R
34	Tiếng Anh Tài chính – Ngân hàng	3								R				R		R

